
NHÂN THỨC
PHẬT GIÁO

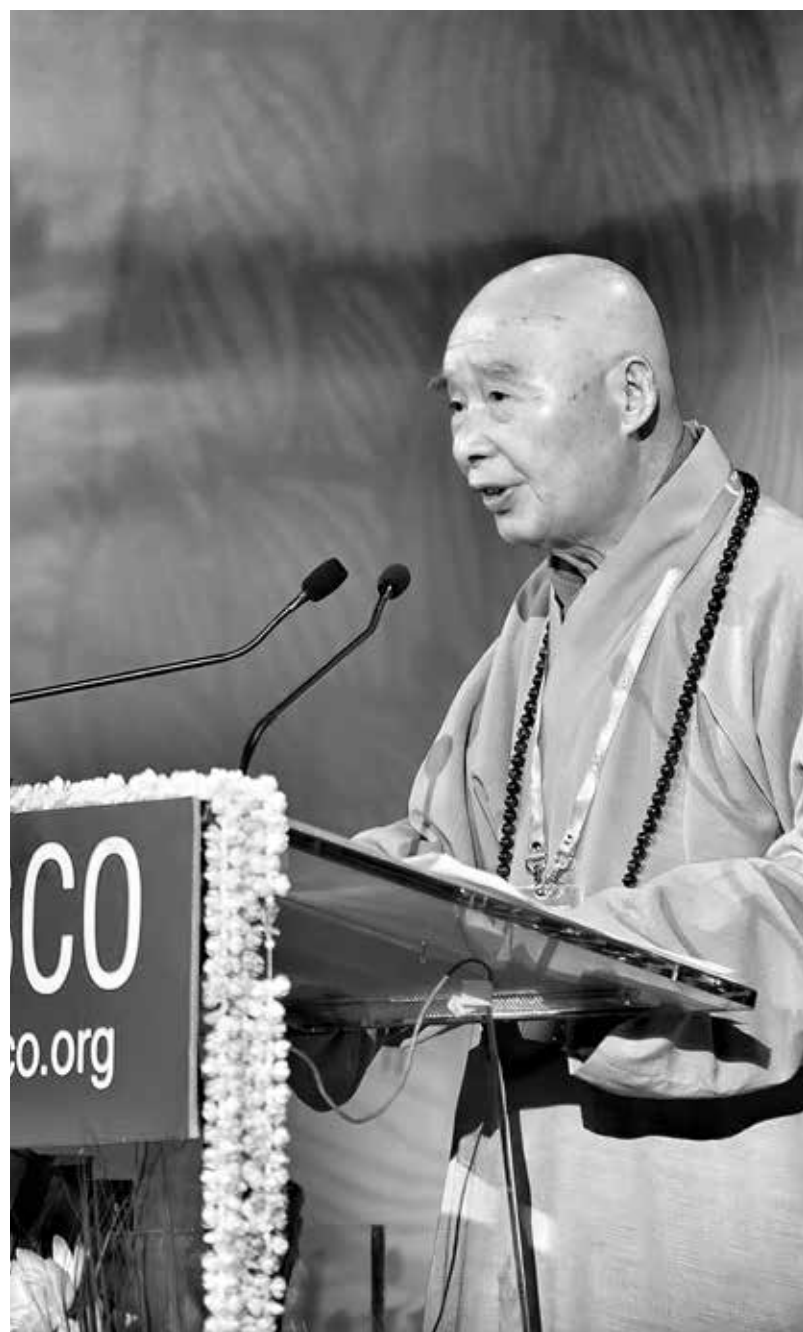
MỤC LỤC

Lời nói đầu	
I. Duyên khởi	9
II. Phật pháp là gì?	13
III. Phật giáo là gì?	17
IV. Mục tiêu giáo dục của Phật-đà	39
1. Quy định học vị trong Phật giáo	41
2. Mục tiêu giáo học của Phật giáo	66
V. Nhập môn giáo dục Phật giáo	
- Kinh Địa Tạng	75
1. Đại viên mãn	81
2. Pháp Đại thừa viên mãn - Tứ đại Bồ-tát	135
VI. Năm khoa mục lớn	
trong tu học Phật pháp	159
1. Tam phước	175
1.1. Phước nhân thiên	175

1.2. Phước Nhị thừa	179
1.3. Phước Đại thừa	186
2. Lục hòa kính	197
3. Tam học Giới - Định - Tuệ	206
4. Lục độ	216
4.1. Bố thí	216
- Bố thí tài	219
- Bố thí pháp	219
- Bố thí vô úy	220
4.2. Trì giới	225
4.3. Nhẫn nhục	226
4.4. Tinh tấn	228
4.5. Thiền định và Bát-nhã	229
5. Thập nguyện	232
VII. Thứ lớp tu học Phật pháp	235
1. Tín - Giải - Hành - Chứng	235
2. Giới - Định - Tuệ cùng tu	241
VIII. Nghệ thuật giáo học trong Phật pháp	251
IX. Tổng kết	263
X. Thuật ngữ Phật học trong sách này	301

LỜI NÓI ĐẦU

Nhận Thức Phật Giáo thực sự rất quan trọng đối với người mới bắt đầu tu học. Có rất nhiều đồng tu có quan niệm sai lầm về Phật giáo. Vì vậy, chúng ta phải in ấn và lưu thông rộng rãi quyển sách này, để giúp cho người tu học xây dựng được quan niệm đúng đắn về Phật giáo. Tuy nhiên, vài lời không thể nói đủ hết ý nghĩa, nhưng với sự phát tâm và cúng dường chân thành, chúng tôi hy vọng các đồng tu hữu duyên đều có thể hoan hỷ, đồng thời đạt được thọ dụng và lợi ích chân thật của Phật pháp!



I. DUYÊN KHỞI

Chư vị đồng tu, xin chào mọi người! Hôm nay là ngày đầu năm mới, chúng ta có thể ở Úc Châu, tụ hội về nơi đây cùng mọi người thảo luận Phật pháp, tôi cảm thấy rất vui, nhân duyên thật sự thù thắng không gì bằng.

Đề tài giảng giải lần này, chúng tôi chọn là “Nhập Thức Phật Giáo”. Đề tài này trước kia ở San Francisco có một nơi gọi là miếu Bà Thiên Hậu¹, miếu này là từ Đài Loan phân

1 Thiên Hậu Thánh Mẫu (天后聖母) hay bà Thiên Hậu, còn

nhánh sang nước Mỹ. Khi miếu Bà Thiên Hậu mời tôi đến diễn giảng thì tôi liền nghĩ ngay đến đề tài này, đồng thời cũng viết ra một đại cương như vậy. Nhưng lúc đó thời gian chỉ có một tiếng rưỡi đồng hồ, không thể nào giới thiệu tường tận được. Sau này vào năm 1992, trong buổi phỏng vấn ở thành phố Miami thuộc miền Đông nước Mỹ, lúc đó ở mỗi một thành phố tôi đều giới thiệu với mọi người đại ý kinh Địa Tạng. Sau khi đến Miami, cư sĩ Tăng Hiến Vĩ, sau này ông cũng xuất gia rồi, tiếng Anh của ông rất tốt, năng lực phiên dịch rất giỏi; lúc bấy giờ cũng có một số người nước ngoài đến nghe, tôi xem thấy tình hình của hội trường khi đó liền đem đề tài giảng sửa đổi trở lại, không

gọi là Ma Tổ (媽祖), Mẫu Tổ (母祖), hay là Thiên Thượng Thánh Mẫu (天上聖母) hoặc Thiên Hậu Nguyên quân (天后元君); là một vị thần quan trọng trong tín ngưỡng của người Trung Hoa và người Việt gốc Hoa. Bà được xem như vị thần bảo trợ của ngư phủ và người đi biển, được tôn kính đặc biệt cả trong Phật giáo và Đạo giáo ở các quốc gia Đông Á, và nhất là tại Đài Loan. Ngày tưởng niệm bà là ngày 23 tháng 3 âm lịch hằng năm.

còn giới thiệu kinh Địa Tạng nữa mà chuyển thành giới thiệu Nhận Thức Phật Giáo.

Tôi còn nhớ thính chúng ở Miami so với hội trường hiện tại của chúng ta ít hơn một nửa. Nhưng ảnh hưởng của tuần diễn giảng đó là vô cùng lớn, những băng thu âm này về sau được viết thành sách, lưu thông phổ biến trên toàn thế giới, số lượng in ấn cũng rất nhiều, tôi nghĩ quý vị cũng đã xem qua.

Lần này tôi hoảng pháp ở Singapore, các đồng tu Singapore gần đây muốn đem những băng thu âm này làm thành đĩa CD để thuận tiện cho việc lưu giữ. Mọi người đến nói với tôi rằng: Nhận Thức Phật Giáo, quyển sách nhỏ này rất quan trọng, đáng tiếc là chưa có băng thu hình, nếu như có thể thu hình làm thành đĩa DVD thì đó là việc lý tưởng nhất. Thế nên lần này, chúng tôi có cơ duyên đến nơi đây sẽ thành toàn nguyện vọng của họ. Lần này chúng tôi sẽ ghi hình

làm một bộ đĩa thật tốt, tương lai có thể lưu thông khắp nơi. Đây là nói sơ qua một chút cho quý vị biết về nhân duyên này.



II. PHẬT PHÁP LÀ GÌ?

[Nói đến việc] học Phật, ngày nay chúng ta ở rất nhiều địa phương, khu vực, quốc gia nhìn thấy người học Phật càng ngày càng nhiều, nhưng rốt cuộc Phật pháp là gì? Người thật sự có thể nói được rõ ràng, làm cho sáng tỏ thực sự không nhiều. Do đó, đề mục này đích thực là vô cùng quan trọng. Trước đây ở Trung Quốc, vào những năm đầu Dân Quốc, hình như là năm Dân Quốc thứ 12, khi đó có một vị tiên sinh tên

là Âu Dương Cánh Vô, tôi nghĩ những người có hiểu biết đôi chút đối với Phật giáo thời cận đại của Trung Quốc đều biết Đại sư Âu Dương. Ông đã từng ở trường Đại học Trung Sơn Đệ Tứ tổ chức một buổi diễn giảng, đề mục của ông là: *“Phật pháp không phải là tôn giáo, không phải là triết học, mà là điều người thời nay không thể thiếu”*. Lần diễn giảng ấy quả thật đã làm chấn động cả giới Phật giáo Trung Quốc. Bởi vì thông thường mọi người đều xem Phật giáo là tôn giáo. Vì sao Phật giáo không phải là tôn giáo? Trong giới học thuật, đặc biệt là giới học thuật Nhật Bản đã xem Phật giáo thành triết học, Đại sư Âu Dương nói Phật giáo cũng không phải triết học. Nhưng rốt cuộc Phật giáo là gì thì ông ấy không nói. Ông chỉ nói, *“là điều mà người thời nay không thể thiếu”*, chính là điều mà người thời nay nhất định phải học tập.

Lần diễn giảng này, do học trò của ông là cư sĩ Vương Ân Dương ghi chép lại và lưu

thông, cũng rất nổi tiếng vào những năm đầu Dân Quốc. Vào năm 1977, tôi ở thư viện Phật Giáo Trung Hoa Hồng Kông xem thấy bản chép của buổi diễn giảng này, sau đó tôi mang đến Đài Loan in lại, cũng đã lưu thông không ít. Sau khi chúng tôi đọc xong quyển sách nhỏ này cảm thấy quan điểm của ông rất chính xác.





III. PHẬT GIÁO LÀ GÌ?

Vậy thì Phật giáo rốt cuộc là gì? Chúng ta nhất định phải đem nó nhận thức cho rõ ràng. *“Phật giáo là giáo dục, đích thật là giáo dục chí thiện viên mãn của đức Phật Thích-ca Mâu-ni đối với chúng sanh trong chín pháp giới”*.

Từ những chỗ nào chúng ta có thể thấy ra được? Trước tiên là từ trong cách thức xưng hô của Phật giáo chúng ta có thể thấy ra được. Bạn xem, chúng ta xưng đức Phật

Thích-ca Mâu-ni là “Bổn sư”, sư là thầy giáo, Bổn sư chính là vị thầy căn bản, dùng lời hiện nay mà nói thì chính là người sáng lập ra giáo học này, ngài là vị thầy đầu tiên. Còn chúng ta tự xưng là “đệ tử”, đệ tử là học trò. Cho nên, từ trên cách xưng hô thấy được rất rõ ràng, chúng ta cùng với Phật là quan hệ thầy trò. Trong tôn giáo không có cách xưng hô này, trong tôn giáo là quan hệ chủ tớ, quan hệ cha con, quan hệ thần với người. Loại quan hệ như vậy ở trong nhà Phật không có, đây là điều mà chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng. Người sáng lập ra Phật giáo là đức Phật Thích-ca Mâu-ni, về lịch sử của ngài thì chúng ta ở nơi đây không cần phải mất thời gian giới thiệu, trong sử truyện chúng ta cũng có thể xem thấy được. Ngài sinh ra ở bắc Ấn Độ, ngày nay là Nepal, phía nam núi Himalaya. Ngài sinh vào năm Giáp Dần, Chu Chiêu Vương năm thứ 26 của Trung Quốc, Phật diệt độ vào thời Chu Mục

Vương năm thứ 53, đây là được ghi chép trong lịch sử Trung Quốc. Nhưng về niên đại của Phật thì Trung Quốc và ngoại quốc ghi chép có sự khác biệt rất lớn, nếu căn cứ theo ghi chép này thì sau khi Phật diệt độ đến nay đáng lẽ là 3021 năm. Nhưng theo ghi chép của người ngoại quốc thì năm nay mới chỉ hơn 2500 năm, khác biệt nhau gần 600 năm. Sự việc này không chỉ riêng Phật-đà, phạm là khảo chứng niên đại năm sinh, năm mất của người xưa, hầu như đều có rất nhiều cách nói khác nhau, rốt cuộc cách nói nào mới chính xác? Vấn đề này rất khó đoán định, cũng có thể nói là không có cách gì để xác định. Nhưng mà những việc này thật ra mà nói cũng chẳng phải quan trọng lắm, chúng ta không làm công tác khảo cổ cho nên việc này không quan trọng, quan trọng là chúng ta phải hiểu rõ giáo nghĩa của đức Phật. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thật sự là nhân vật có thật, năm xưa ngài giảng kinh thuyết pháp

chân thật đã lưu lại rất nhiều kinh điển, việc này đáng được chúng ta khẳng định.

Phật giáo chính thức truyền đến Trung Quốc là vào năm Vĩnh Bình thứ 10 thời Hậu Hán (công nguyên năm 67), đây là chính thức được triều đình Trung Quốc tiếp nhận, cũng chính là đế vương Trung Quốc phái đặc sứ đi thỉnh mời đến Trung Quốc. Việc Phật giáo chưa chính thức truyền đến Trung Quốc trong lịch sử cũng có ghi chép lại, đại khái lúc đó là vào thời Xuân Thu Chiến Quốc đã có tin tức Phật giáo truyền đến Trung Quốc. Nhưng chúng ta từ trên lịch sử mà nói, vẫn là lấy năm quốc gia chính thức thỉnh mời để ghi chép lại.

Phật giáo là gì? Chúng ta y theo cương lĩnh này mà nói, Phật giáo là giáo dục của Phật-đà. Phật-đà là dịch âm từ tiếng Phạn của Ấn Độ, ý nghĩa của nó là trí tuệ, là giác ngộ. Vì sao năm xưa lúc phiên dịch lại không

dịch từ này thành Trí Giác? Nếu dịch thành Trí Giác thì ngày nay chúng ta xem đến danh từ này liền sẽ hiểu được, không đến nỗi mơ hồ. Vì sao lại không dịch như vậy? Đây là thể lệ trong phiên dịch kinh điển của thời xưa, có năm loại không dịch gọi là “ngũ bất phiên”. Thuộc về một trong năm loại không dịch, điều này là thuộc về “hàm nghĩa nhiều nên không dịch”, ý nghĩa bao hàm trong danh từ này quá nhiều, trong từ vựng Trung Quốc không tìm ra được một từ tương đương để phiên dịch, cho nên liền dùng dịch âm, sau đó thêm vào phần giải thích.

“Trí” mà trong chữ Phật-đà này nói cùng với trí tuệ trong khái niệm thông thường của chúng ta là không giống nhau, do đó nhất định phải thêm phần giải thích. Trí tuệ của Phật-đà, nếu như nói một cách khái quát thì chính là đối với vũ trụ nhân sinh, quá khứ vị lai, hết thấy các pháp ngài đều hiểu rõ, mà còn hiểu một cách chính xác, hiểu một cách

viên mãn rốt ráo, trí tuệ như vậy mới gọi là Phật-đà.

Chúng ta sau khi nghe cách nói này, người mới nghe qua quả thật là rất khó tiếp nhận! Điểm này có một chút giống như trong tôn giáo gọi Thượng đế là “toàn tri toàn năng”. Con người sao có thể là toàn tri toàn năng cho được? Thế nhưng đức Phật Thích-ca nói cho chúng ta biết, hết thảy chúng sanh, bao gồm cả bản thân chúng ta trong đó, thật sự đều có trí tuệ này, đều có năng lực này. Do đó, Phật pháp đối với hết thảy chúng sanh đều có cách nhìn bình đẳng, vốn dĩ là bình đẳng. Phật không cao hơn chúng ta một bậc, chúng ta cũng chẳng thấp hơn Phật một bậc, đều là bình đẳng. Tuy là bình đẳng nhưng năng lực, trí tuệ của chúng ta hiện nay thật sự là có khác nhau.

Ở trong xã hội này có người thông minh, cũng có người ngu si, có người năng lực rất

giỏi, cũng có người năng lực rất yếu kém. Vì sao lại sinh ra hiện tượng này? Phật bảo với chúng ta, đây là vì bạn đã mê mất bản năng của mình. Bạn vốn dĩ có trí tuệ, trí tuệ cứu cánh viên mãn, nhưng bạn mê mất rồi. Mê mất, chẳng phải là mất thật sự, chỉ là mê mà thôi. Nếu như có thể phá trừ mê hoặc thì năng lực của bạn sẽ khôi phục trở lại. Thế nên, Phật dạy cho chúng ta không có gì khác, chính là bảo chúng ta đem mê hoặc điên đảo trừ bỏ đi, khôi phục lại bản năng của chúng ta mà thôi. Cho nên nói “Phật độ chúng sanh”, trên kinh Đại thừa thường nói “Phật đâu có độ chúng sanh!”, Phật không hề độ chúng sanh. Chúng sanh làm thế nào thành Phật? Là chính bạn tự thành Phật, Phật chỉ ở giữa giúp đỡ bạn, sự giúp đỡ này là xem bạn mê như thế nào, đem những chân tướng sự thật này nói ra cho bạn biết, sau khi nghe xong bạn liền giác ngộ, rồi sau đó bạn đem mê hoặc của mình buông bỏ thì bạn sẽ thành Phật.

Từ chỗ này xem thấy, Phật pháp đích thực là sư đạo, thầy giáo chỉ có thể dạy bảo chúng ta, còn thành tựu của học trò thì suy cho cùng vẫn phải do chính bản thân học trò nỗ lực phấn đấu mới có thể thành tựu, ở phương diện này thầy giáo không thể giúp đỡ gì được. Điều mà thầy giáo có thể giúp đỡ chỉ là đem những lý luận này nói rõ ràng, đem phương pháp, kinh nghiệm tu học chứng quả của chính mình cung cấp cho chúng ta làm tham khảo mà thôi. Thế nên, trong Phật pháp không có mê tín, điều này trước tiên chúng ta phải đem nó nhận thức cho rõ ràng, phải đem quan niệm này sửa đổi trở lại. “*Phật pháp là giáo dục, Phật pháp là sư đạo*”, chúng ta phải xem Phật là thầy giáo.

Ngày nay chúng ta xây dựng đạo tràng, chúng ta cúng tượng Phật, không phải đã xem Phật như thần linh rồi sao! Nếu xem Phật, Bồ-tát giống như thần linh để cầu cúng thì đó là tôn giáo. Thế nên, ngày nay chúng

ta gọi Phật giáo là tôn giáo, thực tế mà nói cũng không thể nào phủ nhận được, vì sao vậy? Phật giáo đích thực đã biến thành tôn giáo rồi, đây là việc rất bất hạnh. Bạn xem người học Phật rất nhiều, có mấy ai không xem Phật, Bồ-tát như thần linh để cầu cúng, xem như thần linh để cúng bái, đây là việc sai lầm rất lớn, đã sai từ rất lâu rồi. Người sáng tỏ biết được, chúng ta cúng dường hình tượng Phật là có hai ý nghĩa:

- Ý nghĩa thứ nhất là báo ân, ý nghĩa kỷ niệm. Giáo dục tốt như vậy, chúng ta có thể gặp được, có thể tiếp nhận ngay trong đời này thật sự là quá may mắn! Kệ khai kinh thường nói: “Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được”, điều này một chút cũng không giả. Chúng ta cảm ân đội đức đối với thầy, kỉ niệm thầy, cũng giống như người Trung Quốc chúng ta cúng dường bài vị tổ tiên vậy, đây là “uống nước nhớ nguồn”, chúng ta có ân tình sâu dày như vậy ở bên trong.

- Ý nghĩa thứ hai là thấy người hiền muốn noi theo. Nghĩ thử xem, đức Phật Thích-ca Mâu-ni cũng là người bình thường, ngài có thể giác ngộ, ngài có thể thành tựu, vì sao ta không giác ngộ? Vì sao ta không thành tựu? Cho nên, tôn tượng này đặt ở nơi đó là thời thời khắc khắc nhắc nhở chính chúng ta, là ý nghĩa này, tuyệt đối chẳng phải mê tín! Không phải xem tượng Phật, Bồ-tát như thần linh để cầu cúng. Trong Phật giáo, hình tượng Phật, Bồ-tát có rất nhiều, cho nên có một số người cho rằng Phật giáo không những là tôn giáo, mà còn là tôn giáo cấp thấp, tôn giáo cấp thấp chính là “đa thần giáo, phiếm thần giáo”². Tôn giáo cấp cao chỉ có một vị thần, chỉ có một chân thần, thần của Phật giáo thì quá nhiều quá nhiều rồi, mấy nghìn mấy vạn, cho nên Phật giáo không những biến thành tôn giáo, mà còn biến thành tôn giáo cấp thấp. Kỳ thật điều này hoàn toàn bị người ta hiểu lầm.

2 Tôn giáo có nhiều vị thần, các vị thần phù phiếm.

Trong Phật pháp, danh hiệu của Phật đích thực là rất nhiều. Bạn xem đức Phật giảng kinh Vạn Phật Danh cho chúng ta, trong Đại tạng kinh có một bộ kinh gọi là kinh Vạn Phật Danh. Thế Tôn kể ra cho chúng ta khoảng hơn 12.000 danh hiệu Phật, còn danh hiệu của Bồ-tát thì càng nhiều hơn nữa. Vì sao lại có nhiều Phật, nhiều Bồ-tát đến như vậy? Quý vị nhất định phải biết một sự thật, đó là trí tuệ trong bốn tánh của chính chúng ta là vô lượng vô biên, đức năng tài nghệ cũng là vô lượng vô biên, một danh hiệu thì không có cách nào để biểu đạt hết. Giống như trong xã hội hiện nay, một người có địa vị, có tài năng, một khi danh thiếp của họ lấy ra thì có đến mười mấy, hai mươi mấy loại chức danh. Một chức danh thì được rồi, tại sao họ phải đặt ra nhiều loại như vậy? Danh hiệu đó của đức Phật Thích-ca Mâu-ni nêu ra có đến mấy vạn danh hiệu! Biểu thị vô lượng vô biên đức năng của ngài, ý nghĩa

là như vậy. Tất cả danh hiệu của chư Phật là biểu thị cho đức năng vốn có đầy đủ trong bốn tánh của chúng ta. Vì vậy, hết thảy các danh hiệu Phật chính là bản thân bạn, không phải người khác, phải hiểu được điều này.

Hết thảy danh hiệu Bồ-tát biểu thị cho tu đức của chúng ta, bản năng trong tự tánh của chúng ta là vô lượng vô biên, nhưng nếu không cố gắng tu tập, năng lực đó của chúng ta một thứ cũng không thể hiển lộ, cho nên nhất định phải nỗ lực tu tập. *“Danh hiệu của Bồ-tát đại biểu cho tu đức, danh hiệu của Phật đại biểu cho tánh đức”*, hoàn toàn là chính mình, ngoại trừ mình ra quyết định không có người thứ hai.

Bạn phải hiểu rõ ý nghĩa này thì bạn mới biết được phương thức giáo học của Phật pháp, nếu dùng lời hiện nay để nói, đây là đã đạt tới nghệ thuật hóa cao độ. Phật giáo không chỉ có danh hiệu, mà còn dùng những

hình tượng điêu khắc, đắp nặn để làm biểu pháp, bạn nhất định phải hiểu rõ hàm nghĩa chân thật của việc ấy; thật sự sáng tỏ rồi, bạn mới đạt được lợi ích chân thật của giáo học Phật pháp, đây là điều đầu tiên chúng ta cần phải biết.

Phật pháp truyền đến đời sau, Phật-đà không còn ở đời, đệ tử Phật đem lời giáo huấn của thầy đời đời tương truyền lại. Trong nhà Phật chúng ta thường nghe đến cách xưng hô “hòa thượng” và “A-xà-lê”. A-xà-lê, người Trung Quốc chúng ta quen gọi là “pháp sư”. Những danh xưng này trong tôn giáo không có. Hòa thượng và A-xà-lê đều là âm tiếng Phạn của Ấn Độ, ý nghĩa của hòa thượng là thân giáo sư, nếu dùng lời hiện nay mà nói thì chính là vị thầy đích thân dạy bảo chúng ta, chúng ta liền xưng vị ấy là hòa thượng. Ở trong một trường học, đích thân dạy bảo học sinh là hiệu trưởng, chính sách giáo dục là do ông quyết định, khóa trình là do ông chỉ đạo,

những giáo viên kia là chấp hành theo sự chỉ đạo của ông, giúp đỡ ông dạy học. Thế nên, thành công hay thất bại trong việc dạy học là do hiệu trưởng chịu trách nhiệm, giáo viên không chịu trách nhiệm, vì thế hiệu trưởng chính là hòa thượng, là thân giáo sư.

Hòa thượng, cách xưng hô này vô cùng tôn quý, hết sức thân mật. Thế nên, trong trường đại học hiện nay, ngoại trừ hiệu trưởng ra còn có chỉ đạo giáo thọ, chỉ đạo giáo thọ có thể nói vị ấy cũng là thân giáo sư, cũng có thể xưng vị ấy là hòa thượng. Cho nên, hòa thượng là một danh từ phổ thông, chẳng phải là một danh từ chuyên dùng trong nhà Phật, người đích thân dạy bảo mình thì chúng ta gọi vị ấy là hòa thượng. Giống như đi học trong trường vậy, chúng ta chỉ gọi hiệu trưởng là hòa thượng, còn tất cả các thầy cô khác chúng ta gọi là A-xà-lê, hiện nay gọi là giáo thọ. Ý nghĩa của từ A-xà-lê so với ý nghĩa của từ giáo thọ còn viên mãn hơn, lời

nói cử chỉ của vị thầy này có thể làm gương mẫu cho mình, mình nên học tập theo thầy ấy. Cho nên A-xà-lê được gọi là người thầy mẫu mực, lời nói và hành vi của thầy có thể làm mô phạm cho mình, làm điển hình cho mình, người như vậy bình thường chúng ta gọi là thầy giáo. Thế nên ở trong nhà Phật, từ trên cách xưng hô chúng ta cũng có thể biết được Phật giáo đích thật là thuộc về sư đạo, không phải thần đạo, tôn giáo là thần đạo.

Nếu nói lời khó nghe thì tôn giáo đều là mê tín, còn tông chỉ của Phật pháp là phá mê khai ngộ. Phật nói ra vì sao đời sống của bạn lại khổ đến như vậy? Vì sao lại có lục đạo luân hồi³? Là bởi vì bạn mê, đã mê mất đi bốn tánh của mình, mê mất đi tự tâm của mình, vì thế nên trí tuệ, đức năng của bạn không thể

3 Lục đạo luân hồi (六道輪迴): Luân chuyển thụ sinh trong sáu đường (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a-tu-la, người, trời). Chúng sinh tạo các nghiệp thiện, ác khác nhau, cho nên trôi lăn mãi trong 6 đường hoặc sinh lên trời, hoặc đọa vào loài súc sinh, xoay vần không dứt. (Theo: Kinh Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả 2; Luận Đại Tì-bà-sa 172.)

hiện tiền, bạn mới làm những việc hồ đồ sai trái. Đối với vũ trụ nhân sinh thì cách nghĩ, cách nhìn, cách nói và cách làm của bạn thấy đều sai lầm. Đã làm sai rồi thì về sau nhất định sẽ có hậu quả, hậu quả chính là trôi lăn trong sáu đường, chính là hiện nay phải trải qua những ngày tháng khổ sở đến như vậy. Mục đích của giáo học Phật pháp là muốn giúp chúng ta lìa khổ được vui, lìa khổ được vui là nói từ trên quả, trên thực tế là hướng dẫn chúng ta phá mê khai ngộ.

Phật nói khổ từ đâu mà đến? Từ mê mà đến. Bạn đối với vũ trụ nhân sinh, vũ trụ là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta, nhân sinh là bản thân chúng ta; nếu đối với bản thân, đối với hoàn cảnh sinh hoạt của chính bạn đều hoàn toàn không hiểu, vậy thì khổ thôi! Bạn nghĩ sai, nhìn sai, làm sai, vậy thì bạn làm sao không khổ cho được? Nếu như bạn đều rõ ràng, đều hiểu rõ, triệt để sáng tỏ rồi thì bạn liền được vui. Vì sao vậy? Cách nhìn,

cách nghĩ của bạn đều chính xác, hoàn toàn không có sai lầm thì đời sống của bạn đương nhiên sẽ an vui. Cho nên, phá mê khai ngộ là nhân, lìa khổ được vui là quả, đây là sự hưởng thụ của bản thân chúng ta. Thầy dạy cho chúng ta làm thế nào phá mê, làm thế nào khai ngộ, thầy đối với chúng ta không có một chút mong cầu gì, việc này quý vị nhất định phải biết.

Chúng ta là đệ tử Phật, học tập theo đức Phật Thích-ca Mâu-ni, Phật có mong cầu điều gì ở chúng ta hay không? Điều không có, điều gì cũng không có, là vô điều kiện! Hết thầy những việc này đều phải làm cho rõ ràng. Một vị thầy tốt chân thật sẽ không mong cầu bất cứ điều gì ở học trò, nhìn thấy học trò này giác ngộ thì rất vui mừng! Nhìn thấy học trò này lìa khổ được vui thì rất hoan hỷ! Giống như cha mẹ nhìn thấy con cái của mình vậy, nuôi dạy con cái nên người, sự nghiệp thành đạt trong xã hội, khi nhìn thấy

rồi thì rất hoan hỷ, rất vui mừng, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng.

Ý nghĩa của chữ Phật là trí, trí này là thể, tác dụng của nó chính là giác ngộ, cho nên có thể, có dụng. Sự giác ngộ của nó là gì? Thông thường chúng ta gọi là pháp, dùng chữ này làm danh từ thay thế. *“Pháp là danh từ thay thế cho toàn bộ vạn vật có trong vũ trụ, sự lý trong tâm cảnh”*, câu nói này chính là đối với lý luận, chân tướng sự thật của tâm tư, cảnh giới, vũ trụ nhân sinh thấy đều có thể lý giải một cách chính xác, đây gọi là giác, đây chính là giác ngộ.

Phật pháp vì sao không thuộc về triết học? Tiên sinh Âu Dương Cán Vô nói cũng rất có đạo lý, “Phật pháp không phải là tôn giáo”, nghĩ lại thì Phật giáo đích thực không phải là tôn giáo. Vì sao Phật giáo không phải là triết học? Trong triết học có Năng giác, có Sở giác, có Năng và có Sở, trong Phật pháp

không có Năng Sở⁴, việc này rất không dễ hiểu, chúng ta nói Phật pháp rất thâm sâu, sâu ngay chỗ này. Trong Phật pháp giảng Năng và Sở là một chứ không phải hai. Trong kinh Kim Cang có nói: “Nhu Lai giả, chư pháp như nghĩa”, mà trong kinh điển đức Thế Tôn lại giải thích ý nghĩa của chữ “như”, như là gì? Là nhất như, vạn pháp nhất như. Nhất mới như, nhị thì không như. Năng giác và Sở giác nếu là hai thì chẳng phải là “chư pháp như nghĩa” rồi. Còn nói nhị chính là

4 Năng Sở (能所): Từ chỉ chung cho chủ thể của động tác (Năng) và khách thể (đối tượng) của động tác (Sở).

Vật là đối tượng của con mắt, nên gọi là Sở kiến; con mắt có khả năng thấy vật, nên gọi là Năng kiến. Ngoài ra, người được nương tựa gọi là Sở y; người nương tựa vào kẻ khác gọi là Năng y. Người tu hành là Năng hành; pháp môn tu hành là Sở hành. Người quy y gọi là Năng quy; chỗ quy y gọi là Sở quy. Người giác ngộ gọi là Năng giác; chỗ giác ngộ gọi là Sở giác. Người giáo hóa gọi là Năng hóa; người chịu sự giáo hóa gọi là Sở hóa. Chủ thể nhận thức gọi là Năng duyên; khách thể bị nhận thức gọi là Sở duyên. Người dùng ngữ cú, văn chương, giáo pháp... để biểu thị ý nghĩa gọi là Năng thuyết; ý nghĩa và nội dung được biểu thị ra gọi là Sở thuyết.

Tóm lại, Năng và Sở có đầy đủ quan hệ tương tức chẳng lìa nhau giữa thể và dụng, nhân và quả... nên gọi là Năng Sở nhất thể. (Theo: *Luận Tam Vô Tính, thượng; Luận Phật Tính, Pháp Hoa Văn Cú 1, thượng*.)

triết học, ngày nay chúng ta dùng định nghĩa triết học có thể bao hàm nó, nhưng nó không phải là hai mà là một, điều này trong triết học không có. “Năng Sở bất nhị”, ý nghĩa này rất thâm sâu, cũng rất khó hiểu!

Người xưa bất đắc dĩ dùng nhiều loại thí dụ, chẳng hạn như chúng ta thường nghe đến việc “lấy vàng làm đồ vật thì mọi đồ vật đều là vàng”, vàng cùng đồ vật là một hay là hai? Từ trên tướng mà nhìn thì là hai, nhưng từ trên thể mà nhìn thì lại là một, không phải là một nhưng cũng không khác nhau, đây là chân tướng sự thật. Điều này phải rất tỉ mỉ mà thể hội thì mới có thể chân chánh hiểu rõ được chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Có thể nói hết thầy kinh điển Đại thừa đều nói về đạo lý này, đều nói sự thật này. Sự thật này rất khó lý giải, thật sự hiểu rõ rồi, nhận biết rõ ràng rồi thì gọi là “Phật tri Phật kiến”; kiến giải của bạn, tư tưởng của

bạn cùng với chư Phật Như Lai là hoàn toàn giống nhau. Nhưng phạm phu chúng ta đang mê, mê ở chỗ nào? Lúc nào cũng đem mọi việc phân thành đối lập, không biết rằng hết thấy sự việc đều là một, không phải hai.

Sau khi chúng ta hiểu sơ lược về ý nghĩa của hai chữ “Phật pháp” này, vậy bạn sẽ mong cầu điều gì ở Phật pháp? Việc này các bạn nhất định phải biết. Rất nhiều người học Phật, họ cầu điều gì trong cửa Phật? Cầu phát tài, cầu thăng quan, cầu bình an, cầu những thứ này. Cầu những thứ này thì trong cửa Phật cầu không được, vậy thì đi cầu thần! Chân thật nói cho các bạn biết, thần cũng không có cách gì, cũng không thể nào giúp bạn, đây đều gọi là mê tín, đây gọi là làm xằng làm bậy, việc này làm sai rồi.





IV. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA PHẬT-ĐÀ

Điều mong cầu trong Phật pháp, bạn xem trong hết thầy kinh luận có một danh từ gọi là “A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”, chúng tôi cũng in ở trên mặt ngoài này, đây chính là điều mong cầu trong Phật pháp. Danh từ này có thể đem nó dịch ra nhưng không dịch, vẫn là dùng dịch âm tiếng Phạn, thể loại không dịch này gọi là “tôn trọng

không dịch”. Chúng ta đối với danh từ này vô cùng tôn trọng, giữ lại âm Phạn của danh từ chính là tôn trọng chữ đó. Không giống như chữ Phật-đà, bên trong chữ đó hàm chứa rất nhiều ý nghĩa nên không dịch, trong đó bao hàm rất nhiều ý nghĩa. A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dịch sang tiếng Trung Quốc nghĩa là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. “Bồ-đề” dịch là giác, âm “Tam” này dịch thành chánh, đây là mục đích của giáo học Phật pháp. Phật dạy chúng ta, hy vọng chúng ta thành tựu điều gì? Chính là hy vọng chúng ta đều có thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, danh từ này cũng phải mất một chút thời gian đem nó giảng giải cho rõ ràng. Điều mong cầu trong Phật pháp quá ư là quan trọng, chúng ta học điều gì từ đức Phật Thích-ca Mâu-ni? Chính là học điều này!

1. Quy định học vị của Phật giáo

Trước tiên giảng về Chánh giác, giác là giác ngộ. Thế gian cũng có người rất thông minh, rất có trí tuệ, nhà khoa học hiện nay tương đối thông minh, khoa học kỹ thuật đổi mới từng ngày, bạn có thể nói họ không giác ngộ được sao! Bạn có thể nói họ không thông minh hay sao! Các nhà triết học, nhà tôn giáo đều rất thông minh, năng lực giác của họ siêu vượt hơn người thường. Phật đều không thừa nhận họ là chánh giác, họ tuy có giác nhưng Phật nói họ không phải chánh giác. Điểm quan trọng để nhận biết của nhà Phật chúng ta là ở chữ “chánh”, chữ “chánh” này là bản hiệu để nhận biết, không thể tùy tiện dùng cho người khác. Vì sao họ giác nhưng không chánh? Vì phiền não của họ chưa có đoạn dứt, tâm của họ không thanh tịnh. Bạn xem, họ có thị - phi, nhân - ngã, họ có tham sân si mạn, họ vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tâm không thanh tịnh! Tâm

không thanh tịnh thì dù cho năng lực giác
đó của họ có cao hơn đi nữa thì cũng không
phải là chánh giác.

Cho nên, chánh giác này của Phật pháp
là tâm thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh sanh
trí tuệ, giác ngộ rồi thì đó gọi là chánh giác.
Do đó, tiêu chuẩn chánh giác này trong
pháp thế gian không có, chúng sanh trong
sáu đường đều là tà tri tà kiến, không phải
chánh giác. Phật hy vọng chúng ta đạt đến
chánh giác. Đạt được chánh giác, trong nhà
Phật chúng ta cũng có một học vị, giống như
hiện nay đi học vậy, chúng ta lấy được học
vị, học vị này là thấp nhất; như trong học đại
học, khi tốt nghiệp đại học rồi lấy được học
vị cử nhân. Chánh giác của nhà Phật là học
vị sơ cấp thứ nhất, tên của nó gọi là A-la-hán.
Mọi người phải biết, A-la-hán, Bồ-tát, Phật
đều là những tên gọi cho học vị trong nhà
Phật, điều này phải biết, bạn đạt được chánh
giác rồi sẽ gọi bạn là A-la-hán; A-la-hán thì

kiến tư phiền não không còn nữa, đây là quả vị Tiểu thừa.

Không những A-la-hán không có ý niệm thị - phi, nhân - ngã, mà ngay cả những ý niệm như tham sân si mạn này cũng không còn nữa. Lúc trước, chúng tôi luôn nghĩ rằng phải chứng được quả vị A-la-hán mới có thể đem kiến tư phiền não đoạn hết, không còn chấp trước thân này là ta nữa. Đâu biết được Phật đã nói trong kinh Kim Cang, sơ quả Tu-đà-hoàn của Tiểu thừa, quả vị này cách A-la-hán rất xa, sơ quả Tu-đà-hoàn của Tiểu thừa đã phá được bốn tướng. Trong kinh Kim Cang nói: “Tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả”, đây là trong kinh Kim Cang xem thấy được. Thảo nào Phật nói sơ quả gọi là “Nhập lưu”, họ đã nhập vào dòng thánh nhân, họ chứng được quả vị bất thoái⁵, tuyệt đối sẽ không thoái

5 Bất thoái (不退): Không thoái chuyển.
Tiếng Sanskrit: *Avinivartaniya*

chuyển làm phàm phu, nguyên nhân là gì? Họ không chấp trước vào nhân - ngã, thị - phi, cái ý niệm này không còn nữa!

Từ những chỗ này chúng ta liền thể hội được, giáo dục Phật-đà và giáo dục thế gian khác nhau ở chỗ nào? Chúng ta rốt cuộc phải học cái gì? Chúng ta học theo Phật, học pháp chân thật, học chánh giác, chỉ có chánh giác mới có thể giải quyết vấn đề. Giải quyết vấn đề gì? Là tất cả khổ, được tất cả vui, chân thật là khổ được vui. Khổ vui là chúng ta dùng cách nói đơn giản nhất, lấy bản thân hiện tại của chúng ta để nói, bạn có sanh, già, bệnh,

Dịch âm: A-duy-việt-trí, A-tì-bạt-trí, A-bê-bạt-trí.

Chỉ cho sự tu hành không lui sụt cho đến khi thành Phật. Còn thoái chuyển là chỉ cho sự lui sụt rơi vào đường ác hoặc Nhị thừa địa (hàng Thanh văn, Duyên giác).

Bất thoái vị còn gọi là bất thoái chuyển địa. Trong giai vị Tứ thiên căn của Hữu bộ, đến Nhẫn vị thì không còn rơi vào đường ác, được xếp vào bất thoái vị.

Theo kinh Đại Bát-nhã 449, vào giai vị Kiến đạo, được Vô sanh pháp nhẫn, ắt không còn rơi vào Nhị thừa địa nên được gọi là Bất thoái. Hơn nữa, trong giai vị Bồ-tát, Đệ thất trụ trong Thập trụ gọi là Bất thoái chuyển trụ.

chết là khổ, bạn cầu mà không được là khổ, bạn yêu thương mà phải chia lìa là khổ, bạn ghét nhau mà phải gặp nhau hằng ngày là khổ; những cái khổ này bốn bề đều đang vây quanh lấy bạn, bạn không có cách nào thoát khỏi. Sau khi học Phật rồi thì sao? Những cái khổ này chân thật có thể thoát khỏi.

Những vị đồng tu lớn tuổi một chút, từ tuổi trung niên trở lên, đều nghĩ mỗi người chúng ta già rồi. Học Phật có thể không già, học Phật có thể không sanh bệnh. Cho dù trên người bạn có rất nhiều bệnh, bạn chân chánh học Phật rồi, không cần đi khám bác sĩ, không cần phải uống thuốc, bệnh của bạn tự nhiên sẽ khỏi. Đây là đạo lý gì? Chính bởi vì bạn đã làm rõ ràng đạo lý này rồi. Bạn không hiểu được bệnh của bạn vì sao đến? Bạn không biết. Bệnh tại sao lại sanh ra, bệnh đó của bạn phát triển như thế nào, bệnh đến sau cùng kết quả ra làm sao, bạn biết được hay không? Thảy đều biết được, con người

có thể không sanh bệnh. Bệnh từ đâu đến? Từ vọng tưởng mà đến, một ngày từ sáng đến tối nghĩ tưởng lung tung, vọng tưởng của bạn mà không dứt thì thân tiên đến chữa cũng chữa không nổi, khi vọng tưởng của bạn đều không còn nữa thì bệnh gì cũng hết.

Nguồn gốc của sinh tử cũng là vọng tưởng. Bạn xem trên kinh Hoa Nghiêm nói được rất rõ ràng: *“Hết thấy chúng sanh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc”*. Ở đây chỉ dùng một lời mà đã nói toạc ra hết gốc bệnh của chúng ta. Quý vị tra khắp Đại tạng kinh xem, có vị Phật nào sanh bệnh hay không? Có vị Phật nào tỏ ra rất già yếu hay không? Có vị Bồ-tát nào ốm đau hay không? Không hề nghe nói qua. Vì sao Phật, Bồ-tát, A-la-hán không bị bệnh? Vì sao Phật, Bồ-tát, A-la-hán không già, không những không già mà các ngài cũng không chết, không chết này là thật, một chút cũng chẳng giả.

Nguyên nhân không có gì khác là họ đã đem chân tướng của vũ trụ nhân sinh làm cho rõ ràng, làm cho sáng tỏ, tất cả đều tùy thuận tự tánh, các ngài liền được kết quả tốt như vậy. Chính là ngày nay chúng ta nói đến sinh thái tự nhiên, hoàn toàn phù hợp với sinh thái tự nhiên, không có một chút ý niệm tạo tác bên trong, thuận theo tự nhiên, thuận theo tự nhiên là khỏe mạnh nhất. Nếu chúng ta khởi vọng tưởng thì sinh thái tự nhiên liền thay đổi, vừa thay đổi thì liền chuyển xấu ngay, liền phát sanh bệnh, bệnh tật là từ như vậy mà sanh ra. Cho nên, bệnh này chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đây là gốc bệnh.

Học Phật chính là phải y theo giáo huấn của Phật, đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trừ bỏ đi, khôi phục tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng chính là trí tuệ chân thật, chính là chánh giác. Cho nên, người mà tâm không thanh tịnh, cho dù họ

có thông minh trí tuệ thì Phật, Bồ-tát cũng không thừa nhận họ là chánh giác. Nhất định tâm địa phải thanh tịnh thì trí tuệ đó mới gọi là chánh giác, nó mới có tác dụng. Trên kinh Phật nói, đạt được chánh giác thì bạn liền có năng lực siêu việt sinh tử luân hồi, sinh tử luân hồi đã vượt qua thì còn có bệnh gì nữa? Làm gì có chuyện sanh bệnh, không có đâu! Sinh tử cũng có thể giải quyết thì những vấn đề nhỏ nhất trong đời sống của chúng ta có điều gì mà không giải quyết được. Bạn ở ngay trong đời này có thể đạt được hạnh phúc, tự tại, mỹ mãn, an vui chân thật. Chúng ta học Phật là được những điều này, đây là tiếp nhận giáo dục của Phật-đà.

Nhưng nếu như bạn lấy tâm thái của tôn giáo để đi học Phật, thành thật mà nói những thứ này bạn sẽ hoàn toàn không đạt được, nguyên nhân vì sao? Bởi vì mê! Tôn giáo coi trọng cảm tình, cảm tình sâu đậm. Tình là mê, không phải lý trí. Tôn giáo thì

càng mê càng tốt, vì sao vậy? Có thể thì bạn mới là tín đồ kiên thành, bạn mới không bỏ đi mất, đem bạn nắm cho thật chặt, bạn sẽ chạy không thoát, mỗi ngày bạn phải đi vái lạy họ, họ tiếp nhận sự cung kính của bạn, tiếp nhận cúng dường của bạn.

Thế nhưng Phật pháp không phải như vậy, Phật pháp là đạo thầy trò. Phật pháp là sư đạo, sư đạo là chỉ nghe học trò đến học, chưa từng nghe thầy giáo đến dạy; là bạn đến cầu học, không có chuyện thầy giáo chạy đến nhà của bạn để dạy cho bạn. Đây là đạo lý gì? Nếu thầy giáo mà đến nhà dạy bạn, thì đối với thầy bạn sẽ không cung kính, không tôn trọng, thầy giáo có giỏi cỡ nào đi nữa, bạn theo ông ấy cũng không học được gì. Thế nên, thầy giáo nhất định chẳng phải muốn bạn cung kính thế nào đó đối với ông, nếu như còn có cái tâm này thì người thầy ấy không phải là thầy tốt. Nhưng trong đây có một đạo lý, *“một phần thành kính được một*

phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”.

Thí dụ nói có mười học sinh đang theo học với một vị thầy, vì sao có học sinh học được nhiều, có học sinh chẳng học được gì? Bạn hãy tỉ mỉ mà quan sát, học trò nào học được nhiều thì rất cung kính đối với thầy. Vì sao cung kính đối với thầy thì học được nhiều? Cung kính với thầy thì chịu nghe lời, thầy dạy sao thì người ấy liền làm như vậy, nên đương nhiên họ sẽ học tốt. Còn như đối với thầy mà không cung kính thì sẽ không nghe lời, không nghe lời vậy thì hết cách, tất nhiên người ấy sẽ không học được gì. Cho nên, một trăm phần nghe lời chính là một trăm phần cung kính. Có thể thấy trong đây chân thật có đạo lý, giáo học của thế gian và xuất thế gian cũng không vượt ngoài cái nguyên tắc này.

Ở trong truyện ký Phật giáo chúng ta

xem thấy rất nhiều vị tổ sư đại đức, lúc các ngài trẻ tuổi đi cầu học, tham học với một vị thiện tri thức, ngày nay chúng ta gọi là cao nhân có đạo đức, có học vấn. Trong truyện kí có ghi chép rằng, vị thiện tri thức này bảo với họ: *“Anh ở chỗ tôi sẽ không học được gì cả, anh hãy đến chỗ người nào đó, anh theo người đó học thì anh sẽ thành tựu”*. Người học trò này quả nhiên nghe lời chỉ dạy của vị thiện tri thức kia, đến dưới hội của người đó 3 đến 5 năm thì khai ngộ, chứng quả. Đây là đạo lý gì? Chúng ta xem thấy được ở trong truyện kí quá nhiều, quá nhiều! Văn chương Trung Quốc thích ngắn gọn, không thích dài dòng, nói chuyện mấy tiếng đồng hồ nhưng lúc chép lại chỉ có một hai câu, ghi rất đơn giản.

Vị thiện tri thức ấy gặp người này, cũng giống như ngày nay chúng ta gặp một người nào đó, người đó nhất định sẽ hỏi bạn: *“Bạn họ gì, tên gì, bạn là người ở đâu, bạn đã học được những gì?”*, nhất định sẽ hỏi như vậy. Vừa

hỏi thì liền biết được bạn thích học những gì, và lại sẽ hỏi trong các vị đại đức hiện nay bạn bội phục người nào nhất? Khi họ chỉ điểm cho bạn, sẽ chỉ cho bạn người mà bạn khâm phục nhất, bạn theo người đó học, bạn sẽ nghe lời người đó. Vì sao tôi không thể dạy bạn? Vì bạn không khâm phục tôi, tôi dạy bạn, bạn sẽ không tin tưởng, bạn không thể tiếp nhận, nguyên lý ở ngay chỗ này. Chẳng phải họ có thần thông chỉ cho người học trò này đến nơi đó cầu học, nhưng quả nhiên người ấy đến đấy thì liền thành tựu ngay, kỳ thực trong lúc nói chuyện đã rất rõ ràng, rất sáng tỏ rồi.

Cho nên chúng ta muốn hỏi, cả đời này của chúng ta không gặp được thầy tốt thì phải làm sao? Lời nói này cũng không phải không có đạo lý, thầy tốt có thể gặp không thể cầu, thật không dễ gì gặp được. Sau khi gặp được, bạn có chịu theo ông ấy học hay không? Nếu không chịu theo ông ấy học thì vẫn là uống

phí! Cho nên, nhất định là trong tâm của chính mình phải cảm thấy người này là tôn kính nhất, vậy mới có thể phát sinh tác dụng. Cùng một câu nói, cùng một đạo lý, nếu lời nói là từ miệng người mà mình xem thường nói ra thì căn bản không thể tin tưởng, không thể tiếp nhận, hơn nữa lại còn muốn mắng họ. Người mà trong tâm chúng ta cảm thấy kính phục nhất, khi người ấy nói ra thì cũng giống như tiếp nhận thánh chỉ, lập tức y giáo phụng hành, làm sao có thể giống nhau cho được? Vì thế bạn muốn hỏi, tương lai chính mình có thể thành tựu hay không? Rất đơn giản, bạn về nhà cố gắng suy nghĩ kỹ xem, vị thiện tri thức nào mà bạn kính phục nhất? Rồi toàn tâm toàn ý theo vị đó học, như vậy mới không sai, bạn mới có thể thành công. Nếu như thiện tri thức mà bạn thích quá nhiều thì tâm cung kính đó của bạn không phải là thật, mà là giả. Tâm của bạn rất loạn, thay đổi thất thường, không những Phật pháp bạn không

có cách gì tu học, mà ngay đến thế gian pháp bạn cũng không học tốt được.

Bất luận là thế pháp hay Phật pháp, nếu muốn học tốt thì nhất định phải hiểu được một đạo lý, chính là “nhất môn thâm nhập”. Đặc biệt là Phật pháp, chân thật muốn học được tốt, nhất định phải theo học một vị thầy. Một vị thầy, bạn cả đời là đi một con đường, con đường này dễ đi. Hai vị thầy là hai con đường, vậy bạn làm sao đi? Ba vị thầy là ngã ba đường, bốn vị thầy là ngã tư đường, bạn xong rồi! Ngày nay, người trẻ tuổi hiếu học rất nhiều, vì sao không thể thành tựu? Đều ở ngã tư đường, không biết theo ai, rắc rối phát sinh từ chỗ này. Khi học Phật rồi, không những thân cận một vị thầy mà còn phải chuyên tu một pháp môn, như vậy bạn mới có thể thành tựu. Thành tựu điều gì? Được tâm thanh tịnh. Quý vị nên biết, thành tựu là bạn được tâm thanh tịnh. Biểu hiện của tâm thanh tịnh là phiền não nhẹ dần, trí tuệ tăng

trưởng, đó chính là đạt được thọ dụng. Hết thấy mọi vấn đề của thế gian và xuất thế gian, chỉ có trí tuệ mới có thể giải quyết, ngoại trừ trí tuệ ra, không có phương pháp thứ hai nào có thể giải quyết được vấn đề. Cho nên, Phật pháp giảng về trí, giảng về giác, không thể thiếu những điều này, phải là chánh giác.

Chúng ta nói đến những việc gần bản thân nhất, để giải quyết được vấn đề của chính mình, giải quyết vấn đề đời sống ngay trước mắt chúng ta. Nếu muốn đời sống của mình trải qua được tự tại, trải qua mỹ mãn, trải qua hạnh phúc, mở rộng hơn là để giải quyết những việc trong gia đình, giải quyết những việc trong đoàn thể, giải quyết những vấn đề của toàn xã hội thì phải có trí tuệ, trí tuệ chân thật. Cho nên, trong trí tuệ xen tạp phiền não thì không thể giải quyết vấn đề. Thế gian ngày nay người thông minh rất nhiều, đặc biệt là nhà chính trị, ai cũng cho rằng chính mình rất thông minh, làm cho xã

hội càng ngày càng động loạn, nhân dân càng ngày càng khổ sở. Nguyên nhân là gì? Trong trí tuệ có xen tạp phiền não, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những thứ phiền não này chưa có đoạn. Cho nên, khởi tâm động niệm điều đầu tiên họ suy tính chính là lợi ích cá nhân, bạn xem ngã chấp vẫn còn.

Phật nói với chúng ta trí tuệ chân thật, việc đầu tiên phải đem ngã chấp phá đi, đó mới là trí tuệ chân thật. Nếu không có trí tuệ chân thật, công phu chân thật thì đọc kinh Đại thừa cũng chỉ là uống công vô ích, kinh Đại thừa tuy đọc được rất nhiều nhưng hoàn toàn giải sai ý nghĩa. Trong kệ khai kinh có nói: “Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”, những người này đã giải sai nghĩa chân thật của Như Lai rồi, bạn nói xem còn có cách gì nữa! Vì sao họ giải sai? Họ có tâm riêng tư, khởi tâm động niệm của họ đều coi trọng lợi ích của mình, vậy thì hỏng rồi, không đạt được lợi ích gì. Nếu như có thể rời bỏ lòng

riêng tu, bạn sẽ đạt được lợi ích chân thật. Từ đây có thể biết, chánh giác nó có tiêu chuẩn.

Nâng cao lên thêm một học vị nữa gọi là Chánh đẳng Chánh giác, tương đương với học vị thạc sĩ. Đẳng là ngang bằng với Phật, đương nhiên họ vẫn chưa thành Phật, chỉ ngang bằng với Phật mà thôi, học vị này cao hơn so với A-la-hán, cao hơn chánh giác. Trong chánh giác không có ta, quý vị nhất định phải biết, chỉ có vô ngã mới có năng lực phân biệt chân vọng, phân biệt chánh tà, phân biệt thị phi, phân biệt lợi hại, được vậy bạn mới có năng lực này. Nếu như chưa phá “ngã kiến” thì chắc chắn bạn không có năng lực này. Thông thường người ta cho rằng chính mình đã làm được rất nhiều việc tốt, cho rằng mình tu được rất nhiều công đức, tôi thấy không phải vậy. Rất nhiều người ở đấy nỗ lực tu công đức, làm việc tốt, tương lai cũng phải đọa ba đường ác. Nguyên nhân do đâu? Những việc tốt đó của họ nhìn có

về đúng mà lại sai, không phải là việc tốt, không những tương lai không tốt, trước mắt cũng không tốt, nhìn tưởng chừng là việc tốt, nhưng kỳ thật đã làm sai.

Ví như đạo tràng Phật giáo chúng ta làm sự nghiệp từ thiện, bạn nói có tốt hay không? Xã hội khen ngợi, quốc gia còn tặng một tấm biển lớn để bạn treo lên, các bạn đối với xã hội có cống hiến rất lớn, đây có phải là việc tốt không? Nhìn thấy là việc tốt, nhưng trên thực tế lại là việc sai lầm. Sai ở chỗ nào? Đạo tràng Phật giáo là làm những công việc gì? Là giáo dục Phật-đà, đây là việc thuộc bốn phận của bạn. Cũng giống như mọi người thành lập một trường học, trường học nên làm những việc gì? Thầy cô cùng học trò hằng ngày phải lên lớp, đây là việc chính. Ngày nay, thầy giáo không dạy học, học trò cũng không đến lớp, mỗi ngày đi làm sự nghiệp từ thiện, đây là việc tốt hay sao? Sai rồi! Cách làm như vậy thì hiệu trưởng đó

sẽ bị cách chức xét xử, học sinh sẽ bị khai trừ. Thế nên, nhất định phải phân biệt thực hư, chánh tà, phải thật rõ ràng sáng tỏ.

Lại nói thêm về đạo tràng này của chúng ta, cho nên tôi khuyên các đồng tu chúng ta, điều đáng quý của đạo tràng chính là giúp mọi người phá mê khai ngộ, vì vậy nhất định phải có một tông chỉ, phải có một mục tiêu. Đạo tràng này của chúng ta là đạo tràng Tịnh tông. Trung Quốc có mười tông phái lớn, chúng ta ở đây là đạo tràng Tịnh độ tông, nơi này chỉ hoằng dương những gì của Tịnh độ tông. Mọi người đến bên này, chúng ta chỉ có một cửa vào, một lối đi. Nếu như trong đạo tràng này của chúng ta còn có những thứ của Pháp tướng tông, còn có những thứ của Pháp hoa tông, còn có những thứ của tông phái khác, khi người ta đến đây liền nghĩ: Rốt cuộc tôi phải học pháp môn nào mới tốt? Nhìn bề ngoài xem ra đạo tràng này rất tuyệt, tâm lượng của pháp sư cũng rất lớn, bạn xem

ông đều dung nạp tất cả, kỳ thật đã sai. Bạn khiến cho đại chúng khi đến nơi này của bạn chẳng biết nghe theo ai, đây là tội lỗi.

Người niệm Phật tu Tịnh độ thì đến chỗ này của chúng ta, còn người thích học tham thiền, nghe nói Phật Quang Sơn nơi đó có tổ chức tọa thiền, hãy đi đến bên đó, như vậy thì đúng. Người thích làm việc từ thiện, nơi này có hội Từ Tế Công Đức, hãy đến bên đây của họ; mỗi một đạo tràng đều có tông chỉ của họ, có phương hướng của họ, có mục tiêu của họ, không thể pha trộn với nhau, làm cho loạn cả lên. Không thể dùng cách này để lôi kéo tín đồ, *“ở đây chúng tôi pháp môn gì cũng có, chỗ của chúng tôi tốt lắm, mọi người đến đây thì cái gì cũng học được”*, kết quả là chẳng thành tựu được gì. Sao có thể không có lỗi với người ta cho được! Đối với việc này, nếu bạn không có con mắt tinh tường, biết nhìn xa trông rộng, không có trí tuệ chân thật thì bạn sẽ nhìn không ra.

Tuyệt đối không phải tâm lượng nhỏ hẹp, mà là khi ta dẫn dắt người sơ cơ cần phải hướng dẫn cho họ có một phương hướng chính xác. Chúng ta lưu thông kinh sách, băng đĩa cũng là như vậy. Nếu như kinh sách, băng đĩa trái ngược với phương hướng của Tịnh tông mà lại đặt ở nơi này của chúng ta, khi người ta xem thấy sẽ cho rằng chúng ta khẳng định nó, nghĩ rằng chúng ta ở đây đề xướng nó. Nếu như thính chúng họ đi sai đường rồi, chúng ta có phải chịu trách nhiệm hay không? Trách nhiệm nhân quả này phải gánh quá lớn. Bản thân bạn đi sai đường là đáng đời! Bạn còn dẫn người khác đi sai đường nữa thì trách nhiệm nhân quả mà bạn gánh lấy nặng nề lắm, việc này không thể không lưu ý, không thể không lưu tâm cẩn thận.

Thế nên khi tôi ở Đài Bắc đã phải từ bỏ chức vị ở Cơ Kim Hội. Thư viện Hoa Tạng của chúng tôi là một đạo tràng, là một đạo

tràng tu học, còn Giáo Dục Phật-đà Cơ Kim Hội không phải là đạo tràng, nơi đó là làm công việc giúp đỡ phía sau cho Phật giáo, làm công tác chi viện. Cho nên, kinh điển được in ấn ở nơi đây, những sách của các tông phái khác chúng tôi đều in. Chúng ta giúp đỡ mỗi một đạo tràng, tông chỉ cùng mục tiêu này không như nhau, chúng ta giúp đỡ người khác, giúp đỡ đạo tràng khác, không phải là làm những việc tạp nham trong đạo tràng, như vậy là sai rồi. Những việc này biểu hiện ra bên ngoài xem ra là việc thiện, nhưng bạn tỉ mỉ quan sát một chút, phân tích một chút thì liền thấy hậu quả không thể tưởng tượng được. Cho nên, một đạo tràng muốn được chư Phật hộ niệm, long thiên bảo hộ đâu có chuyện dễ dàng như vậy! Điều bạn làm thật sự là chánh pháp, ở nơi ấy chân chánh tu hành, chân thật làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh, như vậy mới được chư Phật hộ niệm, mới được long thiên bảo hộ.

Chánh đẳng Chánh giác phải phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, lúc này kiến giải của họ đối với vũ trụ nhân sinh, cũng chính là chúng ta nói cách nghĩ, cách nhìn cùng với chư Phật Như Lai rất giống nhau, cho nên gọi là Chánh đẳng Chánh giác. Trên kinh Hoa Nghiêm nói Chánh đẳng Chánh giác là từ Viên giáo Sơ trụ thẳng đến Đẳng giác Bồ-tát, 41 giai vị này đều gọi là Chánh đẳng Chánh giác. Phá một phẩm vô minh sau cùng thì trí giác viên mãn rồi, một tơ hào khiếm khuyết cũng không có, lại thêm vào hai chữ “Vô thượng”, Vô thượng trong nhà Phật cũng giống như tốt nghiệp lớp tiến sĩ vậy. Nếu như bạn chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác liền xưng bạn là Phật-đà, giả như bạn chứng được Chánh đẳng Chánh giác thì xưng bạn là Bồ-tát, nếu như bạn chứng được Chánh giác thì xưng bạn là A-la-hán. Cho nên, ba danh từ này là danh từ phổ thông, không phải từ chuyên môn chỉ

cho một người nào, giống như tiến sĩ, thạc sĩ, học sĩ là danh từ phổ thông.

Nếu như lại thêm vào danh hiệu Thích-ca Mâu-ni Phật, có phải chuyên chỉ cho một người hay không? Không phải, đó vẫn là một danh từ phổ thông. Có quá nhiều vị Thích-ca Mâu-ni Phật, rốt cuộc bạn muốn tìm vị Thích-ca Mâu-ni Phật nào? Quán Thế Âm Bồ-tát cũng có rất nhiều, bạn muốn tìm vị Quán Thế Âm Bồ-tát nào? Đây cũng giống như học vị tiến sĩ mà chúng ta nói đến, trong tiến sĩ có tiến sĩ khoa học tự nhiên, tiến sĩ khoa kỹ thuật xây dựng, có tiến sĩ y học, tiến sĩ triết học, số tiến sĩ trong mỗi một chuyên ngành nhiều đến không thể tính kể, bạn muốn tìm vị nào? Nếu bạn cho rằng Quán Thế Âm Bồ-tát chính là một người nào đó, vậy thì bạn sai rồi! Quán Thế Âm là Bồ-tát, cũng giống như thạc sĩ, trong thạc sĩ phân ra rất nhiều khoa, bạn phải biết được Quán Âm đại biểu cho từ bi, đại từ đại bi gọi là Quán Thế Âm; Bồ-tát

đại từ đại bi có rất nhiều, bạn muốn tìm vị nào. Ngày nay, ở trong nhà Phật mọi người đem Phật, Bồ-tát nhận lầm hết, đều cho rằng là một người, không biết được trong đây có vô lượng vô biên người.

Tôi nghe nói, mọi người chúng ta tụng kinh Vô Lượng Thọ rất thuần thực, rất nhiều người đều đang tụng. Đọc kinh Vô Lượng Thọ phải hiểu được điều mà trong kinh Vô Lượng Thọ nói với chúng ta, người của thế giới Tây Phương Cực Lạc “đều cùng tu theo đức của Phổ Hiền Đại sĩ”, câu này chính là nói cho chúng ta biết, người của thế giới Tây Phương Cực Lạc thấy đều là Phổ Hiền Bồ-tát, vô lượng vô biên Phổ Hiền Bồ-tát, không cách gì tính đếm. Bạn muốn tìm Phổ Hiền Bồ-tát, vậy phải tìm vị Phổ Hiền Bồ-tát nào? Người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là Phổ Hiền Bồ-tát.

Cho nên, nhất định phải làm cho rõ

ràng, làm cho sáng tỏ. Thêm vào danh hiệu, thì giống như thêm học vị vào khóa học, khoa ngành của họ, chính là ý nghĩa này. Điều này về sau phải cùng chư vị nói một cách tỉ mỉ, không thể không làm cho rõ ràng. Nếu không làm rõ ràng, chúng ta học Phật người ta sẽ nói chúng ta là mê tín, lời này nói không sai, thật sự là mê tín. Tin Phật rồi, quy y rồi, cũng thọ giới rồi, Phật là gì? Không biết! Bồ-tát là gì? Cũng không làm cho rõ ràng, mơ hồ hồ hồ như vậy mà học, đây không phải là mê tín thì là gì? Phải làm cho thật rõ ràng, thật sáng tỏ, phải biết được Phật giáo là gì, phải biết được trong Phật giáo là học cái gì.

2. Mục tiêu giáo học của Phật giáo

Chúng ta mong cầu trong Phật pháp là cầu sáng tỏ, cầu trí tuệ. Quý vị phải ghi nhớ là cầu trí tuệ, trong Thiền tông gọi là cầu minh tâm kiến tánh, trong Tịnh độ gọi là

cầu nhất tâm bất loạn. Tịnh độ tông rất đặc biệt, không những cầu nhất tâm bất loạn mà còn cầu sanh Tịnh độ, đích thực Tịnh độ có hai mục tiêu. Không giống những tông phái khác, những tông phái khác chỉ có duy nhất một mong cầu, Tịnh độ thì có hai mong cầu, ngoài cầu nhất tâm bất loạn còn cầu vãng sanh Tịnh độ. Mục tiêu này, chúng ta ở ngay trong một đời quyết định đạt được. Nếu như quý vị đem kinh Vô Lượng Thọ đọc thuộc lòng, đọc hiểu rồi thì bạn sẽ không có một chút hoài nghi.

Quyển kinh vừa mở ra thì hiển thị ra mục tiêu tu học của chúng ta, “Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm”, đây là điều mà chúng ta mong cầu, cũng là điều mong cầu của người tu Tịnh độ. Các vị xem dòng chữ “vô lượng thọ” trên đề kinh, điều chúng ta mong cầu là vô lượng thọ, hay nói cách khác là khỏe mạnh sống lâu. “Trang nghiêm” chính là tự tại mỹ mãn, đó mới là trang nghiêm vậy.

Dùng phương pháp gì để cầu? Có phương pháp cầu được, nửa phần sau đề kinh nói là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đây là phương pháp. Do đây có thể biết, chúng ta học Phật là cầu điều gì? Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng và tâm giác ngộ. Ba điều này, “một mà là ba, ba mà là một”, đạt được một điều thì ba điều đồng thời cũng đạt được, toàn bộ Phật pháp đều không ra ngoài nguyên lý nguyên tắc này.

Trong ba điều ở trên thì Thiên tông chỉ cầu giác, giống như giảng đường này có thể đi vào từ ba cửa, họ là từ cửa giác đi vào. Thiên tông vào từ cửa giác, họ phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, như vậy là đã vào cửa. Ngoài Thiên tông ra còn có Giáo hạ, Giáo hạ là từ cửa giải mà vào, “đại khai viên giải” cũng chính là cửa chánh, chánh tri chánh kiến, họ là từ cửa này vào. Tịnh độ tông chúng ta là từ tâm thanh tịnh, vào từ cửa tịnh. Tâm thanh tịnh rồi thì đương nhiên

sẽ bình đẳng, đương nhiên sẽ giác ngộ; tâm đã giác ngộ rồi thì đương nhiên sẽ thanh tịnh và bình đẳng. Đó gọi là “pháp môn vô lượng, thù đồ đồng quy”, phương pháp và đường lối không giống nhau, nhưng đến sau cùng chỗ quy về là hoàn toàn giống nhau, đều là minh tâm kiến tánh. Danh từ này chỉ có trong Thiền tông mới nói, những tông phái khác không dùng cách nói này. Tịnh độ tông chúng ta gọi là nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn chính là minh tâm kiến tánh của nhà Thiền. Trong Giáo hạ gọi là “đại khai viên giải”, trong Mật tông gọi là “tam mật tương ưng”. Quý vị nên biết, tuy danh từ khác nhau nhưng cùng chỉ cho một sự việc, cùng một cảnh giới.

Do đó, bất kì một pháp môn nào, chúng ta không thể phê bình, không được phép nói nó không tốt; nói pháp môn đó không tốt, đấy chính là phỉ báng Phật, phỉ báng Pháp. Điều là do đức Phật truyền dạy, con đường

nào cũng có thể thành tựu, bạn làm sao có thể nói nó không tốt? Chỉ là ở trong đó có rất nhiều phương pháp, chính chúng ta cần phải biết chọn lựa như thế nào? Điều kiện chọn lựa là:

Thứ nhất phải phù hợp với trình độ của chúng ta. Nếu như pháp môn đó yêu cầu trình độ quá cao, chúng ta không có cách gì tu học, vậy khi bắt đầu học sẽ rất khó khăn, không dễ dàng thành công. Cho nên chọn lựa pháp môn tu học phải phù hợp với trình độ của mình.

Thứ hai là phải thích hợp với hoàn cảnh sinh hoạt của chính mình. Như vậy, khi bắt đầu tu học mới thuận tiện, còn phải thích hợp với bối cảnh thời đại hiện nay. Bởi vì chúng ta không thể tách rời xã hội, không thể tách rời mọi người. Cho nên, nhất định phải cân nhắc những điều kiện này, tôi có thích hợp để tu học pháp môn này hay không!

Thông thường mà nói, như phía trước đã giảng qua, bất luận tu học một pháp môn nào, một phương pháp nào cũng nhất định phải phá ngã kiến, phá ngã chấp thì mới có thể đắc lực. Nếu không thì giống như câu chúng ta thường nói, “dụng công không có hiệu quả”. Tôi nghĩ thể nghiệm này rất nhiều đồng tu học Phật nhiều năm đều có, dụng công không đắc lực, đã học được bao nhiêu năm rồi mà xem ra vẫn như thế, thậm chí càng học càng khổ. Lúc chưa học Phật thì còn tốt, sau khi học Phật rồi thì càng học càng khổ, đây đều là do không đắc pháp. Pháp môn này không thích hợp với bản thân, cũng giống như lúc bạn đến trường học chọn chuyên ngành vậy, căn cơ và trình độ của bạn không phù hợp với chuyên ngành này, bạn đã chọn sai chuyên ngành thì bạn học sẽ rất khó khăn, vả lại rất khó thành tựu, chọn đúng rồi thì sẽ dễ dàng hơn nhiều, thành tựu cũng rất mau.

Chúng ta lựa chọn pháp môn, điểm này vô cùng quan trọng. Giả như không biết được chính mình thuộc căn tánh gì thì cũng có thể thử nghiệm một chút xem sao, Thiền, Giáo, Mật, Luật thử đều thử một chút, cảm thấy rất khó khăn! Sự tu học của bản thân tôi chính là một thí dụ, sau khi đọc qua rất nhiều kinh Đại thừa rồi, nghĩ lại chính mình không học được, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chưa có trừ bỏ. Tôi cũng rất muốn trừ bỏ nhưng trừ bỏ không được, sau cùng mới nghĩ tới niệm Phật có thể đối nghiệp vãng sanh, chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vẫn chưa dứt trừ cũng được, pháp môn này rất thích hợp với tôi. Cách tôi chọn lựa pháp môn là như vậy, pháp môn khác tôi nghĩ thử rồi, đều làm không được. Những kinh điển của tông phái khác tôi đều biết giảng, tôi giảng nghe cũng hay hơn người khác, nhưng tôi làm không được. Cho nên, đối với Thiền, Giáo, Mật, Luật tôi đã từng

học qua, nghĩ lại vẫn không có cách gì làm được nên đã quay đầu trở về quyết một lòng niệm A-di-đà Phật, chuyên giảng kinh điển Tịnh độ. Đây là thể nghiệm trong mấy mươi năm qua của tôi.

Thế nhưng gần đây, tôi lại giảng những kinh điển khác, đây là vì nguyên nhân gì? Đây là do [tình thế] bức bách không còn cách gì khác, không biết làm thế nào. Bởi vì những kinh Đại thừa này không có người giảng. Hiện nay, người giảng kinh càng ngày càng ít, đây là một hiện tượng rất đau lòng, cho nên tôi trích ra một ít thời gian để giảng những kinh điển này, ghi hình làm thành băng đĩa, giúp cho ai có hứng thú đối với những kinh điển này, lưu lại để cung cấp cho họ làm tài liệu tham khảo, nguyên nhân là như vậy. Nếu như có người giảng, tôi tuyệt đối sẽ không giảng, đây là bị bắt buộc không còn cách nào.



IV. NHẬP MÔN GIÁO DỤC PHẬT GIÁO - KINH ĐỊA TẠNG

Phật giáo là giáo dục của Phật-đà đối với hết thảy chúng sanh, đây là điều mà người học Phật chúng ta trước tiên nhất định phải nhận thức rõ ràng. Sau khi hiểu rõ mục tiêu giáo học của Phật pháp rồi thì chúng ta đối với kinh điển Phật giáo sẽ có cách nhìn khác hẳn. Kinh điển Phật giáo có thể nói là bộ sách có phân lượng lớn nhất trên thế gian.

Hết thầy học thuyết trên thế gian này, bao gồm cả các tôn giáo ở trong đó thì sự phong phú về điển tịch đều không thể vượt qua Phật giáo.

Kinh điển Phật giáo nhiều đến như vậy, rốt cuộc bên trong là nói về điều gì? Việc này chúng ta không thể không biết. Người học Phật rất nhiều, người đọc kinh cũng không ít, thậm chí người giảng kinh cũng rất nhiều. Tôi đã từng gặp một vị giảng kinh là cư sĩ tại gia, giảng cũng khá nổi tiếng, thường ở rất nhiều trường đại học, cao đẳng giảng giải kinh Phật. Có một lần tôi gặp ông ấy, tôi liền hỏi ông, tôi nói: “Những kinh điển hiện nay ông giảng đều là kinh luận quan trọng của Đại thừa, vậy toàn bộ Đại tạng kinh rốt cuộc là giảng về điều gì? Ông có thể dùng một câu để trả lời cho tôi được không?” Ông ta nghe xong, cũng suy nghĩ một hồi rất lâu nhưng không trả lời được, thế là ông ấy liền hỏi ngược lại tôi. Tôi nói với ông rằng: Hết thầy

kinh do đức Phật Thích-ca Mâu-ni thuyết trong bốn mươi chín năm chỉ nói rõ một việc, nếu như dùng danh từ của Phật giáo thì như trong kinh Bát-nhã nói chính là “chư pháp thật tướng”. Chư pháp là hết thảy pháp, thật tướng chính là chân tướng. Câu nói này nếu dùng lời hiện nay để nói chính là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Vũ trụ là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta, nhân sinh là bản thân của chúng ta. Từ đây có thể biết, tất cả kinh mà đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng, nội dung chính là nói về chân tướng bản thân và hoàn cảnh sinh hoạt của chính chúng ta. Tôi bảo ông ấy nghĩ thử xem, tôi nói: “Tôi trả lời như vậy, ông có đồng tình hay không?” Nếu như không biết được kinh Phật nói về điều gì thì chúng ta đối với kinh điển của Phật sẽ không có cách gì lý giải được, mở cuốn kinh ra bạn liền nghĩ ngợi lung tung, càng nghĩ càng cách xa, càng nghĩ càng thấy Phật pháp cùng với đời sống của chúng ta không

có liên quan gì hết, đem nó xem thành học thuyết huyền bí mất rồi, vậy thì còn tác dụng gì nữa! Cho nên, nhất định phải nhận thức việc này cho rõ ràng.

Bất luận là kinh điển Đại thừa hay Tiểu thừa, sâu hay cạn, mỗi câu mỗi chữ đều có quan hệ mật thiết với sinh hoạt thường ngày của chúng ta, sau đó mới hiểu được tiên sinh Âu Dương Cánh Vô nói với chúng ta: “Phật pháp là điều mà người thời nay nhất định phải cần đến”, chúng ta đồng ý với cách nói này, vì thế có thể khẳng định ông nói rất chính xác. Cho nên, mỗi câu mỗi chữ trong kinh điển cùng với đời sống của chúng ta có quan hệ mật thiết. Từ đây có thể biết Phật pháp nhất định không mê tín.

Chúng ta học Phật là từ chỗ nào bước vào? Điều này rất quan trọng! Bắt đầu học từ chỗ nào? Hôm qua đã nói sơ lược một chút với quý vị đồng tu về ý nghĩa biểu pháp của

danh hiệu chư Phật, Bồ-tát, việc này nhất định phải hiểu thì mới biết được sự viên mãn của phương pháp giáo học trong Phật pháp, ở trong Phật môn chúng ta gọi là phương tiện thiện xảo, dùng lời hiện nay mà nói chính là cảnh giới nghệ thuật cao độ. Giáo học của Phật giáo mấy ngàn năm qua đã hướng tới nghệ thuật hóa. Hết thấy danh hiệu, hình tượng của chư Phật mà chúng ta tạo, tượng chư Phật đều là đại biểu cho tánh đức của chúng ta, trong chân tâm bốn tánh của chính chúng ta vốn dĩ đầy đủ; phàm là danh hiệu của Bồ-tát cùng với hình tượng của các ngài đều là đại biểu cho tu đức, cũng chính là nói cho chúng ta biết ở ngay trong cuộc sống thường ngày chúng ta cần phải tu học như thế nào mới có thể khiến cho tánh đức của chính mình hoàn toàn hiển lộ ra và đạt được thọ dụng ở ngay trong đời sống. Như vậy có thể thấy được, giáo dục của Phật-đà đích thực siêu vượt hơn tất cả giáo dục trong thế gian.

Mỗi một vị đồng tu, tôi nghĩ chính bản thân quý vị đều đã trải qua những cảm nhận này. Chúng ta đã từng học qua tiểu học, trung học và đại học, học qua rất nhiều khóa học, sau khi tốt nghiệp ra ngoài có thể áp dụng được mấy thứ vào trong cuộc sống hằng ngày? Nếu như học những thứ này mà không thể áp dụng, quý vị nghĩ xem chúng ta đã lãng phí bao nhiêu thời gian, hao tổn bao nhiêu công sức, những thứ học được không thể dùng! Loại giáo dục như vậy là có khiếm khuyết, không phải là một nền giáo dục tốt. Giáo dục tốt quyết định không lãng phí một giây, một phút nào của chúng ta, những gì chúng ta học được liền có thể ứng dụng ngay trong cuộc sống, đây mới gọi là giáo dục tốt, là nền giáo dục chí thiện viên mãn, Phật pháp có thể đạt tới tiêu chuẩn này.

1. Đại viên mãn

Phật giáo ở Trung Quốc, đặc biệt là Phật pháp Đại thừa, chúng ta lấy bốn vị đại Bồ-tát làm đại biểu, đại biểu cho thứ lớp tu học của chúng ta, đại biểu cho cảnh giới tu học của chúng ta. Bốn vị Bồ-tát này tuy là có thứ lớp, nhưng trong thứ lớp có viên dung, như vậy mới chân thật gọi là viên mãn. Trong thứ lớp không có viên dung, trong viên dung không có thứ lớp, đây không phải là việc hoàn hảo nhất, cũng không phải là việc tốt nhất. Cho nên trong thứ lớp nó có viên dung, viên dung chính là không có thứ lớp, không có thứ lớp nhưng lại có thứ lớp. Giống như chúng ta đi lên nhà cao tầng này, nhà cao tầng có cầu thang, cầu thang là thứ lớp, ngoài cầu thang ra còn có thang máy, thang máy chính là không có thứ lớp, đồng thời đầy đủ như vậy thì mới viên mãn, chúng ta mới yên tâm! Việc này dùng để thí dụ cho Phật pháp, Phật pháp rất giống với thí dụ này.

Từ trên thứ lớp mà nói thì vị thứ nhất là Địa Tạng Bồ-tát, chúng ta từ nơi nào bắt tay vào? Từ Địa Tạng Bồ-tát mà bắt tay vào. Học hội Tịnh tông nơi này, gần đây mua được một hội sở, đã có đất rồi. Hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian nếu bạn không có đất đai, không có nơi chốn, bạn làm việc gì cũng không thể thành công. Bản thân mỗi người cũng phải có một ngôi nhà nhỏ, cũng phải có một mảnh đất nhỏ mới có thể dừng chân, đất đai là cái quan trọng nhất.

Thế nên, ngài Địa Tạng Bồ-tát đại biểu cho địa, địa này là tâm địa, tạng là kho tàng quý báu. Chúng ta biết, mỗi người chúng ta sinh sống ở thế gian này không thể nào tách rời đại địa, chúng ta phải nương vào đây để sinh tồn. Quần áo, thức ăn, đồ dùng đều phải dựa vào sản vật của đại địa, cho nên kho tàng của đại địa hàm chứa vô tận, chúng ta lấy không hết, dùng không tận. Phật dạy chúng ta tu học, trước tiên phải hạ công phu

từ trên tâm địa, trong chân tâm bốn tánh của chúng ta có vô lượng trí tuệ, có vô lượng đức năng, đó chính là những gì hàm chứa trong tâm của bạn, trong tâm tánh của chính mình vốn dĩ đầy đủ.

Mặc dù tự tánh có vô lượng trí tuệ đức năng, nhưng trí tuệ đức năng hiện nay của chúng ta hình như đã mất rồi, biến thành không có trí tuệ, không có năng lực. Nhưng Phật nói với chúng ta, trí tuệ đức năng của chúng ta cùng với chư Phật, Bồ-tát không hai không khác. Cái năng lực này đã đánh mất rồi. Tuy rằng đánh mất, nhưng đức Phật nói với chúng ta không phải hoàn toàn mất thật, tại sao bị mất vậy? Bị mê mất. Nếu như bạn giác ngộ rồi thì trí tuệ đức năng này lập tức lại hiện tiền, lại khôi phục. Dáng vẻ của mê là gì? Trước tiên, chúng ta không cần nghiên cứu về lý luận của mê, vì sao lại mê, việc đó nói ra thì rất dài. Dáng vẻ của mê là như thế nào? Vọng tưởng là mê, phân biệt là mê,

chấp trước là mê. Hiện nay chúng ta chân thật từ sáng đến tối khởi tâm động niệm đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đây là dáng vẻ của mê.

Dáng vẻ của giác là như thế nào? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hết thảy đều không còn nữa, đây chính là dáng vẻ của giác. Cho nên, trên kinh đức Phật nói với chúng ta “chân tâm là niệm”. Mỗi người chúng ta đều có chân tâm, trong chân tâm không có vọng niệm, tâm mà có vọng niệm thì gọi là vọng tâm, tâm không có vọng niệm là chân tâm, nếu trong chân tâm mà có vọng niệm thì không còn gọi nó là chân tâm nữa, mà gọi là vọng tâm, chân tâm là tâm là niệm. Chúng ta học Phật không có gì khác chỉ là khôi phục chân tâm mà thôi. Đây cũng chính là mục tiêu tu học hàng đầu, đem kho báu của tâm địa chúng ta khai phát ra.

Phật pháp không phải hướng ngoại cầu,

điều này mọi người muôn vàn lần chớ quên, Phật pháp là hướng vào bên trong tự tánh để cầu, cho nên Phật pháp là tâm pháp. Ở Ấn Độ thời xưa, Phật học gọi là Nội minh, họ cũng đem khóa trình này phân loại nhưng không phân nhỏ giống như hiện nay, họ phân rất đơn giản, phân làm năm khoa lớn. Trong đó triết học của Phật học được xếp vào Nội minh, đây là hướng vào trong nội tâm để cầu, không phải hướng ra bên ngoài. Cho nên, Phật pháp là giáo dục khởi phát tự tánh, giáo dục khôi phục bản năng. Trong kinh Địa Tạng đã giảng pháp môn này cho chúng ta, nói cho chúng ta biết trong tâm tánh của chính mình đầy đủ đại viên mãn. Tôi tin rằng rất nhiều vị đồng tu đã đọc qua kinh Địa Tạng, nếu như bạn không hiểu được ý kinh thì bạn đọc kinh Địa Tạng cũng giống như đọc tiểu thuyết thần thoại vậy.

Kinh điển của Phật từ trên bề ngoài mà xem có thể phân thành hai loại lớn: Một loại

là giảng về sự, kinh Địa Tạng giảng về sự, kinh A-di-đà cũng giảng về sự. Thế nên, khi bạn đọc giống như đang đọc tiểu thuyết vậy, cảm thấy không có gì hay cả. Nhưng loại kinh điển này là khó giảng nhất, trong sự có đạo lý; bạn không thể đem đạo lý giảng rõ ràng, giảng tường tận thì ai mà tin tưởng được những việc này! Thành ra loại kinh điển này khó giảng. Ngoài ra còn có một loại khác là giảng về lý, như kinh Kim Cang giảng lý, Bát-nhã Tâm Kinh giảng lý, kinh giảng về lý thì ngược lại chúng ta dễ hiểu, rất bội phục. Nhưng trong lý có sự, nếu như không nói ra được sự thật thì những lý của đạo lý ấy đều là trống không, đều biến thành lý lẽ suông. Đây là điều mà người nghiên cứu, giảng giải kinh luận Phật pháp như chúng ta không thể không biết. Chỗ giảng về sự, bạn phải hiểu được lý; chỗ giảng về lý, bạn phải hiểu được lý này cần ứng dụng vào trong đời sống sinh hoạt hằng ngày như thế nào.

Vừa mở đầu kinh Địa Tạng, lúc chưa giảng đến kinh văn, trước tiên đức Phật phóng quang hiện tướng lành, phóng “đại quang minh vân”, đây chính là một cách thức biểu thị giáo nghĩa của toàn kinh. Quang minh là trí tuệ, đại quang minh chính là trí tuệ cứu cánh viên mãn, là trí tuệ “không gì không biết, không gì không thể”. Loại trí tuệ này ở đâu? Ở ngay trong tâm tánh của chính chúng ta. Trong hết thảy kinh điển, Phật thường dùng “mây” để làm thí dụ, thí dụ cho chân tướng sự thật này. Mây, bạn nói nó có hay là không có? Nếu như nói không có, chúng ta nhìn lên bầu trời thấy từng đám mây một vô cùng rõ ràng, thực tế là thấy, thấy rất rõ ràng, nó là có! Hiện nay, chúng ta ngồi trên máy bay, bay tới phía trên đó, mây còn có hay không? Không có rồi. Cho nên, Phật dùng chữ “mây” để đại biểu cho sự việc này, không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không. Chẳng có chẳng không, đây mới

là chân tướng sự thật. Bạn nói nó nhất định có, sai rồi, bạn thấy sai rồi; bạn nói nó nhất định không có, bạn cũng thấy sai luôn, đó đều gọi là mê.

Ngày nay chúng ta đem hết thấy sự tướng của vũ trụ nhân sinh xem là có thật, cho điều ấy là đúng, chúng ta thấy sai rồi. Hết thấy các pháp, bao gồm cả thân thể chúng ta đều chẳng có chẳng không, đây là chân tướng. Cho nên, không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không. Bạn nói không có nhưng cái hình tướng này rõ ràng tồn tại. Bạn nói nó có nhưng bản thể của nó là không, chẳng thể có được, câu nói này rất khó hiểu. Nhà khoa học phương Tây ngày nay biết được, ở trong vật lý học tiến bộ họ đã phát hiện hết thấy vật chất giống như hiện tượng nhân duyên kết hợp mà trong Phật pháp nói đến. Duyên hợp lại thì hình tướng này liền tồn tại, duyên tan rồi thì hình tướng này liền không còn nữa, nhà khoa học hiểu được đạo lý này. Nếu như

chúng ta hiểu được đạo lý này thì sẽ hiểu được cách nói “chẳng có chẳng không” mà Phật giảng cho chúng ta. Chúng ta liền có thể thể hội, liền có thể hiểu được.

Thí dụ như chúng ta xem thấy có cái khăn lông này, một mặt là có. Phật nói với chúng ta nó chẳng có chẳng không, bạn không thể nói nó có, vì sao vậy? Nó là do nhân duyên hợp thành. Chúng ta cầm lấy đầu sợi chỉ này, một khi kéo ra, kéo dài ra rồi thì nó chỉ là một sợi chỉ, sợi chỉ đan lại thành một chiếc khăn lông này. Thế nên, khi bạn đem nó tháo ra thành một sợi chỉ, tướng của khăn không còn nữa. Kỳ thật lúc chưa tháo, nếu bạn xem khăn lông là một sợi chỉ, khăn lông ấy còn đâu? Hết thấy pháp đều là như vậy.

Hiện nay, vật lý học phân tích được rất vi tế, đem tất cả vật chất phân chia thành phân tử, phân thành nguyên tử, phân thành điện tử, phân thành hạt tử, họ từ chỗ này xem

thấy tất cả pháp đều chẳng có. Nhưng từ trên cả hình tướng lớn mà nhìn thì hết thấy pháp chẳng không. Phật vì muốn đem chân tướng này nói rõ ràng, nói sáng tỏ nên đã dùng “mây” để làm thí dụ, biểu thị hết thấy vạn pháp chẳng có cũng chẳng không, đây mới là chân tướng sự thật.

Do đó, Phật giáo cho chúng ta quan điểm về đời sống, ở trên kinh Kim Cang đã nói ra một đại nguyên tắc, một tổng nguyên tắc gọi là “vô trụ sanh tâm”. Vô trụ là gì? Bạn không nên cho rằng là thật, không nên chấp trước, tất cả đều là giả. Nếu bạn nhận nó là thật rồi chấp trước nó, vậy thì sai rồi! Cho nên dạy bạn vô trụ, tâm này của bạn tự tại biết bao! Vô trụ, nói đơn giản là tâm chúng ta phải thanh tịnh, không có lo lắng, không có vướng mắc, không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước, bạn nói vui vẻ biết đường nào! Tâm của bạn thanh tịnh biết bao! Đây là ý nghĩa của “vô trụ”.

“Sanh tâm”, bạn nhất định phải sanh tâm giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Chúng ta sống ở thế gian này đừng vì chính mình, nếu vì chính mình thì phạm vi ấy quá nhỏ, đó chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Ta sống ở thế gian này là vì ai? Vì hết thảy chúng sanh. Bạn nói vì gia đình của tôi, vì họ hàng của tôi, vì quê hương của tôi, vì quốc gia của tôi, phạm vi đó đều quá nhỏ rồi. Quốc gia của bạn tốt, còn quốc gia láng giềng không tốt thì bạn cũng không thể trải qua được những ngày tháng tốt đẹp. Quốc gia của tôi tốt, hy vọng mỗi một quốc gia cũng đều tốt, thiên hạ mới có thể thái bình, mọi người mới có thể đạt được hạnh phúc. Cho nên tâm lượng phải lớn, tầm nhìn phải xa, Phật dạy chúng ta sanh tâm này.

Sanh tâm là từ trên tướng hiện ra mà nói, tướng có tốt xấu, có thiện ác, ở trong Phật pháp nói có mười pháp giới, mười pháp giới là tướng. Hướng lên phía trên có Phật, Bồ-

tát, Duyên giác, Thanh văn, xuống phía dưới thì có sáu cõi. Tướng của sáu cõi từ đâu mà có vậy? Từ trong tâm của bạn biến hiện ra. Ai là chủ nhân của sáu cõi mười pháp giới? Là chính mình, không phải bên ngoài, đây là trong kinh Đại thừa Phật thường hay nói: “Tất cả pháp từ tâm tướng sanh”. Từ đây có thể biết, tâm tướng này của chúng ta có quan hệ quá lớn.

Ở trên kinh Hoa Nghiêm, Phật giảng vũ trụ nhân sinh là “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, tướng nhất định là có, tướng nhất định không thể bị diệt mất, điều này phải biết. Tướng không thể bị diệt mất nhưng tướng sẽ biến đổi, không diệt là thật, nhưng nó sẽ biến đổi. Vì sao sẽ biến đổi? Bởi vì bạn có ý nghĩ nên sẽ biến đổi, nghĩ cái gì thì biến thành cái đó, bạn nghĩ Phật thì biến thành Phật, nghĩ Bồ-tát thì biến thành Bồ-tát.

Thế giới ngày nay biến thành động loạn

như vậy nguyên nhân ở tại đâu? Bởi vì những điều mà mọi người nghĩ là tham sân si, đều nghĩ tới tham lam, đều nghĩ tới sân hận, đều nghĩ tới si mê, vậy thì thế giới này liền động loạn ngay, không thể tưởng tượng được. Hết thầy pháp từ tâm tướng sanh, vì thế “sanh tâm” là vô cùng, vô cùng quan trọng. Cho nên Phật dạy chúng ta không nên sanh tâm luân hồi, không nên sanh tâm lục đạo. Sanh tâm gì tốt nhất? Sanh tâm thành Phật.

Thế nên, hết thầy chư Phật đều khuyên chúng ta niệm A-di-đà Phật, niệm A-di-đà Phật tốt, niệm A-di-đà Phật thì tương lai thành A-di-đà Phật. Thành Phật khác không tốt hay sao? Các vị Phật khác không bằng A-di-đà Phật hay sao? Phật đều là bình đẳng, Phật Phật đạo đồng, Phật Phật bình đẳng, vì sao A-di-đà Phật lại thù thắng hơn? Chúng ta đọc được trên kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật Thích-ca Mâu-ni vì chúng ta giới thiệu “mười phương hết thầy chư Phật Như Lai thì A-di-đà

là bậc nhất”, trên kinh xưng tán ngài là “ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật”, A-di-đà Phật là vua trong các vị Phật! Cho nên, đức Phật Thích-ca Mâu-ni dạy chúng ta đi làm A-di-đà Phật, không làm những vị Phật khác. Làm Phật khác không phải vua trong các vị Phật, tương lai nếu như gặp lại Thích-ca Mâu-ni Phật, biết được có A-di-đà Phật thì bạn sẽ trách ngài: “Thích-ca Mâu-ni Phật, vì sao ngài không dạy con niệm A-di-đà Phật mà lại dạy con niệm Phật khác, ngài không thật lòng, ngài có lỗi với con”, xác thực là như vậy. Cho nên, đức Phật Thích-ca Mâu-ni chính mình cũng niệm A-di-đà Phật, không có một vị Phật nào không niệm A-di-đà Phật, đây là điều mà chúng ta thấy được ở trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh A-di-đà. Đoạn sáu phương Phật trong kinh A-di-đà chính là như vậy, không có một vị Phật nào không niệm A-di-đà Phật, A-di-đà Phật là cứu cánh nhất trong các Phật, là đại viên mãn trong các Phật, bạn xem điều

này có ý nghĩa biết bao.

Tôi biết được pháp thù thắng bậc nhất trong tất cả pháp nhưng tôi không nói cho bạn biết, chỉ nói cho bạn những pháp bậc hai, bậc ba thì tôi có lỗi với bạn. Tuy bây giờ bạn không biết được nhưng thế nào cũng có ngày bạn sẽ nhận ra, thế nào cũng có ngày chúng ta gặp nhau, khi gặp lại thì khó mà nói chuyện rồi. Hôm nay, tôi đem pháp môn bậc nhất nói với bạn, bạn không tiếp nhận, nếu sau này bạn đi qua rất nhiều đoạn đường oan uổng, lần sau bạn gặp lại tôi cũng không còn gì để nói. *“Ôi! Trước đây vì không nghe theo lời của thầy nên phải đi qua biết bao nhiêu đoạn đường oan uổng như vậy, con rất hổ thẹn”*. Không phải là tôi có lỗi với bạn, là chính bạn do dự hoài nghi, không thể tiếp nhận nên đã đi sai đường.

Phật, Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh là đại từ đại bi. Hai chữ “từ bi”, dùng lời hiện

nay để nói chính là quan tâm, thương yêu che chở. Sự quan tâm, thương yêu của chư Phật, Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh vượt hơn cả cha mẹ, vượt hơn cả người thân. Những thứ các ngài cho chúng ta nhất định là tốt nhất; không thể tiếp nhận thứ tốt nhất thì sẽ cho bạn thứ tốt hạng hai, sẽ cho bạn thứ tốt hạng ba. Chư Phật, Bồ-tát tiếp dẫn chúng sanh, giáo hóa chúng sanh, thái độ và phương thức của các ngài tất nhiên là như vậy.

Trí tuệ đức năng của tâm tánh là vô lượng vô biên, trên kinh Địa Tạng chỉ dùng mười câu nói để hiển thị ý nghĩa, cũng chính là đem trí tuệ đức năng vô lượng vô biên quy nạp thành mười loại lớn, để thuận tiện cho việc dạy học. Trong mỗi loại, thực tế mà nói đều là vô lượng vô biên, giống như hiện nay quý vị đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, vừa mở đề kinh ra là “*Phật thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ*”, chữ “*thọ*” đó là một loại trong vô lượng, lấy đó làm đại biểu. Bạn không nên xem thấy

vô lượng thọ thì cho rằng chỉ có thọ mạng vô lượng, những thứ khác đều không có, không phải vậy, mọi thứ đều là vô lượng. Nếu nói mọi thứ đều là vô lượng thì sẽ không được rõ ràng, vì thế lấy thọ mạng để làm đại biểu rất có ý nghĩa, ở trong tất cả vô lượng thì thọ mạng là đệ nhất. Thí dụ như nói bạn có vô lượng trí tuệ, vô lượng tài nghệ, vô lượng năng lực, vô lượng của cải, vô lượng nhà cửa nhưng bạn không có thọ mạng, bạn đoản mạng, vậy thì hết thảy vô lượng đó của bạn đều bằng không rồi. Thế nên, trong hết thảy vô lượng phải lấy thọ mạng làm hàng đầu, bạn có vô lượng thọ thì tất cả vô lượng bạn đều hưởng thụ được rồi, bạn đều được thọ dụng. Cho nên, ở trong tất cả vô lượng thì gọi thọ mạng là đệ nhất, nếu xếp theo thứ tự thì xếp vào hàng đầu. Trên kinh dùng vô lượng thọ để làm đại biểu, tuyệt đối không phải chỉ có một loại, chân thật không có gì không phải là vô lượng, đây chính là mười

loại lớn, mọi thứ đều là vô lượng.

Thứ nhất là đại viên mãn, đây là nói chung, còn chín loại phía sau là nói riêng. Câu đầu tiên là “đại viên mãn”, đại viên mãn chính là tư hào khiếm khuyết cũng không có; giống như Thiền tông vào thời nhà Đường, khi Đại sư Lục Tổ Huệ Năng khai ngộ liền hướng về thầy của ngài nêu ra báo cáo, nói rõ tâm đắc của mình, ngài chỉ nói năm câu kệ, trong đó có một câu: “*Nào ngờ tự tánh vốn đầy đủ*”. Thật không ngờ trong chân tâm bốn tánh của chính mình hết thấy đều đầy đủ, một thứ cũng không hề khiếm khuyết. Câu kệ đó chính là ý nghĩa như vậy, chính là ý nghĩa của đại viên mãn. Ngoài ra chín điều khác là nói riêng, đều thuộc về cương lĩnh.

Kế đến là từ bi, mười câu này đều gọi là quang minh vân, “*đại viên mãn quang minh vân, đại từ bi quang minh vân, đại trí tuệ quang minh vân*”. Từ đây có thể biết, từ bi là thứ mà

xưa nay vốn đầy đủ trong bốn tánh, cái này không phải học mà có, mà là thiên tánh. Thời xưa, Mạnh tử có nói: *“Lòng trắc ẩn, mọi người đều có”*. Khi nhìn thấy một đứa trẻ đang gặp nguy hiểm, không cần biết bạn có quen hay không quen, nhất định sẽ đưa tay ra kéo nó lại. Vì sao vậy? Lòng trắc ẩn là thiên tánh, trong bốn tánh vốn đầy đủ.

Ngày nay, chúng ta đối với hết thảy chúng sanh tại sao tâm từ bi này lại không còn nữa? Bởi vì đã khởi lên vọng tưởng, trong ấy sinh ra lợi hại, được mất. Khởi lên ý niệm có lợi hay không có lợi cho bản thân, có lợi mới làm, không có lợi thì không làm. Họ khởi loại vọng tưởng, phân biệt, chấp trước này đã làm cho thiên tánh mất đi. Phật pháp dạy chúng ta đoạn trừ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước để khôi phục lại tự tánh. Chúng ta vốn dĩ đối với hết thảy chúng sanh không có phân biệt, không có chấp trước, thương

yêu giúp đỡ bình đẳng như nhau. Quý vị cần phải bình tâm suy ngẫm một chút, bạn nói đời sống như vậy thật đẹp biết bao! Chúng ta thường hay hy vọng “chân, thiện, mỹ”, Phật pháp dạy cho chúng ta xác thực là chân thiện mỹ, chân thiện mỹ là tánh đức của chúng ta, chúng ta vốn dĩ là đầy đủ, hiện nay ba thứ này đều không còn nữa.

“Đại trí tuệ quang minh vân”, chúng ta vốn dĩ đầy đủ trí tuệ viên mãn, đối với vũ trụ nhân sinh rất rõ ràng, rất sáng tỏ, không gì không biết, không gì không thể. Ngày nay, trí tuệ cùng đức năng của chúng ta đều mất rồi. Cái mất này vừa mới giảng là mê mất, không phải mất thật sự; nếu như mất thật, vậy thì đó chẳng phải là tự tánh vốn đầy đủ, chỉ mê mất mà thôi, tuy là có nhưng bạn không biết dùng, không khởi được tác dụng. Cho nên, sau khi phá mê khai ngộ thì tác dụng liền hiện tiền, liền khởi tác dụng.

“Đại bát-nhã quang minh vân”, trí tuệ và bát-nhã có khi là một ý nghĩa, bát-nhã chính là trí tuệ, trí tuệ chính là bát-nhã. Nếu như trí tuệ và bát-nhã cả hai cùng nêu ra vậy thì không phải là một ý nghĩa. Bát-nhã là từ căn bản trí mà nói, trí tuệ là từ hậu đắc trí mà nói. Căn bản trí và hậu đắc trí đây là danh từ Phật học, dùng lời hiện nay để nói thì một cái là bản thể của trí tuệ, một cái là tác dụng của trí tuệ. Bản thể của trí tuệ chúng ta gọi nó là bát-nhã, tác dụng của trí tuệ chúng ta gọi nó là trí tuệ. Cho nên, trí tuệ và bát-nhã là hai danh từ hợp lại để nói, có thể có dụng, chính là ý nghĩa này. Vậy thể của bát-nhã là gì? Đây là điều mà chúng ta không thể không biết. Giống như một cái cây vậy, không có gốc thì cành lá, hoa quả làm sao mà ra được! Bát-nhã là bản thể của trí tuệ, chính là căn bản của trí tuệ, mà tác dụng của trí tuệ chính là cành lá hoa quả.

Người hiện nay hết sức thông minh, hôm qua đã nói với quý vị rồi, Phật không thể không thừa nhận họ giác, giác chính là có trí tuệ, nhưng Phật không thừa nhận họ chánh giác. Vì sao vậy? Chánh giác thì họ phải thật sự có trí tuệ, trí tuệ chân thật. Nếu không phải chánh giác thì cho dù có thông minh tuyệt đỉnh nhưng ở trong nhà Phật nói họ không có trí tuệ, họ không có căn bản của trí tuệ, đương nhiên họ cũng không có cành lá, hoa quả của trí tuệ, đây là đạo lý nhất định! Những gì mà họ biểu hiện đó, trong Phật pháp chúng ta gọi là “thế trí biện thông”. Họ là thông minh trí tuệ của thế gian, không phải là trí tuệ trong Phật pháp mà chúng ta hay nói đến, không phải là trí tuệ chân thật có trong tự tánh, họ chưa có kiến tánh, khác biệt là ở chỗ này.

Căn bản trí tuệ, trong kinh Bát-nhã nói được rất hay, nếu như quý vị hiểu rõ tất cả pháp mà đức Phật nói trong 49 năm thì bạn

sẽ biết được trung tâm của Phật pháp nằm ở chỗ nào. Đại đức thời xưa ở Trung Quốc đem giáo pháp đức Phật Thích-ca Mâu-ni cả đời giảng chia làm năm giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là Phật giảng kinh Hoa Nghiêm, Phật giảng kinh Hoa Nghiêm là ở trong định, khi đức Phật thành đạo, ngồi thiền nhập định dưới cội bồ-đề, trong định giảng kinh. Người bình thường như chúng ta nhìn không thấy, người bình thường chỉ nhìn thấy đức Phật ngồi thiền dưới cội bồ-đề, ai biết được ngài đang ở đó giảng kinh. Cho nên hiện nay, Tiểu thừa của Thái Lan và Tiểu thừa của Sri Lanka không thừa nhận Phật pháp Đại thừa, cho rằng Đại thừa là không phải Phật nói. Họ chưa từng nghe nói đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng Phật pháp Đại thừa, đặc biệt là kinh Hoa Nghiêm, căn bản là không thể tiếp nhận.

Phật giảng kinh này là trong “nhị thất nhật” đầu tiên, nhị thất nhật là 14 ngày.

Những người tham gia pháp hội này không phải là người bình thường, phải là Pháp thân Đại sĩ thì mới có năng lực đi vào cảnh giới trong định của đức Phật để nghe kinh, người khác không có cách gì. Bạn nói người đó nằm mộng, chúng ta có năng lực đi vào cảnh giới trong mộng của họ hay không? Bạn không có bản lĩnh này thì bạn không thể tham gia được pháp hội của ngài. Cho nên, tham dự pháp hội Hoa Nghiêm là 41 bậc Pháp thân Đại sĩ. Đây là bộ kinh lớn đầu tiên Phật nói, nội dung bên trong là giảng về cảnh giới chân thật viên mãn mà những gì đức Phật thân chứng, cũng chính là giảng về chân tướng vũ trụ nhân sinh của chúng ta, toàn bộ đã nói ra được vô cùng viên mãn, đây là kinh Hoa Nghiêm.

Sau khi giảng kinh Hoa Nghiêm xong, đức Phật hiểu rõ người thế gian không thể tham dự, không có người nào có thể lý giải, không những không thể lý giải mà nhìn

cũng nhìn không thấy, nghe cũng nghe không được. Sau đó ngài mới xuất định đi đến vườn Lộc Dã giảng A-hàm độ năm vị tỳ-kheo. A-hàm là kinh Tiểu thừa, bắt đầu giảng từ những điều cơ bản, giống như hiện nay mở trường học, trước tiên là mở lớp tiểu học. Nhưng mục đích của ngài vẫn là hy vọng mọi người có thể hiểu rõ cảnh giới của Hoa Nghiêm, cảnh giới cứu cánh viên mãn, đời sống chân thật tốt đẹp, ngài dạy chúng ta hiểu rõ việc này. Nhưng chúng ta không thể tiếp nhận, không thể hiểu. Vậy thì ngài từ từ bồi dưỡng, mở lớp tiểu học A-hàm 12 năm. Sau đó lại mở lớp Phương Đẳng, Phương Đẳng thì giống như trung học vậy, Phương Đẳng hết 8 năm. Sau Phương Đẳng thì tiếp tục nâng cao lên Bát-nhã, giống như đại học, thời gian này dài nhất, 22 năm. Sau cùng Pháp Hoa là 8 năm, tổng cộng 49 năm. Quý vị thử nghĩ xem 49 năm, kinh Bát-nhã đã giảng 22 năm, gần như một nửa thời gian trong đời

là giảng Bát-nhã, qua đây thấy được Bát-nhã là trung tâm của Phật pháp.

Bát-nhã là trí tuệ, trong 22 năm giảng kinh Bát-nhã của đức Phật, chúng ta đem nó tổng kết lại, tổng quy nạp lại, vậy Bát-nhã nói những gì? “*Bát-nhã vô tri, vô sở bất tri*” (Bát-nhã vô tri nhưng không điều gì không biết). Vô tri chính là căn bản trí, chính là “đại bát-nhã quang minh vân” mà chúng ta vừa mới nói. Vô tri khởi tác dụng là vô sở bất tri, vô sở bất tri chính là “đại trí tuệ quang minh vân”. Khi không khởi tác dụng thì tâm giống như một cái gương, rất sạch sẽ, mảy trần không nhiễm. Tâm phải giống như cái gương, tâm phải giống như nước.

Bạn xem chúng ta cúng Phật, phẩm vật cúng Phật rất nhiều nhưng quan trọng nhất là nước. Trong nhà chúng ta có Phật đường, ngày nay có một số người ở nhà chung cư không thuận tiện cho việc thắp hương

lắm, căn phòng rất thấp, nếu thấp hương thì trong phòng sẽ bị ám khói, người khác ngồi thấy cũng rất khó chịu, có thể không cần thấp hương, cũng có thể không cần thấp đèn, cũng không cần cúng hoa, nhưng mức độ thấp nhất là phải cúng một ly nước.

Cúng nước là ý nghĩa gì? “Đại bát-nhã quang minh vân”, biểu thị ý nghĩa này. Cúng một ly nước trong, nghĩa là tâm chúng ta phải trong sạch giống như nước, phải bình đẳng giống như nước, không gợn sóng. Đây chính là căn bản trí, nó biểu thị cho căn bản trí. Nước đó không phải là cúng cho Phật, Bồ-tát uống. Bạn nói tôi cúng một ly nước mời Phật, Bồ-tát, đó là sai rồi, không phải như vậy. Cúng nước là để cho chúng ta nhìn, chúng ta nhìn thấy ly nước này thì phải nghĩ ngay đến tâm mình phải trong sạch giống như nước, phải bình đẳng giống như nước, nó đại biểu cho ý nghĩa này. Đây là điều mà Phật dạy cho chúng ta, dùng phương pháp

này để thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình, đó là nghệ thuật dạy học của ngài. Không cần phải dùng ngôn ngữ, không cần phải dùng văn tự, khi bạn nhìn thấy cái này thì có thể biết được tâm, thể hội nơi tâm. Về ý nghĩa biểu pháp liên quan đến những phẩm vật cúng dường này, tới phần sau chúng tôi sẽ báo cáo thêm với mọi người.

Thế nên, cầu trí tuệ phải cầu như thế nào? Trước tiên là cầu vô tri. Cách dạy học thời xưa của Trung Quốc cùng với Phật pháp có rất nhiều chỗ quả thật là không hên mà gặp, đủ thấy được cổ thánh tiên hiền Trung Quốc chân thật có trí tuệ cao độ. Khổng tử, Mạnh tử cùng Thích-ca Mâu-ni Phật chưa từng gặp mặt nhưng lý luận và phương pháp dạy học của các ngài có rất nhiều chỗ tương đồng. Điều này giống như người xưa hay nói: *“Cái thấy của anh hùng thường hay giống nhau”*. Mặc dù chưa từng gặp mặt nhưng cách nhìn, cách nghĩ, cách làm hết sức giống nhau. Giáo

dục thời xưa đều là dạy căn bản trí trước, căn bản trí gọi là vô tri. Không giống như trường học hiện nay, kiểu giáo dục hiện nay có thể tạo ra nhân tài nhưng không thể sinh ra thánh hiền. Giáo dục thời xưa có thể tạo ra nhân tài lại có thể sinh ra thánh hiền. Đây là ở trên tư tưởng, trên phương thức giáo dục không giống nhau.

Nếu quý vị có đọc Lễ Kí, bạn xem tiểu học thời xưa ở Trung Quốc, trẻ em bảy tuổi đi học, đi học liền theo thầy giáo không theo cha mẹ nữa. Vào thời đó, đại khái là mỗi tháng vào ngày mồng một, mười lăm được nghỉ học, có thể về nhà thăm cha mẹ một chút. Hiện nay chúng ta dùng cách tính lịch của phương Tây nên ngày chủ nhật được nghỉ. Ngày nghỉ thời xưa của Trung Quốc thông thường là mồng một, mười lăm được nghỉ, tết đến được nghỉ, có thể về nhà thăm cha mẹ, bình thường học trò phải theo thầy. Thầy dạy điều gì? Dạy giáo dục đời sống.

Dạy học trò vẩy nước quét dọn, đối đáp ứng xử, dạy những giáo dục này. Dạy trẻ nhỏ làm việc, dạy trẻ làm thế nào chăm sóc cha mẹ, làm thế nào chung sống hòa hợp với anh chị em, cho nên nó là thuộc về giáo dục đời sống. Từ nhỏ đã dạy dỗ, trẻ biết hiếu đễ.

Về mặt học thuật, thì dạy trẻ những gì? Chính là dạy trẻ vô tri, dạy trẻ đọc sách, đọc sách thì chỉ dạy trẻ đọc tụng, không giảng giải ý nghĩa. Như Tứ thư, Ngũ kinh, các loại sách này thầy giáo dạy bạn đọc, mỗi ngày dạy bạn đọc một đoạn, dạy bạn học thuộc lòng, thuộc lâu lâu rồi còn phải gấp sách lại đọc 100 lần, đọc 200 lần. Vì sao số lần đọc thuộc lòng nhiều đến như vậy? Để cả đời bạn cũng không thể quên, đây là ý nghĩa thứ nhất. Bên trong còn có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng, đó là nếu không có việc gì bảo trẻ nhỏ làm thì nó sẽ nghĩ tưởng lung tung, nghĩ tưởng lung tung là phiền não, là bệnh, không phải việc tốt, trí tuệ chẳng còn

nữa. Thế nên thầy giáo dùng phương pháp này, dạy học thuộc sách, thuộc rồi thì không khởi vọng tưởng. Dùng phương pháp này đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của học trò loại bỏ đi, giúp cho tâm học trò được thanh tịnh, phương pháp này chính là tu căn bản trí, bát-nhã vô tri.

Dùng phương pháp này để bồi dưỡng học trò, từ 7 tuổi đến khoảng chừng 12 tuổi, đây là giáo dục của thời xưa. Tất cả những sách cần phải học thì học trò đều đã thuộc hết, nhưng ý nghĩa là gì thì không hiểu. Học trò không có vọng tưởng. Giáo dục thời xưa là từ tiểu học rồi lên đại học, trong đó không có trung học. Mười ba tuổi liền có thể học thái học, trước đây gọi là thái học, không có những danh từ như trung học, đại học. Thái học thời đó thì giống như đại học ngày nay của chúng ta, đến trường học đó chính là cầu trí tuệ, cầu hậu đắc trí là vô sở bất tri. Bạn xem giai đoạn giáo dục phía trước là dạy

bạn vô tri, giáo dục phía sau là dạy bạn vô sở bất tri. Vì thế, khi lên thái học thầy giáo trong trường sẽ giảng giải, những sách mà bạn trước đây đã từng đọc bây giờ thầy giáo sẽ giảng giải cho bạn, các bạn đồng học cùng nhau qua lại nghiên cứu thảo luận, làm công việc này. Cho nên, người thời xưa đọc sách cảm thấy vui, rất vui vẻ! Khi đến thái học thì không cần mang theo sách, không giống như hiện nay đi học phải mang theo một đống sách vở trong cặp, nhìn thấy rất đáng thương, mang vác quá nặng nề.

Khi xưa học thái học không cần sách vở, những sách đó mỗi học sinh từ nhỏ đều đã thuộc lòng; vừa giảng tới bộ sách nào, trang thứ mấy, hàng thứ mấy, chữ thứ mấy mọi người đều biết, đều thông thuộc, vậy họ còn cần sách để làm gì! Thế nên, bạn nói xem loại nghiên cứu thảo luận đó vui sướng biết bao, trích dẫn trong kinh điển, tùy ý nhắc đến chỗ nào thì mọi người đều đã thuộc rất nhuần

nhuẩn, đều biết cả. Không cần phải tra cứu tham khảo tài liệu như hiện nay, tìm hết nửa ngày mà vẫn tìm chưa thấy! Giáo dục thời đó có đặc sắc của nó.

Khi nói đến một bộ sách, trang thứ mấy, dòng thứ mấy, chữ thứ mấy thì bạn không thể không bội phục người Trung Quốc chúng ta có đầu óc khoa học. Bất luận là sao chép, bất luận là khắc bản để in ấn, sách của Trung Quốc không có dấu chấm câu để nhận biết, mỗi trang 10 hàng, mỗi hàng 20 chữ, lấy đó là tiêu chuẩn. Bất luận là sách của nhà nào, bạn sao chép cũng được, bạn in ấn cũng được, đều là một trang 10 hàng, một hàng 20 chữ. Thế nên, nói trang thứ mấy, hàng thứ mấy bạn đều biết, bất kể bạn là nhà xuất bản nào, toàn quốc đều thống nhất giống nhau. Không như sách in hiện nay, một trang bao nhiêu hàng, một hàng bao nhiêu chữ đều không có nhất định. Nếu bạn không tìm được bản in đó xuất bản năm nào, xuất bản ở đâu thì

bạn sẽ không tra ra được. Trước đây là thống nhất, vì vậy sách thời xưa của Trung Quốc là sách buộc chỉ, hàng lối là thống nhất; chỉ cần là sách buộc chỉ thì cho dù là nhà khắc bản nào đi nữa cũng đều là giống nhau, đây là đầu óc khoa học.

Cho nên, thầy giáo dạy học trong thái học không nhất định phải dạy ở trong lớp, đa phần là du sơn ngoạn thủy. Một vị thầy có khoảng mười mấy học trò, học trò đi theo hầu thầy, khi có việc gì thì học trò chủ động làm thay, chuẩn bị một ít rượu và thức ăn, có một chiếc xe nhỏ đẩy thầy đi du sơn ngoạn thủy, đi đến đâu thì giảng đến đó, như đi du lịch vậy. Sau khi đi hết 3, 4 tháng trở về thì khóa trình này cũng đã học xong. Đọc vạn quyển sách đi vạn dặm đường. Loại du ngoạn đó không nhất định là đi chơi, trong đó có tham quan học hỏi. Giảng đến những chỗ nào liền dẫn bạn đi xem thực tế nơi đó, chân thật là tăng trưởng học vấn, tăng

trưởng trí tuệ. Chúng ta xem thấy phương thức giáo dục thời xưa ở trong sách cổ thì vô cùng ngưỡng mộ, thực sự thì giáo dục thời nay không thể nào sánh bằng, giáo dục thời xưa chân thật là tốt đẹp, chân thật được an vui! Thành tựu vô sở bất tri cho bạn.

Cho nên, ở trong thái học học được vài năm thì tham gia thi cử quốc gia, lúc đó là kỳ thi cao đẳng, cao nhất là kì thi quốc gia, trúng tuyển rồi gọi là tiến sĩ, tiến sĩ là học vị, đây là kì thi cao cấp của quốc gia, khi đỗ đạt rồi thì gọi học vị này là tiến sĩ.

Người thông thường phần nhiều lấy được bằng cử nhân, cử nhân thì kém một bậc, là bậc thứ hai, thuộc kỳ thi tỉnh. Thi tỉnh hiện nay giống như kỳ thi do phòng giáo dục tỉnh tổ chức vậy, khi trúng tuyển rồi gọi là cử nhân. Kỳ thi do quốc gia tổ chức khi trúng tuyển thì gọi là tiến sĩ, thời đó gọi là công danh, ngày nay chúng ta gọi là đạt yêu cầu.

Khi thi cử đỗ đạt rồi chính phủ liền có thể phân bổ bạn đến chính quyền địa phương để làm huyện trưởng; thế nên chúng ta xem thấy trong sách xưa có rất nhiều người chưa đầy 20 tuổi họ đã thi đậu, họ làm huyện trưởng, cũng làm được rất tốt. Hiện nay chưa đủ 20 tuổi thì vẫn là trẻ nhỏ. Vào lúc đó họ đã có thể làm quan phụ mẫu, không chỉ quản lý hành chính mà còn quản lý tư pháp, tại địa phương đó họ là quan thẩm phán cao nhất, xét xử vụ án. Người ta có căn bản trí và hậu đắc trí, không nên xem họ ít tuổi, họ đích thực có trí tuệ, có năng lực, đây là giáo dục thời xưa của Trung Quốc.

Giáo dục của Phật pháp cũng là như vậy, bất luận tại gia hay xuất gia học Phật đều phải năm năm học giới, hiện nay không còn nữa. Năm năm học giới đó không phải là học giới luật, mà là năm năm theo một vị thầy, chuyên môn tiếp nhận sự chỉ dạy của một vị thầy gọi là năm năm học giới. Bạn

năm năm theo một vị thầy là bạn đi một con đường, một phương hướng, bạn dễ thành tựu. Sự thành tựu trong Phật pháp, hôm qua đã nói với chư vị rồi, đó là tâm thanh tịnh.

Học theo một vị thầy thì tâm dễ được thanh tịnh, hai vị thầy thì có hai cách nói, sau khi nghe xong bạn sẽ hoài nghi, rốt cuộc thầy nào nói mới đúng! Ba vị thầy sẽ có ba cách nói, thầy của bạn càng nhiều thì càng rắc rối, càng phiền phức. Cho nên, thời xưa ở Trung Quốc là chỉ cầu học với một vị thầy, nhất định không thể đồng thời theo hai vị thầy, bạn đi là một con đường, thầy giáo đối với học trò phải chịu trách nhiệm tuyệt đối, học trò học không thành tựu là thầy giáo dạy học thất bại, đây là điều nhất định không thể được, cho nên thầy giáo đối với học trò phải chịu trách nhiệm hoàn toàn. Nhưng học trò đối với thầy giáo thì nhất định phải y giáo phụng hành, phối hợp mật thiết mới có thể thành tựu. Học trò mà không nghe lời

thì dẫu cho thầy giáo có giỏi cách mấy cũng không thể dạy. Cho nên, học trò nhất định phải nghe lời, thầy giáo phải gánh lấy trách nhiệm thành bại của cả đời học trò.

Không giống như thầy giáo ngày nay, thầy giáo ngày nay không chịu trách nhiệm đối với học trò. Kỳ thật mà nói là gánh không nổi trách nhiệm, khi thầy giáo nghiêm túc dạy thì học trò lại muốn đánh thầy giáo, như vậy thì làm sao được! Bạn muốn trách phạt học trò thì phụ huynh lại đi viết đơn kiện, vậy thì phiền phức lớn lắm. Cho nên, ngày nay làm thầy giáo rất vất vả, không thể dạy học trò. Tôi cũng đã làm thầy không ít năm nên sâu sắc hiểu rõ tình cảnh này, thật sự là không có cách gì dạy bảo. Nếu như chúng ta xem quá khứ và hiện tại thì sẽ hiểu đôi chút về giáo học này, rồi sau đó đối với phương thức này của Phật pháp chúng ta tự nhiên sẽ cảm thấy bội phục.

Phía sau trí tuệ là “*đại tam-muội quang minh vân*”, tam-muội là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung Quốc nghĩa là chánh thọ, thọ là sự hưởng thụ, hưởng thụ bình thường. Hưởng thụ bình thường là an vui chân thật, tự tại, hạnh phúc, mỹ mãn; trong hưởng thụ không bình thường có khổ, có vui, có lo, có mừng. “Khổ, vui, lo, mừng” là không bình thường, cho nên trong đó có phiền não, trong hưởng thụ bình thường chỉ có vui không có khổ, không có phiền não. Đây là danh từ Phật học, gọi là tam-muội, “*đại tam-muội quang minh vân*”. Từ đây có thể biết, trong Phật pháp dạy chúng ta những gì? Dạy chúng ta ở ngay trong đời sống đạt được hưởng thụ bình thường.

“*Đại cát tường quang minh vân*”, những gì gọi là cát tường chính là hết thảy những việc làm hợp tình, hợp lý, hợp pháp, đây gọi là cát tường. Một tư hào trái ngược cũng không có, không trái với tình, lý và pháp,

mọi mặt đều đầy đủ, mọi mặt đều viên mãn, đây là trong tâm địa vốn sẵn đầy đủ.

“Đại phước đức quang minh vân”, người Trung Quốc chúng ta thường nói về “ngũ phước”, trong ngũ phước thì thứ nhất là tài phú, đời sống vật chất của chúng ta không thiếu thốn, có tiền của. Thứ hai là phú quý, chính là có địa vị trong xã hội, quý là có địa vị, được xã hội đại chúng tôn kính. Đến sau cùng là thọ khảo, thọ là trường thọ, khảo là chết an lành, chết được rất nhẹ nhàng, khi đi không hề có đau đớn khổ sở, trong tâm rất rõ ràng, rất sáng tỏ, không mê hoặc, không điên đảo, biết được chính mình sẽ đi tới đâu, biết rõ chính mình lúc nào sẽ ra đi, điều này tốt! Ở trong năm loại phước thì phước này là phước báo lớn nhất. Bởi vì bạn đi được tốt thì đời sau của bạn so với đời này sẽ càng tốt hơn. Quý vị thử nghĩ xem, có người thông minh nào, người đầu óc tỉnh táo nào lại bằng lòng đi làm ngạ quỷ, đi làm súc sanh, đi xuống địa

ngục, không có một người nào chịu làm việc này hết! Phàm đến ba đường ác đều là người mê hoặc điên đảo, khi ra đi thì mơ mơ hồ hồ, bất tỉnh nhân sự, đây là điều đáng sợ nhất.

Một người khi chết rất rõ ràng, rất sáng tỏ, cho dù không học Phật họ cũng không堕 vào ba đường ác, đây là ở trên kinh điển đức Phật đã giảng cho chúng ta rất rõ ràng. Nếu người nào muốn ra đi được tốt thì phải tích đức, phải hành thiện, đây là quả báo chân thật. Niệm Phật vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ gặp A-di-đà Phật, đây là thiện trong thiện.

Trong hai năm gần đây, chúng tôi ở Singapore, Malaysia chỉ ít cũng thấy được tới bảy người vãng sanh có thoại tượng, những người trợ niệm đều thấy được, họ ra đi vô cùng an lành, đây là chân thật có phước. Biết trước giờ đi, tự mình biết được lúc nào sẽ ra đi, nói với mọi người rằng Phật đến tiếp dẫn, sự

việc này là thật, tuyệt đối không phải là giả. Đời người sống ở thế gian này rất ngắn ngủi, việc này nhất định phải giác ngộ. Chúng ta ở thế gian này, bạn nói xem có thể ở được bao nhiêu năm, sao bạn vẫn còn khởi vọng tưởng. *“Trên đường đến tuổi vàng không phân biệt già trẻ”*, bạn biết được bạn có thể sống qua bao nhiêu ngày nữa hay không? Người thông minh là người có tính cảnh giác cao, trong tâm đều có chuẩn bị. Chúng ta sống ở thế gian này như ở quán trọ mà thôi, không phải là quê hương, chỉ ở mấy ngày mà thôi.

Nhìn thấy một người thân thể rất khỏe mạnh bỗng nhiên ra đi. Tôi nghe nói Pháp sư Chân Thiên, trụ trì chùa Phật Ngọc ở Thượng Hải hai năm trước đã đến nơi này của quý vị, sức khỏe của sư Chân Thiên rất tốt, sức khỏe của Pháp sư Minh Dương ngược lại không tốt, ông thường xuyên bị bệnh, tôi cảm thấy lo ngại là ông không sống được bao lâu nữa. Không ngờ tới người qua đời lại là sư Chân

Thiên, còn sư Minh Dương vẫn rất khỏe, không thể ngờ được! Mạng người vô thường, đừng xem thấy thân thể rất khỏe mạnh, nói không chừng hai ngày thì đi rồi, không thể không đề cao cảnh giác, nỗ lực niệm Phật cầu sanh Tịnh độ.

Cầu sanh Tịnh độ thì bạn được vô lượng thọ. Nói với quý vị, người vãng sanh Tịnh độ họ không chết, lúc họ đi nhìn thấy A-di-đà Phật đến tiếp dẫn, bảo với mọi người: “Phật đến đón tôi rồi, tôi đi theo Phật đây”. Họ đâu phải chết rồi mới đi, mà là đang sống mà ra đi, túi da thối này không cần nữa, vứt bỏ đi không cần nữa, họ sống mà ra đi. Cho nên, pháp môn này gọi là pháp môn thành tựu ngay trong một đời, không phải là chết rồi mới đi, chết rồi thì không còn cách gì nữa, phải đi trong lúc còn sống. Phước báo lớn chính là thân thể khỏe mạnh, công phu rất tốt, rất minh mẫn mà nói với bạn: “Phật đến đón tôi rồi. Tôi đi theo Phật đây!” Dặn

dò rất rõ ràng, rất tường tận. Người phước báo kém một chút, nghiệp chướng nặng một chút thì lúc lâm chung thấy Phật đến tiếp dẫn họ, miệng họ muốn nói với bạn nhưng đã không nói thành tiếng nữa. Bạn thấy môi của họ mấp máy, chúng ta cho rằng họ đang cùng chúng ta niệm Phật, kì thật không phải, họ nói với chúng ta rằng Phật đã đến tiếp dẫn, rất muốn nói với chúng ta nhưng đã nói không thành tiếng, đấy cũng là thật sự đi, chân thật vãng sanh rồi.

Thế nên, vãng sanh là đang sống mà đi, vãng sanh là bất tử! Tôi thường hay nói Phật pháp Đại thừa không già, không bệnh, không chết, đây là thật, một chút cũng không giả. Bạn chỉ cần biết được đạo lý, lý luận, hiểu được phương pháp thì chúng ta chắc chắn sẽ đạt được. Bạn làm trái với lý luận, trái với phương pháp này vậy thì bạn sai rồi. Phương pháp này từ xưa đến nay các vị Bồ-tát, đại đức đều nói là hiếm có khó gặp. Ngày

nay chúng ta có thể gặp được là vô cùng may mắn, quả thật hiếm có khó gặp. Sau khi gặp được rồi phải trân quý, phải chăm chỉ nỗ lực, quyết định không thể để luống qua. Đây là giảng về đại phước đức, niệm Phật chính là đại phước đức.

“Đại công đức quang minh vân”, công đức và phước đức không giống nhau. Công là công phu, đức là thành tựu. Thí dụ nói trì giới là có công, đắc định rồi, định đó là đức, giới là công, định là đức. Tu định có công, khai trí tuệ rồi thì trí tuệ đó là đức. Nếu như trì giới không thể đắc định thì giới đó không tính là công; giới mà không có công thì giới đó tính là phước, đó chính là phước đức. Trong công đức nhất định có phước đức, trong phước đức chưa hẳn có công đức, đây là điều đồng tu học Phật chúng ta không thể không biết.

Nhà Phật thường hay khuyên chúng ta phải tu công đức, cái gì là công đức? Ra bên

ngoài duyên góp vài đồng tiền rồi cho rằng chính là có công đức. Sai rồi! Đó đâu phải là công đức, làm gì có công đức! Việc ấy không có công đức, đấy là phước đức. Bạn ở tự viện, chùa chiền làm một chút việc từ thiện đó là phước báo, phước đức, đó là tu phước không phải là công đức, công là công phu.

Chúng ta niệm Phật phải niệm đến tâm địa của chính mình thanh tịnh, phải làm cho vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, phiền não của chính mình thấy đều ngừng dứt, niệm Phật như vậy mới có công. Vì sao vậy? Phiền não của chúng ta nhẹ, trí tuệ tăng trưởng đây là đức! Bạn mới có đức. Niệm Phật dù niệm được nhiều hơn, nhưng một ngày từ sáng đến tối vẫn cứ nghĩ tưởng lung tung, vẫn là phiền não chồng chất, công đức niệm Phật đó đều không có. Công đức không có, vậy tính là gì? Là phước, họ đã tu phước. Cho nên, công đức và phước đức phải phân biệt cho rõ ràng, công đức nhất định là chú trọng ở tâm

thanh tịnh, tâm bình đẳng, đây là công đức. Cho nên, công đức là hướng vào bên trong mà cầu, không phải hướng ra bên ngoài.

Theo quan niệm của người thông thường thì bố thí, cúng dường là phước đức, không phải là công đức, còn trong kinh điển Đại thừa liễu nghĩa⁶ thì nói bố thí cúng dường là công đức, ở bên trong cũng bao gồm cả phước đức. Nhưng những việc này nếu như không giảng tỉ mỉ bạn sẽ không hiểu. Thí dụ như gần đây chúng tôi giảng kinh Kim Cang, trên kinh Kim Cang nói về bố thí, bố thí đó không phải bảo bạn đem một chút tiền của

6 Liễu nghĩa (了義): Nghĩa chân thật rốt ráo của các pháp được trực tiếp giải thích rõ ràng.

Giáo pháp trình bày trực tiếp, rõ ràng, tường tận, nghĩa lý chân thật của Phật đạo được gọi là Liễu nghĩa giáo. Như các kinh Đại thừa nói sinh tử Niết-bàn không khác. Kinh điển thuyết minh đạo lý này gọi là kinh liễu nghĩa, do Phật nói.

Còn như thuận theo trình độ chúng sinh mà dùng phương tiện, giáo tướng dẫn dắt, gọi là Bất liễu nghĩa giáo (Vị liễu nghĩa giáo). Như các kinh tuyên nói khiến cho chán lìa sinh tử, ham thích Niết-bàn, kinh nói giáo bất liễu này được gọi là kinh bất liễu nghĩa (kinh vị liễu nghĩa), do Bồ-tát nói ra.

đến chùa để bố thí, không phải ý này. Bố thí đó là nói về toàn bộ đời sống của bạn. Hay nói cách khác, cả cuộc đời của chư Phật, Bồ-tát chính là vì hết thảy chúng sanh làm ra một tấm gương tốt nhất, mô phạm tốt nhất, đó chính là bố thí. Các ngài làm ra một hình mẫu tốt cho bạn xem, dạy bạn học tập theo các ngài, bạn xem phạm vi bố thí đó rộng lớn biết bao, đó là công đức.

Mở đầu của kinh Kim Cang cùng với các kinh thông thường là không giống nhau, cũng không giống với kinh Địa Tạng, kinh Địa Tạng vừa mở đầu, phía trước là mười đại quang minh vân. Mở đầu kinh Kim Cang là đức Phật Thích-ca Mâu-ni đến thành Vương Xá khát thực, đắp y cầm bát, đây là mặc áo ăn cơm. Ngài mặc áo ăn cơm là làm hình mẫu cho chúng ta, làm một hình mẫu gì vậy? Giác mà không mê, chúng ta mặc áo ăn cơm là mê mà không giác. Chúng ta mặc áo ăn cơm là khổ, Phật, Bồ-tát mặc áo ăn cơm là

vui, các ngài ở trong mặc áo ăn cơm giác ngộ, các ngài không mê hoặc, ngài thị hiện ra hình mẫu này cho chúng ta xem.

Người đọc kinh Kim Cang rất nhiều nhưng có nhìn ra điều này hay không? Nhìn không ra. Vì sao nhìn không ra? Tâm ý quá lơ là qua loa, không chú ý nên chẳng thể nhìn ra. Tôn giả Tu-bồ-đề nhìn ra được nên đã thốt lời tán thán: “*Hiếm có, Thế Tôn*”. Khen ngợi hiếm có vô cùng, sự giáo hóa thâm sâu như vậy, viên mãn như vậy biểu hiện ra ngay trong việc mặc áo ăn cơm, quả thật là hiếm có! Mặc áo ăn cơm sao gọi là giác? Giữ gìn tâm địa thanh tịnh là giác, giữ gìn trí tuệ viên mãn là giác. Chúng ta mặc áo ăn cơm là mê hoặc, khi ăn cơm luôn chú trọng đến màu sắc hương vị, đấy là mê rồi, khởi tâm động niệm đã sinh phiền não. Mặc quần áo thì phải chọn lựa kiểu dáng, phải chọn lựa chất liệu, đây chính là mê hoặc điên đảo, là khởi phiền não. Trong đời sống hằng ngày

khởi lên mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, tham muốn, nổi lên thất tình ngũ dục, sanh ra phiền não.

Còn Phật, Bồ-tát mặc áo ăn cơm tâm địa vĩnh viễn thanh tịnh, một vọng niệm cũng không sanh, đây thật là cao minh. Cho nên, các ngài trải qua ngày tháng tùy duyên, mọi thứ đều tốt, mọi thứ đều tự tại. Chúng ta cứ cố chấp, cứ chấp trước, mọi thứ đều không tự tại. Hôm nay đeo viên kim cương rất đẹp, ngày mai lại nói không được, viên này nhỏ quá, muốn đeo viên to hơn, vậy là không tự tại rồi! Bạn nói xem, bạn trải qua đời sống khổ biết đường nào, sau khi chết rồi vẫn phải luân hồi, càng khổ hơn! Đây chính là không biết cách sống.

Phật, Bồ-tát thị hiện cho chúng ta xem, bạn thấy các ngài làm việc như thế nào? Các ngài xử sự đối người tiếp vật ra sao? Những gì các ngài dạy cho chúng ta toàn bộ đều

là giáo dục đời sống, từng câu từng chữ có quan hệ mật thiết với đời sống thường ngày của chúng ta, không có một chữ nào tách rời đời sống của chúng ta. Như vậy bạn làm sao không thể không học Phật pháp cho được? Không thể không học! Cho nên, đây gọi là công đức, đây gọi là bố thí. Bố thí mà trong kinh Kim Cang nói chính là ý nghĩa này, Phật, Bồ-tát làm mô phạm, làm hình mẫu, làm điển hình cho chúng ta. Chúng ta là học trò của Phật, chúng ta cần phải làm tấm gương cho người chưa học Phật, chúng ta phải làm cho họ xem, phải làm hình mẫu tốt cho họ, đây mới là đệ tử Phật.

Chúng ta làm sao để học theo Phật? Ở trong kinh điển Phật dạy cho chúng ta những giáo huấn này, chúng ta phải đọc tỉ mỉ, trước tiên phải lý giải nó, hiểu rõ hoàn toàn rồi sau đó chúng ta phải làm được ở trong đời sống, làm được trong đời sống rồi thì chân thật được tự tại, chân thật được hạnh phúc, thật

sự an vui không gì bằng. Vừa rồi đã nói qua, đời người rất ngắn ngủi, hà tất phải gây khó dễ với chính mình, hà tất phải làm cho mình cực khổ đến như vậy, sao không để cả đời trải qua được an vui, hạnh phúc? Khổ hay vui đều ở ngay nơi tâm của chính bạn, không phải người khác đem đến cho bạn, không phải hoàn cảnh đem đến cho bạn, hoàn cảnh không thể ảnh hưởng tới bạn, chính bạn phải ở trong hoàn cảnh làm chủ được, phải tự mình quyết định. Trong kinh điển Đại thừa thường nói: *“Nếu có thể chuyển cảnh tức đồng với Như Lai”*.

Phàm phu thật đáng thương, bị hoàn cảnh xoay chuyển, chịu ảnh hưởng bởi hoàn cảnh, việc này rất khổ, đây là mê hoặc điên đảo. Người giác ngộ thì hoàn cảnh không thể ảnh hưởng tới họ, chính họ sẽ ảnh hưởng tới hoàn cảnh. Hay nói cách khác, tự mình tạo nên vận mệnh, tự mình làm chủ vận mệnh, không phải vận mệnh làm chủ mình

mà mình làm chủ vận mệnh. Toàn bộ những điều này đều là sự thật, chính chúng ta cũng có thể làm đến được, đều ở trong kinh luận Phật pháp. Kinh điển chân thật giảng được rất cặn kẽ, chúng ta phải nghe kỹ càng, phải chăm chỉ học tập, không thể giảng sai. Nhưng ngày nay người giảng sai rất nhiều, đó chân thật gọi là làm xằng nói bậy, mê hoặc chúng sanh, lừa gạt đại chúng. Hiện nay sự việc này rất nhiều, chúng ta phải có con mắt trí tuệ mới có thể phân biệt được.

Phía sau là “*đại quy y quang minh vân, đại tán thán quang minh vân*”, việc này nói đến sau cùng thấy đều là tánh đức. Quy là quay đầu, chúng ta từ chỗ tất cả sai lầm quay đầu trở lại, chúng ta phải tìm nơi nương tựa, trước tiên nương tựa vào chư Phật, Bồ-tát, sau đó nương tựa vào tự tánh. Cho nên nương tựa vào chư Phật, Bồ-tát là tạm thời, thời gian không dài. Bởi vì hiện tại chúng ta vẫn chưa biết tự tánh nên trước tiên phải nương vào

thầy, vì chưa biết đường đi nên mình phải nhờ vào người biết đường rồi đi theo họ. Khi mình đã biết đường rồi thì không còn nhờ vào họ nữa, chính mình phải tự đi, với lại có thể dẫn theo người khác. Khi chưa biết đường thì phải theo sau một người biết đường. Chư Phật, Bồ-tát là người từng trải, biết đường đi, nên trước tiên phải theo các ngài, nương nhờ các ngài. Đến khi chính mình thật sự lý giải, thể hội, đạt được thọ dụng rồi thì bạn tự nhiên sẽ tán thán, tán thán chính là tuyên dương, đem chỗ tốt, công đức lợi ích của Phật pháp Đại thừa giới thiệu rộng rãi cho hết thầy đại chúng, đây gọi là “đại tán thán quang minh vân”. Giống như đức Phật giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm chính là tán thán công đức viên mãn trong tự tánh của hết thầy chúng sanh.

2. Pháp Đại thừa viên mãn - Tứ đại Bồ-tát

Ở Trung Quốc là lấy tứ đại Bồ-tát làm đại biểu. Bốn vị Bồ-tát này ở trong Phật giáo Trung Quốc có địa vị rất cao: Địa Tạng Bồ-tát ở núi Cửu Hoa, Quán Thế Âm Bồ-tát ở núi Phổ Đà, Văn-thù Bồ-tát ở núi Ngũ Đài và Phổ Hiền Bồ-tát ở núi Nga Mi, lấy bốn vị này làm đại biểu.

Phía trước đã nói qua với mọi người, Phật pháp có thứ lớp, có viên dung, trong thứ lớp bao hàm viên dung, trong viên dung cũng bao hàm thứ lớp. Thế nên, Phật pháp đích thực là giáo học vô cùng viên mãn, bất luận là trên nội dung hay trên cách thức đều hiển thị vô cùng viên mãn.

Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bốn Nguyên vừa mở đầu là dùng mười vầng mây sáng để hiển thị đại ý của toàn kinh. Vậy thì hỏi trong kinh Địa Tạng giảng về điều gì? Nếu bạn có thể đem mười việc này nói qua một chút thì

sẽ biết được toàn bộ kinh Địa Tạng đều bao gồm ở trong đó. Những điều được nói trong kinh là đại viên mãn. Đại viên mãn đó là từ bi, trí tuệ, tam-muội, cát tường, phước đức, công đức, quy y, tán thán, kinh Địa Tạng chính là nói về những điều này. Thật ra mà nói thì nó không chỉ đại biểu cho toàn bộ kinh Địa Tạng, pháp môn Địa Tạng, nếu như đem nó nói rộng ra, triển khai ra thì chẳng phải là toàn bộ Phật pháp hay sao!

Từ đây có thể biết, năm xưa đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn tại thế đã vì chúng ta giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm tổng kết lại chính là đại viên mãn, cũng không rời khỏi ý nghĩa của 10 câu biểu pháp trong kinh Địa Tạng.

Mười loại này đều là trong tự tánh của chúng ta vốn có đầy đủ, không phải đến từ bên ngoài, mà là trong chân tâm bốn tánh của chính chúng ta xưa nay vốn đầy đủ. Thế

nhưng hiện nay những trí tuệ đức năng này đều không thể hiện tiền, ngày nay chúng ta chân thật là đang mê hoặc điên đảo, năng lực này đã bị mất đi, tại sao lại bị mất? Phật nói cho chúng ta biết, là do chúng ta đã mê mất bốn tánh của chính mình, sau khi mê rồi thì trí tuệ đức năng không khởi tác dụng nữa, cho nên cái mất đó gọi là mê mất, không phải là mất thật sự. Thế nên, toàn bộ giáo học của Phật pháp thường nói là “phá mê khai ngộ”; chúng ta không còn mê nữa, đều giác ngộ rồi thì trí tuệ đức năng trong tự tánh lại khôi phục tác dụng trở lại.

Từ đây có thể biết thành quả sau cùng của giáo học Phật pháp không phải là Phật cho chúng ta, mà là bản năng của chính chúng ta được khôi phục lại mà thôi. Đúng như những gì Phật nói trong kinh Lăng Nghiêm: “*Viên mãn Bồ-đề quy vô sở đắc*”, ngay khi bạn viên mãn thành Phật rồi, thành Phật thì bạn được cái gì? Cái gì cũng không được.

Những gì bạn đạt được hoàn toàn là những thứ vốn có của chính bạn. Ngoài đức năng vốn sẵn đầy đủ trong bốn tánh của bạn ra thì không được thứ gì khác, chỉ là khôi phục lại trí tuệ đức năng của chính mình mà thôi.

Vì vậy, tuy là Phật hết lòng hết dạ dạy bảo chúng ta nhưng Phật không hề kể công, Phật không có nói “đây là công lao của tôi”, ngài không có ý niệm này, là chính bạn tự thành tựu. Hiện nay chúng ta mê rồi, vậy thì phải dùng phương pháp gì để giác ngộ, đây là một vấn đề lớn. Phương pháp này chính là giáo dục, chính là dạy học. Cách nhìn này cùng với cách nhìn của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc chúng ta là hoàn toàn tương đồng, phải làm tốt giáo dục. Xã hội ngày nay có rất nhiều nhà lãnh đạo quốc gia không hiểu được đạo lý này, hiện nay mục tiêu duy nhất của họ là phải phát triển công thương nghiệp, đem việc này xếp vào hàng đầu mà lơ là đi giáo dục.

Nếu như quý vị đọc Lễ Kí, Học Kí thì sẽ biết, Học Kí có thể nói là giáo dục triết học thời xưa của Trung Quốc, trong đó nói được rất rõ ràng với chúng ta: “*Kiến quốc quân dân giáo học vi tiên*”, câu nói này dùng lời hiện nay để nói chính là bạn muốn xây dựng một chính quyền, muốn cai quản nhân dân cả nước thì điều gì là quan trọng nhất? Giáo dục là quan trọng nhất.

Cùng một đạo lý, Phật dạy chúng ta khôi phục tự tánh, khôi phục bản năng, vậy thì phải dùng phương pháp gì để khôi phục? Chính là dạy học. Thế nên, Phật pháp là sư đạo, Phật pháp là giáo dục, nó không phải là tôn giáo. Đây là điều mà quý vị nhất định phải nhận thức rõ ràng. Phàm là tôn giáo đều là mê tín, mê rồi thì làm sao có thể phá mê? Đã mê rồi lại còn muốn mê nữa, vậy thì làm sao được! Nhất định phải giác ngộ mới có thể phá mê. Thế nên điều mà Phật pháp đề xướng là phá mê khai ngộ, như vậy mới có

thể lìa khổ được vui, cho nên đây là sư đạo.

Sư đạo nhất định phải xây dựng trên nền tảng của hiếu đạo. Nếu như người không biết hiếu thuận cha mẹ thì họ làm sao có thể tôn kính sư trưởng? Nếu không thể tôn sư trọng đạo thì làm sao có thể khai ngộ, làm sao có thể phá mê? Quan niệm, lý luận này dường như nhà Phật cùng với cổ thánh tiên hiền Trung Quốc đều đã thừa nhận.

Địa Tạng Bồ-tát

Ngày nay, chúng ta không còn đạo thầy trò nữa, học trò không biết tôn kính thầy giáo, con cái không biết hiếu thuận cha mẹ, vậy thì vĩnh viễn không thể bàn đến việc phá mê khai ngộ. Cho nên Địa Tạng Bồ-tát, trong Phật môn chúng ta thì ngài đại biểu cho hiếu đạo; do đó kinh Địa Tạng là hiếu kinh của nhà Phật, chúng ta phải bắt đầu học từ chỗ

này. Học điều gì? Học hiểu! Vì sao phải hiểu thuận cha mẹ? Hiện nay rất nhiều người không biết, không hiểu được đạo lý này. Đặc biệt là phương Tây, người phương Tây không có quan niệm về hiểu đạo, cho nên người phương Tây học Phật không thể khai ngộ, đây là sự thật.

Chúng tôi sống ở nước ngoài cũng đã lâu, gặp được một số bạn nước ngoài, họ cảm thấy rất kì lạ đối với việc chúng ta kỷ niệm, cúng tế tổ tiên. Họ nói: “Tổ tiên mà các bạn nói cách đây đã mấy trăm năm, thậm chí là mấy ngàn năm trước, khoảng cách quá xa, căn bản là chưa từng gặp mặt, vậy bạn còn kỉ niệm họ để làm gì?” Trong cách nghĩ của họ đây là chuyện rất bình thường, nhưng họ không biết được chân tướng sự thật, điều này Phật đã nói cho chúng ta biết. Chữ “hiếu” này của Trung Quốc tạo được rất hay! Thế nên văn tự Trung Quốc là văn tự tốt nhất trên toàn thế giới, bất kì quốc gia dân tộc nào

[cũng không thể sánh bằng]; văn tự này là phù hiệu, bên trong mỗi một phù hiệu đều tràn đầy trí tuệ.

Văn tự Trung Quốc được tạo ra theo sáu nguyên tắc, chúng ta gọi đó là lục thư, chữ “hiếu (孝)” này là một loại trong sáu nguyên tắc đó, gọi là hội ý. Bạn vừa nhìn thấy cái phù hiệu này liền thể hội được ý nghĩa của nó, phía trên là chữ “lão (耂)”, phía dưới là chữ “tử (子)”, để bạn thể hội ý nghĩa này, ý nghĩa này nói rõ điều gì? Đời trước cùng với đời sau là một thể. Người nước ngoài nói cha con có khoảng cách, nếu có khoảng cách thì hiếu không còn nữa, lão và tử bị tách ra rồi, vậy thì hiếu sẽ không còn nữa. Đời trước cùng đời sau kết hợp thành một thể thì gọi là hiếu. Cho nên, bạn phải hiểu được ý nghĩa này, đời trước còn có đời trước nữa, quá khứ vô thủy; đời sau còn có đời sau nữa, vị lai vô chung, vô thủy vô chung là chính mình, là một tự thể, ở trên văn tự Trung Quốc của

chúng ta đã biểu hiện ra hàm nghĩa như vậy. Thật ra mà nói thì ý nghĩa này phải dùng Phật pháp Đại thừa mới có thể giải thích nó một cách rõ ràng tường tận được. Phật nói cho chúng ta biết, *“tận hư không khắp pháp giới là một thể của chính mình”*, đạo lý này thật quá thâm sâu.

Trên kinh Kim Cang nói “chư pháp như nghĩa”, chính là nói rõ đạo lý này. Trong Trung Quán Luận giảng “bát bất” cho chúng ta cũng là nói về đạo lý này, *“bất nhất, bất dị, bất sanh, bất diệt, bất thường, bất đoạn, bất lai, bất khứ”*, hoàn toàn là nói về đạo lý này, đạo lý này ngoài kinh Phật ra bạn không thể xem thấy được ở nơi nào khác.

Những nhà triết học, khoa học phương Tây, chúng ta xem thấy họ rất giỏi, hiện nay đang thăm dò vũ trụ, lớn thì nói đến thái không vô tận, nhỏ thì nói đến lượng tử, hạt tử. Nhưng trong Phật pháp thì đều gọi đó

là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Không sai, sự thật của hiện tượng họ đã phát hiện được một phần, nhưng vẫn còn một số bộ phận khác chưa phát hiện. Có thể nói trong thế trí biện thông là tương đối khó được, không phải là trí tuệ chân thật, không thấy được chân tướng sự thật này, họ không hiểu được “lớn mà không ở ngoài, nhỏ mà chẳng ở trong”, là một thể của chính mình.

Bạn sáng tỏ đạo lý này rồi thì bạn mới biết được vì sao chúng ta phải tận hiếu. Không chỉ hiếu thuận với cha mẹ, trong kinh Bồ-tát Giới giảng được rất rõ ràng, tôi nghĩ trong các vị đồng học ở đây cũng đã có người thọ qua Bồ-tát giới, sau khi thọ Bồ-tát giới rồi bạn có giữ giới hay không? Bạn làm được hay không? Bồ-tát giới không hề đơn giản! Bạn phải đem tâm hiếu thuận cha mẹ của bạn mở rộng đến hiếu thuận hết thầy chúng sanh. Hết thầy chúng sanh đều là Phật tương lai, đều là cha mẹ đời quá khứ, bạn thật sự có

quan niệm này hay không? Thật sự có cách nghĩ, cách nhìn này hay không? Nếu như không có vậy thì bạn là Bồ-tát giả, bạn không phải Bồ-tát thật. Thế nên, nhất định phải hiểu được tận hư không khắp pháp giới là chính mình, sự việc này rất khó giảng, không dễ gì thể hội được.

Ở trong kinh điển Phật thường dùng thí dụ để giảng, trong các thí dụ thì ngài lấy nằm mộng để giảng là nhiều nhất. Mỗi một người chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, nếu như khi tỉnh mộng mà cảnh giới trong mộng vẫn rất rõ ràng, tự mình nghĩ thử xem mộng là từ đâu đến? Tất cả cảnh giới trong mộng là từ đâu đến? Điều này chúng ta đều biết được, mộng là từ trong tâm ý thức của chúng ta biến hiện ra. Bình thường hay nói tâm ý thức này, vậy nó ở đâu? Không biết được, tìm không thấy. Nhưng khi nằm mộng thì thấy rất rõ ràng, toàn bộ tâm thức biến thành cảnh mộng, mộng là do tâm của bạn

biến hiện ra, trong mộng nhất định có chính mình. Quý vị có lần nào nằm mộng mà trong mộng lại không có chính mình hay không? Không thể nào. Trong mộng nhất định có chính mình, mình là chủ tể!

Bạn còn mộng thấy rất nhiều, rất nhiều người, có người quen biết, có người không quen biết, có người ưa thích, có người không ưa thích, những người đó từ đâu đến? Toàn là trong tâm của bạn biến hiện ra. Ngoài con người ra còn có động vật, thực vật, sơn hà đại địa, hư không, hoàn toàn là do tâm của bạn biến hiện ra. Thuật ngữ trong nhà Phật có nói: “Toàn vọng tức chân, toàn chân tức vọng”. Chân là tâm có thể biến ra cảnh mộng, đó là chân. Cảnh giới được biến ra trong mộng là hư vọng, trong lúc bạn đang nằm mộng thì tâm đó của bạn sẽ hóa thành cảnh giới như vậy, toàn bộ cảnh giới chính là tâm của bạn, tất cả là do tâm của bạn đã biến hiện ra cảnh giới đó, cho nên “chân vọng bất

nhị". Từ ví dụ này chúng ta dễ dàng thể hội được, dễ dàng hiểu được.

Phật nói chúng ta biết, vũ trụ rộng lớn trước mắt chúng ta, tận hư không khắp pháp giới, vô lượng vô biên chư Phật, vô lượng vô biên chúng sanh trong mười phương thế giới đều là do tâm của chính chúng ta biến hiện ra. Trên kinh Hoa Nghiêm nói "duy tâm sở hiện", cảnh giới là do tâm biến hiện ra. Vì sao lại hiện ra nhiều hình dáng không giống nhau như vậy? Vì sao lại có Phật, Bồ-tát, lại có thiên đường, địa ngục? Vì sao lại có sự khác biệt nhiều đến như vậy? Là do "duy thức sở biến", sự biến hóa, khác biệt lớn như vậy là do thức biến. Thức là gì? Chính là ngày nay chúng ta gọi là tác dụng của tâm lý, tâm tuy hiện cảnh giới nhưng tác dụng của tâm sẽ đem cảnh giới này chuyển biến, vì thế sẽ biến hóa vô cùng phức tạp. Cảnh giới bên ngoài phức tạp chính là nói cho chúng ta biết rằng tâm phân biệt của chúng

ta phức tạp. Trên kinh Hoa Nghiêm đã nói ra ba loại, đó là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trong mỗi một loại thì mức độ phức tạp là vô lượng vô biên! Vì vậy nên mới hiển thị ra mười pháp giới, mười pháp giới là từ đây mà có, cho nên tận hư không khắp pháp giới chính là một thể.

Ở Trung Quốc chúng ta chính là dùng chữ “hiếu” để đại biểu cho ý nghĩa này, hư không pháp giới là một thể. Phật, Bồ-tát chúng đắc rồi, chúng đắc chính là đã làm rõ ràng, đã làm sáng tỏ, đã khẳng định, đã thừa nhận, một chút cũng không sai. Thế nên, Phật, Bồ-tát yêu thương, bảo hộ hết thảy chúng sanh vô điều kiện, đó là vô duyên đại từ, dùng lời hiện nay để nói thì duyên chính là điều kiện. Cha mẹ yêu thương con cái là có điều kiện, “*chúng là con cái của tôi*”, họ yêu thương có điều kiện. Không phải con cái của họ thì họ sẽ không yêu thương, còn sự yêu thương, giúp đỡ của Phật, Bồ-tát đối với hết

thấy chúng sanh là không có điều kiện, vì sao lại không có điều kiện? Vì là cùng một thể. Cho nên gọi là “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”.

Cái gì là đồng thể? Tay trái của chúng ta bị muỗi đốt thì tay phải liền đuổi nó đi, có cần hỏi tại sao tay phải lại giúp đỡ tay trái hay không? Có cần hỏi hay không? Không cần. Vì sao không hỏi mà tay phải liền giúp đỡ? Cùng một thể mà. Nó là một thể, không phải là hai, đây gọi là giác ngộ, đây gọi là không mê. Còn có ta, người, chúng sanh, còn những tướng sai biệt này thì bạn là mê mà không giác, chưa hiểu rõ chân tướng sự thật. Sau khi hiểu rõ rồi sẽ biết được tận hư không khắp pháp giới cùng với chính mình là một thể, bạn đã thật sự giác ngộ rồi.

Cho nên, muốn giúp đỡ hết thấy chúng sanh mê hoặc điên đảo thức tỉnh giác ngộ thì không còn cách thứ hai nào khác, chỉ có

thể hết lòng mà dạy dỗ, nhẫn nại mà hướng dẫn, đây gọi là giáo dục của Phật-đà, là sư đạo. Bắt đầu dạy từ đâu? Bắt đầu dạy từ hiếu thân, dần dần dạy bạn giác ngộ, hiếu thân này là khởi điểm của giác ngộ. Nếu là người bất hiếu thì Phật, Bồ-tát nào đến dạy cũng không có tác dụng gì, họ cũng không thể khai ngộ, cho nên phải bắt đầu làm từ hiếu thân. Nếu như có thể hành hiếu đến viên mãn, không chút khiếm khuyết vậy thì thành Phật rồi. Toàn bộ sự tu học của Phật pháp chẳng qua chỉ là là tận hiếu mà thôi, hiếu làm đến được viên mãn thì đã thành Phật.

Hiếu thuận cha mẹ là lấy cha mẹ làm tiêu chuẩn, đây là người có ân đức lớn nhất trong cuộc đời của chúng ta. Cha mẹ sinh thành chúng ta, dưỡng dục chúng ta, ân đức này quá lớn, không ân đức nào nặng hơn ân đức của cha mẹ. Chúng ta không chỉ nuôi dưỡng cha mẹ, đây là điều phải làm; dưỡng

thân thể của cha mẹ, chúng ta gọi là chăm sóc đời sống vật chất, ngoài điều này ra còn phải dưỡng tâm của cha mẹ, đừng để cha mẹ lo lắng.

Cha mẹ thường hay lo lắng cho con cái, phận làm con phải biết được điều này, nếu thường xuyên để cha mẹ lo lắng buồn rầu thì đó là bất hiếu. Thí dụ nói, hiện nay bạn đang học ở trường, học tập không tốt làm cho cha mẹ lo lắng! Vậy thì học không tốt chính là bất hiếu. Hạnh kiểm không tốt cha mẹ lại lo lắng, cũng là bất hiếu! Kết giao bạn bè xấu làm cho cha mẹ lại lo lắng, không tôn kính, không nghe lời thầy giáo, cha mẹ lại lo lắng!

Người có thể tận hiếu chính là người hoàn hảo. Phật, Bồ-tát là người hoàn hảo, không có một mảy may khiếm khuyết, có thể thấy được hành hiếu không phải là chuyện dễ. Bạn sống trong gia đình mà anh em bất hòa với nhau cha mẹ sẽ buồn lòng; tương

lai sau khi kết hôn mà vợ chồng không hoà thuận cha mẹ cũng lo lắng; bạn ở bên ngoài làm việc, bạn không nỗ lực, không chăm chỉ làm việc, bị cấp trên trách phạt, cha mẹ lại lo lắng nữa. Thế nên, bạn mới hiểu được sức mạnh của chữ hiếu này lớn biết dường nào!

Ngoài điều này ra còn phải dưỡng chí của cha mẹ, việc này là khó nhất. Cha mẹ không chỉ hy vọng con cái có sự nghiệp thành công mà còn hy vọng con cái có đức hạnh cao thượng, không những được người trong một thời đại tôn kính, mà trải qua nhiều đời, đời đời kiếp kiếp khi nhắc đến người này thì mọi người đều tôn kính họ, sẽ làm vẻ vang mặt mày cha mẹ. Từ đây có thể biết, muốn đạt đến cứu cánh, bạn phải thật sự thành Phật rồi thì chữ hiếu ấy mới làm được viên mãn. Đẳng giác Bồ-tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn, đối với hiếu đạo vẫn còn một chút khiếm khuyết, vẫn là chưa viên mãn. Cho nên, hiếu đạo nói đến

cứu cánh viên mãn chính là thành Phật. Giáo dục của nhà Phật là bắt đầu từ chỗ này và cũng quay về viên mãn ngay chỗ này.

Thế nên, chúng ta học Phật phải bắt đầu học từ chỗ nào? Bắt đầu học từ Địa Tạng. Vì vậy, theo thói quen thông thường của tôi, khi một đạo tràng mới được thành lập thì bộ kinh đầu tiên tôi nhất định sẽ giảng là kinh Địa Tạng Bồ-tát Bồn Nguyên, như vậy có đất rồi. Giảng bộ kinh này mới gọi là khai quang cho đạo tràng này, đây là khai quang thật sự, khai quang như vậy không có một chút nào mê tín. Phần sau tôi sẽ giảng giải rõ cho mọi người về ý nghĩa của khai quang; hiện nay hoàn toàn là hình thức, không có nội dung thực chất, đây là xây dựng nền tảng cho đạo tràng, ý nghĩa này vô cùng quan trọng.

Quán Thế Âm Bồ-tát

Sau đó chúng ta đem tâm hiếu thân này mở rộng ra, trong Giới kinh của Đại thừa có nói “hiếu kính hết thầy chúng sanh”, đây đã biến thành đại từ đại bi. Người nào đại biểu cho đại từ đại bi? Là Quán Thế Âm Bồ-tát. Cho nên, hiếu đạo của Địa Tạng Bồ-tát hướng lên thêm một bậc nữa chính là Quán Thế Âm Bồ-tát. Người lạy Quán Thế Âm Bồ-tát rất nhiều, cầu Quán Thế Âm Bồ-tát bảo hộ, xem Bồ-tát giống như thần linh để cúng bái, Quán Thế Âm Bồ-tát bị oan ức vô cùng. Bạn đã xỉ nhục ngài, bạn khinh thường ngài như vậy, thử hỏi ngài còn bảo hộ bạn hay không? Không có đạo lý này. Chúng ta cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát dụng ý là ở chỗ nào? Khi nhìn thấy tôn tượng này thì phải nghĩ mình đối với tất cả mọi người phải đại từ đại bi.

Quán Thế Âm Bồ-tát ở đâu? Chính chúng ta là Quán Thế Âm Bồ-tát. Bức tượng

này đặt ở nơi đây, bạn noi theo bức tượng này để tu sửa bản thân, đây chính là Phật pháp, đây chính là giáo học. Một tôn tượng hoặc một danh hiệu đặt ở nơi đó là thời thời khắc khắc nhắc nhở bạn phải đại từ đại bi với hết thảy chúng sanh; yêu thương, chăm sóc vô điều kiện, giúp đỡ làm lợi ích vô điều kiện cho hết thảy chúng sanh, đây là Quán Thế Âm Bồ-tát. Ở trong kinh điển thì Quán Thế Âm Bồ-tát là dạy cho chúng ta những điều này.

Văn-thù Bồ-tát

Vị thứ ba là Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, vị Bồ-tát này đại biểu cho trí tuệ, cũng chính là nói về sự tu học của chúng ta. Chúng ta chung sống với hết thảy đại chúng, chúng ta tận hiếu, tu từ bi nhất định phải dựa vào lý trí, không thể làm việc theo tình cảm. Văn-thù Bồ-tát đại biểu cho lý tánh, ngài đại biểu cho

trí tuệ, lý luận, không phải cảm tình. Trong cảm tình thì có phiền não, có mê hoặc, còn lý tánh là giác.

Phổ Hiền Bồ-tát

Sau cùng đạt đến cứu cánh viên mãn, đây là hiếu kính, từ bi, lý trí ứng dụng vào đời sống hằng ngày, ứng dụng vào công việc của chúng ta, ứng dụng vào trong đối nhân xử thế, đối người tiếp vật của chúng ta, đó gọi là Phổ Hiền Bồ-tát. Phổ là phổ biến, bình đẳng phổ biến. Tôi tốt, tôi cũng hy vọng tất cả chúng sanh ai ai cũng tốt, không có người nào không tốt, đây gọi là Phổ Hiền. Viên mãn hạnh Phổ Hiền Bồ-tát rồi thì lúc này đã thành Phật.

Phổ Hiền Bồ-tát là được nói đến trong kinh Hoa Nghiêm, nhưng hiện nay chúng ta chọn lấy kinh Vô Lượng Thọ. Người xưa nói kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bốn Hoa

Nghiêm. Phân lượng của kinh Hoa Nghiêm rất lớn, bất luận là trên lý luận hay trên sự thật thì đều là đời sống của chúng ta. Công việc mỗi ngày của chúng ta, xử sự thường ngày như đối người, tiếp vật, những việc nhỏ nhặt, chi tiết đều giảng được rất tường tận. Cũng chính là nói rằng, kinh điển của Phật là dạy cho chúng ta làm sao để trải qua ngày tháng, làm sao để trải qua một đời sống hạnh phúc mỹ mãn, đời sống hoàn toàn tương ứng với chân tướng của vũ trụ nhân sinh, đời sống như vậy mới mỹ mãn! Cũng chính là nói, trải qua đời sống của chư Phật, Bồ-tát mới là đời sống đại viên mãn. Phật pháp là dạy những điều này cho chúng ta, đây mới thật sự là pháp Đại thừa cứu cánh viên mãn. Cho nên, trong Phật pháp làm gì có mê tín?

Trước tiên, chúng ta phải đem ý nghĩa biểu pháp của danh hiệu, hình tượng Phật, Bồ-tát làm cho rõ ràng, nếu không mà nói thì học Phật như vậy đích thật là mê tín, những

lợi ích chân thật trong Phật pháp bạn nhất định sẽ không đạt được. Đường lối nhập môn này là có thứ lớp tu hành: “Hiếu thân tôn sư, từ bi, lý trí, bình đẳng”, là đồng thời tu; trong đồng thời có thứ lớp, trong thứ lớp có đồng thời, đây giống như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Hành bố bất ngại viên dung, viên dung bất ngại hành bố”, hành bố chính là thứ lớp.

Thí dụ, bạn làm từ hiếu thân trước, sau đó nâng lên đến đại từ đại bi, rồi lại bồi dưỡng lý trí, rồi lại bồi dưỡng thêm tâm lượng rộng lớn, đây là có thứ lớp. Tuy có thứ lớp nhưng cũng có thể cùng lúc tu học mấy khoa mục. Giống như năm khoa mục nói ở phía trước, một túc là năm, năm túc là một, trong bất kì cái nào nó cũng đều hàm nhiếp tất cả. Trong hiếu thân sẽ bao gồm cả từ bi, lý tánh, trí tuệ. Trong trí tuệ cũng bao gồm cả hiếu thân, từ bi, đây chính là ý nghĩa của câu “hành bố bất ngại viên dung, viên dung bất ngại hành bố”.

VI. NĂM KHOA MỤC LỚN CỦA TU HỌC PHẬT PHÁP

Sau khi cơ bản hiểu được ý nghĩa của Phật pháp rồi, chúng ta muốn hỏi cụ thể là phải làm thế nào để thực tiễn trong đời sống của chúng ta? Đây là giáo học chân thật của Phật pháp, trong tất cả các kinh luận đều có. Cho nên thực tế mà nói, tu học theo kinh điển thì chỉ cần một bộ kinh là đủ rồi. Trong mỗi một bộ kinh đều đầy đủ tất cả ý nghĩa,

vấn đề là bạn phải thật sự đọc hiểu kinh, bạn phải làm được nó thì mới có tác dụng.

Chúng ta tu học Tịnh độ tông, mục tiêu của Tịnh tông là cầu sanh Tịnh độ gặp A-di-đà Phật, A-di-đà Phật đã làm được hiệu đạo đến cứu cánh viên mãn rồi. Quý vị thử nghĩ xem, nếu chúng ta không hiểu thuận cha mẹ thì quý vị có thể đến được thế giới Cực Lạc hay không? Không thể đến được. A-di-đà Phật đại từ đại bi cũng không thể đem một người bất hiếu với cha mẹ, cho dù hằng ngày niệm A-di-đà Phật, một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, nịnh bợ A-di-đà Phật thì ngài cũng không thể vì tình riêng mà tiếp dẫn bạn được, không có đạo lý này!

A-di-đà Phật dạy chúng ta như thế nào? Tịnh độ có “ba kinh một luận”, đây là kinh điển căn bản của Tịnh độ. Ba kinh gồm: kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ và kinh A-di-đà, đây là Tịnh độ ba kinh. Trong

ba kinh thì lấy kinh Vô Lượng Thọ làm quan trọng nhất. Kinh Vô Lượng Thọ là đại cương của Tịnh tông, là khái luận của Tịnh tông, đã đem thế giới Tây Phương Cực Lạc giới thiệu rất tường tận cho chúng ta. Còn kinh Quán Vô Lượng Thọ là tài liệu bổ sung cho kinh Vô Lượng Thọ, đối với lý luận của Tây Phương Tịnh Độ thì trong Quán kinh bổ sung được rất rõ ràng, vô cùng quan trọng. Phương pháp vãng sanh, mười sáu phép quán này là đưa ra phương pháp, giảng được rất tường tận. Bạn xem trong kinh Vô Lượng Thọ chỉ giảng về “ba bậc vãng sanh”, còn trong kinh Quán Vô Lượng Thọ giảng về chín phẩm, giảng được rõ ràng hơn. Đạo lý nhân quả: *“Niệm Phật là nhân, vãng sanh thành Phật là quả”*, đã làm một bổ sung rõ ràng tường tận cho những đạo lý này.

Phật Thuyết A-di-đà Kinh là tiểu bản, nội dung của cuốn kinh nhỏ này là khuyên chúng ta phải tin tưởng, phải phát nguyện,

phải cầu sanh Tịnh độ. Trong kinh A-di-đà, đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã khuyên bảo chúng ta bốn lần, thật sự là hết lòng khuyên bảo. Một lần rồi lại hai lần, hai rồi lại ba, ba rồi lại bốn, bốn lần khuyên bảo chúng ta. Cơ hội này không thể luống qua, luống qua rồi thì quá đáng tiếc! Tu học của Tịnh tông chúng ta chính là y theo ba bộ kinh này. Một luận là Vãng Sanh Luận, Vãng Sanh Luận là do Thiên Thân Bồ-tát viết. Hay nói cách khác, bộ sách này chính là báo cáo của Thiên Thân Bồ-tát về việc tu hành vãng sanh của ngài khi y chiếu theo kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ, rồi nêu ra kinh nghiệm của ngài để cung cấp cho chúng ta làm tham khảo tu học, đây là báo cáo tu hành vãng sanh của bản thân ngài.

Ngày nay, Tịnh độ đã có năm kinh, nhiều hơn hai kinh, hai kinh này từ đâu có? Trong ấy có một kinh là vào thời Hàm Phong triều nhà Thanh, Hàm Phong cách chúng ta

hiện nay kể ra cũng không quá xa. Quý vị biết được, những năm cuối triều nhà Thanh có một người tên là Từ Hy Thái Hậu, Từ Hy là phi tử của Hàm Phong, lúc đó bà vẫn chưa là hoàng hậu, là phi tử của vua Hàm Phong. Thời Hàm Phong có cư sĩ Ngụy Nguyên, ông là người tu Tịnh độ, rất thông đạt Phật pháp. Ông đem quyển sau cùng của kinh Hoa Nghiêm là *Phổ Hiền Bồ-tát Thập Đại Nguyện Vương Đạo Quy Cực Lạc*, đem quyển này hợp vào phía sau của Tịnh độ ba kinh, bấy giờ trở thành Tịnh độ bốn kinh. Cho nên, nếu như quý vị đọc chú sớ của người xưa sẽ thấy trong ấy có đề cập đến Tịnh độ bốn kinh, chính là nói bốn kinh này. Ông đem phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện xếp vào trong kinh luận của Tịnh độ, có đạo lý hay không? Rất có đạo lý.

Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ thì sẽ hiểu được, bạn xem phẩm thứ hai kinh Vô Lượng Thọ là Đức Tuân Phổ Hiền, trong kinh văn Phật nói với chúng ta: “*Đều cùng tu theo*

đức của Phổ Hiền Đại sĩ”, “đức của Phổ Hiền Đại sĩ” chính là thập đại nguyện vương. Từ đây có thể biết Tịnh độ cùng Hoa Nghiêm có mối quan hệ rất mật thiết. Có thể nói Hoa Nghiêm là giảng về lý luận và phương pháp, còn Tịnh độ là chân thật nói về sự tu hành chứng quả của Hoa Nghiêm. Vì thế nên chúng ta mới biết được thế giới Tây Phương Cực Lạc là pháp giới của Phổ Hiền Đại sĩ, phàm là người sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là Phổ Hiền Bồ-tát.

Phần trước đã nói qua với chư vị, Bồ-tát là danh xưng chung, không phải chuyên chỉ một người. Chỉ cần người này tu thập đại nguyện vương thì họ chính là Phổ Hiền Bồ-tát. Mỗi một người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, trên là đức Phật A-di-đà, dưới là hết thảy chúng sanh đều tu Phổ Hiền thập đại nguyện vương; cho nên đó là thế giới của Phổ Hiền, hết thảy đều là Phổ Hiền Bồ-tát. Cũng giống như một trường học vậy, có cấp

1, cấp 2, đến cấp 51, Bồ-tát có 51 giai vị⁷, dù lớn hay nhỏ đều là Phổ Hiền Bồ-tát, thật quá khó được!

Trên Hoa Nghiêm Phật nói cho chúng ta biết: “*Bồ-tát không tu hạnh Phổ Hiền thì không thể thành Phật*”. Cho nên, kinh Hoa Nghiêm là kinh đệ nhất trong Phật môn chúng ta. Bất luận là tông nào, phái nào cũng đều thừa nhận Hoa Nghiêm là pháp luân căn bản, là đại cương của Phật pháp. Bất luận là trên lý hay trên sự đều giảng được rất rõ ràng tường tận, sau cùng còn thêm phần biểu diễn cho chúng ta xem, đó là 53 lần tham học

7 Bồ-tát giai vị (菩薩階位): Các giai vị mà Bồ-tát phải trải qua từ lúc mới phát tâm Bồ-đề cho đến khi thành Phật.

Thông thường dùng từ **Vị** hoặc **Tâm** gọi thay từ giai vị, như: Thập tín vị (Thập tín tâm), Thập hồi hướng vị (Thập hồi hướng tâm) v.v... Nhưng về sự phân chia giai vị và tên gọi của nó, các kinh luận nói khác nhau. Trong các học thuyết về thứ bậc Bồ-tát như: 41 giai vị (kinh Hoa Nghiêm), 51 giai vị (kinh Nhân Vương), 52 giai vị (kinh Anh Lạc), 57 giai vị (kinh Thủ-lăng-nghiêm) thì 52 giai vị (Thập tín vị, Thập trụ vị, Thập hạnh vị, Thập hồi hướng vị, Thập địa vị, Đẳng giác, Diệu giác) trong *kinh Bồ-tát Anh Lạc Bản Nghiệp* là hoàn chỉnh nhất, vì lẽ giai vị không thiếu sót và nói chung được sử dụng rộng rãi.

của Thiện Tài đồng tử, 53 vị thiện tri thức đại biểu cho điều gì? Chính là xã hội ngày nay của chúng ta, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề, ở ngay nơi làm việc của mình; bạn đang học cái gì, bạn đang làm công việc gì, bạn đang sinh sống trong hoàn cảnh như thế nào, thì ở ngay trong hoàn cảnh sinh hoạt ấy, không cần phải thay đổi một chút nào cũng có thể tu hạnh Phổ Hiền, đây thật sự là lợi ích vô lượng vô biên.

Thực tế mà nói thì bộ kinh này quá lớn, hiện nay đã không còn người giảng nữa. Lúc tôi ở miền nam Đài Loan có vài vị pháp sư gặp tôi thường khuyên tôi, mong muốn tôi giảng kinh Hoa Nghiêm. Họ nói: “Nếu ông không giảng thì e rằng sau này sẽ không còn người giảng”. Điều này tôi cũng biết, nhưng duyên chưa chín muồi. Tôi rất muốn giảng qua một lần, tiếc là duyên chưa đủ, cơ duyên chưa chín muồi. Nếu giảng một lần bộ kinh này thì mỗi ngày cần 2 giờ đồng hồ, phải

giảng trong 4 năm mới có thể giảng viên mãn. Hiện nay, tôi chưa có cách gì tìm được một nơi để ở đó 4 năm không đi đâu, giờ có quá nhiều nơi tìm tôi nên tôi phải đi bên ba khắp nơi, cho nên việc giảng bộ kinh này là tương đối khó khăn.

Lần này, ở Singapore giảng kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, tôi dự định thời gian là 4 tháng, đại khái khoảng 4 tháng là có thể giảng viên mãn, tương đối không dễ dàng! Hiện nay, kinh đã giảng được khoảng 3/4, vẫn còn một phần nhỏ chưa giảng xong. Tôi giảng xong ở nơi đây liền gấp rút đến Singapore để giảng cho viên mãn bộ kinh ấy, có lẽ khi trở về Singapore trong khoảng thời gian 1 tháng là có thể giảng hoàn tất. Cho nên quý vị phải biết, muốn giảng viên mãn một bộ kinh là việc tương đối không dễ dàng, đặc biệt như kinh Hoa Nghiêm, quá hiếm có, quá khó được. Trung Quốc từ xưa đến nay, người nào trong một đời có thể nghe được bộ kinh

Hoa Nghiêm thì đó là nhân duyên vô cùng hiếm có.

Theo lịch sử Phật giáo Trung Quốc chúng ta thì trong quá khứ có Đại sư Thanh Lương chân thật là hiếm có khó được, cả đời ngài đã giảng kinh Hoa Nghiêm 50 lần, 50 lần đó giảng như thế nào? Một ngày giảng 8 giờ đồng hồ, một năm giảng một bộ, giảng 50 năm, hình như ngài sống đến 130 tuổi, rất trường thọ! Cho nên trước đây nghe kinh phải đăng kí, đến ở trong chùa, cư sĩ tại gia cũng như vậy, đến chùa xin đăng kí nghe kinh, tức là ghi tên, *“tôi muốn nghe bộ kinh này”*, trong chùa cũng phân chỗ ở cho bạn. Vì ăn uống ở trong chùa nên đại khái sẽ giao cho bạn làm một ít công việc, không thể ăn không ngồi rồi, giao cho bạn làm một ít việc công quả; ở đó một năm thì nghe xong một bộ kinh, bạn muốn nghe thêm một lần nữa cũng được.

Cho nên tu hành thời trước, chúng ta ở trong lịch sử Phật giáo, ở trong truyện ký xem thấy, bất luận là xuất gia hay tại gia, thường thường là 3 năm đến 5 năm họ liền khai ngộ, liền có sự thành tựu. Ngày nay học Phật, học mấy mươi năm, học cả đời vẫn là mê hoặc điên đảo. Nguyên nhân là gì? Sức huân tập quá ngắn, cho nên khó!

Bạn xem những đạo tràng trước đây, mỗi ngày nghe kinh 8 giờ đồng hồ, chùa chiền là trường học, người xuất gia là thầy giáo, ngày nào cũng giảng kinh thuyết pháp; nghe kinh 8 giờ đồng hồ, đó là giải môn giúp khai trí tuệ, lại niệm Phật 8 giờ đồng hồ, một ngày 16 giờ đều không có vọng tưởng, đều không khởi tham, sân, si, mạn. Tâm của họ làm sao không thanh tịnh cho được! Ngày ngày không gián đoạn như vậy, huân tập như vậy, huân tập bạn từ 3 đến 5 năm thì tự nhiên bạn liền đắc định, được tam-muội, khai ngộ. Ngày nay thì không được, hiện tại

đạo tràng này cũng khá tốt, ngày ngày giảng kinh, một ngày giảng 2 giờ đồng hồ, chúng ta mới được 1 tiếng rưỡi, cứ tính là 2 giờ đồng hồ đi. Trong 24 giờ vẫn còn 22 giờ khỏi vọng tưởng, bạn nói xem còn có tác dụng gì? Như vậy vẫn chưa có lợi ích! Ngày trước trong 24 giờ thì 16 giờ tâm của họ đã ở trong đạo, như vậy mới được lợi ích; cho nên người xưa thành tựu như vậy, chúng ta xem thấy rồi, cảm thấy kỳ lạ, thực tế là có đạo lý của họ. Cho nên, thời gian 2 giờ đồng hồ là không đủ! Nhất định phải tập trung toàn bộ tinh thần vào nơi đây.

Mấy năm trở lại đây, tôi ở các nước như Mỹ, Đài Loan, Singapore, Trung Quốc đại lục xem thấy có một số người, họ dùng phương pháp gì vậy? Họ đem băng thu âm của tôi viết thành văn tự, có lúc một ngày phải dùng đến mười mấy giờ đồng hồ lấy băng thu âm nghe đi nghe lại nhiều lần rồi chép lại từng câu, từng câu một, chép xong

một bộ kinh Vô Lượng Thọ thì họ đã có một chút công phu. Muốn chép xong một bộ kinh Vô Lượng Thọ cũng cần thời gian hơn một năm, nghe từ băng thu âm rồi chép lại từng chữ, từng chữ một. Khi nghe qua thì họ sẽ không nhớ hết, muốn chép được một câu thì phải tua đi tua lại nhiều lần để nghe, toàn bộ tinh thần đều tập trung vào nơi ấy, họ sẽ không khởi vọng tưởng, cũng không sanh phiền não, họ dùng phương pháp này. Tôi biết được không nhiều, có mười mấy người, họ nói với tôi rằng họ chân thật đã khế nhập rồi. Do đó, thời gian huân tập phải dài thì sự tu học của chúng ta mới có thể đạt được lợi ích chân thật.

Trong năm kinh còn một kinh nữa là *Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông Chương*, đây là một đoạn kinh văn trong kinh Lăng Nghiêm, cũng không dài, chỉ có 244 chữ, còn ngắn hơn so với Bát-nhã Tâm Kinh, Bát-nhã Tâm Kinh là 260 chữ. Đoạn kinh này là do Đại

sư Ấn Quang đề xuất thêm vào gần đây, mọi người đều biết vào năm đầu Dân Quốc, Đại sư Ấn Quang đem đoạn kinh văn này thêm vào phía sau của Tịnh độ bốn kinh, sau đó trở thành Tịnh độ năm kinh, hiện nay chúng ta lưu thông quyển kinh này. Vậy còn cần phải thêm vào kinh nào nữa hay không? Nói cho quý vị biết là không cần nữa, kinh điển của Tịnh độ tông đã đạt đến viên mãn rồi.

Lúc tôi còn trẻ, học kinh ở Đài Trung là tôi chuyên nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm. Tôi học kinh với thầy Lý là lấy kinh Lăng Nghiêm làm chủ đạo. Tôi đã giảng qua kinh Lăng Nghiêm rất nhiều lần, ít nhất có đến sáu, bảy lần, nhưng vẫn chưa phát hiện được chương này quan trọng đến như vậy. Đến khi nhìn thấy Tịnh độ năm kinh rồi thì mới nghĩ ra, đây là Đại sư Ấn Quang đã nhắc nhở tôi, quay lại xem đoạn kinh văn này trong kinh Lăng Nghiêm thì thấy hoàn toàn khác hẳn. Phát hiện ra *Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật*

Viên Thông Chương, 244 chữ này là tâm kinh của Tịnh độ tông chúng ta! Không những là tâm kinh của Tịnh độ tông, mà có thể nói giá trị của đoạn kinh này vượt qua cả Bát-nhã Tâm Kinh, có thể đại biểu cho tâm kinh của Đại tạng kinh Phật giáo, cũng chính là tinh hoa toàn bộ kinh điển của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, thật sự là không thể nghĩ bàn.

Đại sư Ấn Quang không phải là người bình thường, trong Đại tạng kinh có thể đem bộ kinh này đề xuất làm trung tâm của toàn bộ kinh tạng. Tầm nhìn này không phải người bình thường có thể nhìn ra, như vậy là kinh điển của Tịnh tông đã đầy đủ. Ngày nay Tịnh độ tông của chúng ta có năm kinh một luận, y theo đây mà tu học thì một đời này của bạn quyết định thành tựu, cuộc sống hiện tại nhất định đạt được hạnh phúc mỹ mãn.

Do đó, sau khi thành lập Học hội Tịnh

tông, chúng tôi sẽ vì các bạn đồng tu chuyên tu Tịnh độ định ra năm khoa mục phải tuân theo trong đời sống hằng ngày. Năm khoa mục này chính là từ trong Tịnh độ năm kinh mà nêu ra. Thứ nhất là Tịnh nghiệp Tam phước, Tam phước là lấy ra từ trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, vô cùng quan trọng, đây là nền tảng của tu hành, căn bản của căn bản. Trong kinh Phật nói rõ với chúng ta, ngài nói ba điều này là *“chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật”*, câu nói này vô cùng quan trọng. Ba đời là quá khứ, hiện tại và vị lai; hay nói cách khác, hết thấy những người thành Phật, họ đã tu như thế nào? Điều là dùng cái này để làm nền tảng, chúng ta biết được tu học bất kì pháp môn nào cũng có thể thành Phật, vô lượng pháp môn đều có thể thành Phật, vô lượng pháp môn ấy đều là xây dựng trên nền tảng này, cùng là một nền tảng, điều này chúng ta nhất định không thể lơ là.

1. Tam phước

1.1 Phước nhân thiên

Trong Tam phước thì phước thứ nhất là phước báo trời người. Bạn muốn làm Phật, làm Bồ-tát thì trước tiên phải làm một người tốt, nếu người mà cũng không làm được tốt thì Phật, Bồ-tát sẽ không có phần. Điều kiện cơ bản để làm người, Phật nói với chúng ta bốn câu: *“Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu mười nghiệp thiện”*. Chúng ta phải làm được bốn điều này, phải thật sự làm mới được! Sau khi nghe rồi thì về nhà liền phải hiếu thuận cha mẹ, tôn kính thầy giáo, tiếp nhận lời dạy bảo của thầy. Nhưng hiện nay hiếu đạo đã không còn, sư đạo cũng không còn, đây là nỗi bi ai lớn của người thời nay chúng ta. Đây là sự thật hiển nhiên, trong mắt người thời nay không có người lớn, họ làm sao có thể thành tựu cho được?

Giáo dục thời xưa là phụ huynh kết hợp chặt chẽ với thầy giáo để dạy bảo một đứa trẻ nên người, đôn phương thì không thể làm được. Thí dụ như bạn là cha mẹ, nếu như con cái của bạn không hiếu thuận thì bạn rất khó mở miệng ra nói: “Con là con của ta, vì sao con không hiếu thuận ta?” Lời này không thể nói ra được! Cần ai nói vậy? Cần thầy giáo nói. Thầy giáo là người thứ ba, thầy dạy học trò hiếu thuận cha mẹ. Bản thân thầy giáo cũng không thể yêu cầu học trò rằng: “Con là học trò của ta, con phải tôn sư trọng đạo”, lời này cũng không thể nói ra. Vậy ai sẽ nói? Cha mẹ sẽ nói. Cha mẹ dạy con cái tôn kính thầy giáo, tôn sư trọng đạo, còn thầy giáo sẽ dạy học trò hiếu thuận cha mẹ. Hai bên phải phối hợp với nhau thì mới có thể dạy tốt, phối hợp mật thiết, cách dạy chính là như vậy.

Thật ra mà nói thì ngày nay cha mẹ nuôi nấng con cái nhưng không quan tâm đến việc dạy dỗ chúng. Khi gặp thầy giáo tốt, muốn

nghiêm khắc dạy bảo một chút, học sinh cảm thấy oan ức, bực dọc liền về nhà mách cha mẹ, vậy thì xong rồi, có khi thầy giáo còn phải đi hầu tòa. Ngày nay thầy giáo không dám dạy học trò. Tôi đã dạy học ở Đài Loan được 5 năm, những thầy giáo như chúng tôi thường hay ngồi lại với nhau, rất cảm khái mà nói lời thật lòng của mình: *“Làm thầy giáo, mỗi tháng nhận được bao thu tiền lương là được rồi, học sinh thì sao? Cứ cho điểm số đạt tiêu chuẩn là được, vậy là được rồi, thế là vui vẻ, hai bên đều vui vẻ”*. Học trò gạt thầy giáo, thầy giáo gạt học trò, nhà trường gạt phụ huynh, phụ huynh gạt nhà trường, gạt qua gạt lại như vậy rồi biến thành thế giới lừa gạt. Thế giới này còn có tương lai hay không? Ngày nay xảy ra tình hình như vậy, chúng ta thật sự muốn giúp cũng giúp không được!

Có không ít người, ngay cả rất nhiều vị pháp sư, đồng tu ở Trung Quốc đại lục đều khuyên tôi giảng những bộ kinh lớn. Tôi

không phải là không muốn giảng, bao nhiêu năm nay đã muốn giảng nhưng không có cơ hội. Trong Phật pháp gọi là không đủ cơ duyên, cũng chính là không có điều kiện và không có hoàn cảnh. Mọi người nhất định phải có phước báo, phước báo là phải chân chánh giác ngộ!

Có thể làm được hiếu kính. Hiếu thân và tôn sư là một sự việc, ngày trước rất xem trọng còn ngày nay thì không biết, quên mất rồi, không có người giảng. Bạn xem vào thời xưa, thí dụ lấy triều nhà Thanh mà nói, cuối triều nhà Thanh, năm đầu Dân Quốc người đọc sách thời đó khi đỗ đạt công danh, giống như cử nhân, tiến sĩ của nhà Thanh, học vị thấp nhất là tú tài. Sau khi thi đậu rồi thì việc đầu tiên họ làm là về quê cúng tế tổ tiên, không quên nguồn cội, là tận hiếu! Đây là tận đạo hiếu. Con cháu có được công danh rồi thì việc lớn thứ hai là phải đi cảm tạ thầy giáo. “Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư

trường”, ngay cả hai câu này cũng không thể làm được thì trên con đường học Phật bạn sẽ không có chỗ đứng. Bạn học Phật là học cái gì? Những gì bạn học đó chỉ là đàm huyền thuyết diệu, không giải quyết được vấn đề, đó là giả, chẳng phải thật. Chân thật học Phật thì phải bắt đầu làm từ chỗ này.

Nếu bạn không biết cái gì gọi là hiếu? Tại sao phải hiếu? Vậy thì bạn hãy đọc Địa Tạng ba kinh. Địa Tạng Bồ-tát có ba bộ kinh, ngoài kinh Bốn Nguyện ra còn có kinh Đại Thừa Địa Tạng Thập Luân và kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, đây là Địa Tạng ba kinh, trong đây nói rõ ràng đạo lý này cho chúng ta.

1.2 Phước Nhị thừa

Từ trên cơ sở này lại nâng lên cao là phước báo Nhị thừa, cũng chính là nói chúng ta đã có điều kiện tốt để làm người rồi thì mới có

thể học Phật, mới có thể trở thành đệ tử Phật, mới có thể vào cửa Phật. Điều kiện bước vào cửa Phật trước tiên phải thọ trì Tam quy, sau đó phải trì giới, giữ quy củ, không phạm oai nghi. Cho nên điều thứ hai có ba câu: *“Thọ trì Tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi”*. Tôi nghĩ rất nhiều vị đồng tu đều đã thọ Tam quy, đấy là quy y thật hay quy y giả? Điều là hình thức, không có nội dung, không có thực chất. Hay nói cách khác đó là giả quy y, giả mạo đệ tử Phật, không phải là thật.

Nội dung ý nghĩa của Tam quy chúng ta sẽ tìm một khoảng thời gian khác để giảng riêng đề tài này một lần, rất quan trọng! “Quy” là quay đầu, quay đầu là bờ; “y” là nương tựa, từ chỗ nào mà quay về? Từ nơi tất cả sai lầm mà quay về. Chúng ta đối với vũ trụ nhân sinh đều đã nghĩ sai, nhìn sai, nói sai và làm sai; phải từ nơi tất cả sai lầm quay đầu trở lại, nương vào Tam bảo để sửa chữa tất cả sai lầm của chúng ta, đó gọi là nương tựa.

Tam bảo là gì? Mọi người đều biết đó là Phật - Pháp - Tăng. Bạn biết được Phật - Pháp - Tăng nhưng không biết được ý nghĩa của ba chữ Phật - Pháp - Tăng. Vậy thì nói theo cách khác là bạn vẫn chưa có quy y. Phật - Pháp - Tăng không phải nói ở bên ngoài, Phật bên ngoài giống như những tượng Phật làm bằng đất sét, bằng gỗ. Có câu nói: “Bồ-tát bằng đất qua sông bản thân còn khó giữ”. Bạn nương vào đó, vậy thì làm sao đáng tin được? Không thể tin cậy được. Pháp bảo là kinh sách, từ xưa đến nay những kinh sách bị hủy hoại không biết là bao nhiêu! Cũng không thể nương tựa được. Người xuất gia là phàm phu, đời sống của họ còn phải nhờ vào tín đồ, không có tín đồ họ sẽ chết đói, nương vào họ có đáng tin hay không? Cũng không đáng tin cậy. Cho nên, trong nhà Phật thường nói: “Tín đồ tại gia là cơm áo cha mẹ”, nghĩ đủ mọi cách để nắm giữ tín đồ, không thể để tín đồ chạy mất. Tín đồ mà đi mất thì đời sống của chúng ta

cũng đi luôn. Việc này đúng như câu nói: “Hòa thượng không làm trò, cư sĩ không đến lạy”, vậy thì có thể nương nhờ được sao!

Tóm lại ý nghĩa của Tam bảo là gì? Phật nói rõ ràng cho chúng ta đó là “tự tánh Tam bảo”. Phật dạy bạn quy y là quy y tự tánh Tam bảo của chính bạn chứ không phải những gì ngoài tâm tánh của bạn. Phật có nghĩa là giác ngộ, *“tự tánh giác chính là Phật bảo, tự tánh chánh chính là Pháp bảo, tự tánh tịnh chính là Tăng bảo”*. Cho nên, Tam bảo Phật - Pháp - Tăng là Giác - Chánh - Tịnh.

Có lẽ vấn đề của việc quy y Tam bảo là từ thời nhà Đường đã xảy ra ngộ nhận, mọi người đều xem hình tượng Phật, Bồ-tát, kinh sách, người xuất gia thành Tam bảo. Lúc quy y thì đây là thầy quy y của tôi, vị kia không phải. Ở đó khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chúng ta làm sao biết được từ khi nào có cái sai lầm này? Là do lúc đọc Lục

Tổ Đàn kinh mới phát hiện ra. Khi ấy Đại sư Lục Tổ truyền thọ Tam quy cho người ta, ngài đã không nói Phật - Pháp - Tăng. Vì sao ngài không nói Phật - Pháp - Tăng? Trong sự tưởng tượng của chúng tôi thì nhất định là sợ danh từ này sẽ khiến cho mọi người sanh ra hiểu lầm nên ngài nói Giác - Chánh - Tịnh; ngài dùng danh từ quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh, quý vị đọc Đàn kinh sẽ thấy được. Khi chúng ta nghe đến danh từ này sẽ không sanh ra hiểu lầm, rất rõ ràng. Sau đó Lục Tổ nói cho chúng ta biết: “Phật là giác, Pháp là chánh, Tăng là tịnh”. Khi đã giải thích ra thì Giác - Chánh - Tịnh chính là Phật - Pháp - Tăng, đây là đem tự tánh Tam bảo hiển thị ra cho chúng ta.

Thế nên, chúng ta rõ ràng về việc quay đầu đó, giác mà không mê nghĩa là chúng ta từ mê hoặc điên đảo quay về nương tựa vào tự tánh giác. Hay nói cách khác, trong đời sống thường ngày của chúng ta, khi đối

nhân xử thế, khi làm việc chúng ta phải dựa vào lý trí, không thể dùng cảm tình, đây chính là quy y Phật. Phật là trí tuệ, là giác ngộ. Dùng cảm tình để làm việc là mê hoặc điên đảo, Tam quy chính là dạy cho chúng ta những điều này. Quy y Pháp, Pháp là chánh tri chánh kiến, cũng chính là đem cách nghĩ, cách nhìn sai lầm của chúng ta sửa đổi trở lại, nhất định phải có tư tưởng đúng đắn, cách nhìn đúng đắn, đây gọi là quy y Pháp. Tăng là sáu căn thanh tịnh mảy trần không nhiễm. Không cần biết người xuất gia như thế nào, nhưng chính mình phải quay đầu phản tỉnh, chính chúng ta phải thời thời khắc khắc giữ tâm thanh tịnh, tâm lý đừng bị ô nhiễm, tinh thần đừng bị ô nhiễm, tư tưởng đừng bị ô nhiễm, kiến giải đừng bị ô nhiễm, trước sau đều giữ gìn tâm thanh tịnh thì đó gọi là quy y Tăng. Ý nghĩa của tăng là thanh tịnh, đây gọi là Tam quy y.

Khi các bạn quy y thì cho rằng quy y với một vị pháp sư, cho rằng vị pháp sư này là thầy quy y của tôi, thầy kia không phải. Bạn xem, các bạn là đang quy y mê - tà - nhiễm, tâm của các bạn đã bị vị pháp sư ấy làm cho ô nhiễm rồi; *“đây là sư phụ của tôi, vị kia không phải”*, tâm của bạn không phải bị họ ô nhiễm rồi sao! Cho nên cái mà quý vị quy y là gì? Là mê - tà - nhiễm, đó đâu phải là đệ tử Phật. Đệ tử Phật là giác - chánh - tịnh, *“giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm”*, đây mới là đệ tử của Tam bảo. Cho nên ngày nay học Phật, ngay từ ngày quy y đã sai rồi, mới sai mà sai đến tận cùng, bạn còn muốn làm Phật sao? E là còn cách quá xa, quá xa, không đọa địa ngục thì kể ra cũng may mắn lắm rồi, đây là phiền phức lớn, cho nên nhất định phải làm cho rõ ràng. Tam quy y là nhập môn, sau khi nhập môn rồi thì đây vẫn là nền tảng, nâng cao lên nữa là nền tảng của Đại thừa.

1.3 Phước Đại thừa

Đại thừa có bốn câu: *“Phát Bồ-đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả”*. Bốn câu này là sau khi bạn quy y rồi lại nâng cao cảnh giới thêm một bậc nữa, bảo bạn phải phát Bồ-đề tâm. Bồ-đề tâm là gì? Bồ-đề là dịch âm từ tiếng phạn Ấn Độ, ý nghĩa là giác ngộ, quyết định không thể mê hoặc. Cho nên, tu học Đại thừa lấy Bồ-đề tâm làm căn bản.

Bạn xem, chúng ta vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, trong 48 nguyện của A-di-đà Phật quan trọng nhất chính là nguyện thứ 18 và nguyện thứ 19. Nguyện thứ 18 nói về điều gì? Nói về “muội niệm nhất định vãng sanh”. Còn nguyện thứ 19 chính là nói về “phát Bồ-đề tâm”. Trong kinh văn bạn xem thấy có ba bậc vãng sanh: Bậc thượng, bậc trung và bậc hạ, trong ba bậc vãng sanh đều có cùng một cách nói là *“phát Bồ-đề tâm, nhất*

hướng chuyên niệm”, quý vị xem trong kinh văn thì ba bậc vãng sanh đều nói như vậy. Từ đây có thể biết, điều kiện vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là tám chữ này. Nếu bạn không phát Bồ-đề tâm thì bạn làm sao có thể vãng sanh? Niệm Phật cũng không thể vãng sanh.

Bồ-đề tâm là gì? Là giác ngộ. Phải như thế nào mới được tính là giác ngộ? Trong đây có vài nguyên tắc quan trọng. Thứ nhất phải biết được thế gian này là khổ, thế gian này thật sự là khổ. Người tuổi tác như chúng tôi đây đã nếm đủ cay đắng lắm rồi, còn những thanh niên 20, 30 tuổi như các bạn sẽ không biết được, các bạn là sau đại chiến thế giới lần thứ hai mới sanh ra nên không gặp phải những khổ nạn này, kể ra là người rất có phước báo. Nhưng phước báo của bạn, bạn có thể đảm bảo hưởng được đến già hay không?

Sau này bạn có chắc mình sẽ không gặp

tai nạn hay không? Không ai dám đảm bảo cho bạn. Năm nay là 1996 rồi, dự ngôn của phương Đông và phương Tây đều nói rằng năm 1999 là ngày tận thế, nói rằng khi tai nạn lớn này đến thì người trên địa cầu sẽ chết 2/3. Cho nên, bạn nghĩ thử xem, phước báo của bạn có thể giữ đến già được không? Dự đoán này là lời tiên đoán của người xưa, lời dự đoán của mấy trăm năm trước. Lời dự đoán của Trung Quốc khoảng hơn 1000 năm trước cũng nói rằng vào thời đại này sẽ có tai nạn. Nhưng trong lời dự đoán của người Trung Quốc chúng ta không hề nói ngày tận thế, không nói nghiêm trọng như vậy. Lời tiên đoán của phương Tây thì nói rất nghiêm trọng, nói rằng ngày tận thế đã đến. Thế nhưng chúng ta không quan tâm đến những lời dự đoán ấy, mà chúng ta hãy tỉ mỉ xem thử xã hội thời nay, chúng ta dùng lý tánh để xem, xem từ chỗ nào? Từ lòng người mà xem, quá đáng sợ! Không thể

sánh bằng 30 năm trước, lòng người của 30 năm trước so với người thời nay thuần hậu, chất phác hơn nhiều. Lòng người thời nay so với lòng người của 30 năm trước hoàn toàn là không giống nhau, tự tư tự lợi, tổn người lợi mình. Người thuở trước cũng có nghĩ lợi mình, nhưng nói chung vẫn không đến nỗi hại người. Người thời nay lại muốn tổn hại người khác, vậy thì làm sao được! Sự động loạn của toàn thế giới, ngay cả khí hậu của địa cầu cũng đã biến đổi, đều không bình thường nữa. Đây là điều mà chúng ta cần phải đề cao cảnh giác. Nếu như không thật sự nỗ lực đoạn ác tu thiện, thành thật niệm Phật, e rằng lúc tai nạn này đến sẽ không có cách gì tránh khỏi, thật sự đáng sợ. Tuy rằng thời gian này rất gần nhưng vẫn còn 3 năm, 3 năm vẫn còn kịp, nếu như chúng ta thật sự làm được tốt thì vẫn còn kịp. Bây giờ mà không nỗ lực làm thì không kịp nữa, vì thời gian còn rất ngắn. Cho nên, đây là phát Bồ-

đề tâm, cảnh giác thứ nhất là thế gian này khổ, biết được thế giới Tây Phương Cực Lạc vui, chúng ta phải lìa khổ được vui, đây là chân chánh giác ngộ.

Giác ngộ thứ hai là phải làm lợi ích cho chúng sanh, phải xả mình vì người. Chúng ta thử nghĩ xem, điều mà chúng sanh ngày nay cần thiết nhất là gì? Chính là giáo dục của Phật-đà, không gì quan trọng hơn việc này. Thế nên, bên đây chúng ta có mấy vị đồng tu cũng tương đối khó có được, họ ở nơi này xây dựng Học hội Tịnh tông, hy vọng có thể xây dựng Phật pháp ở nơi đây, thật khó có được! Họ tìm đến tôi, tôi thì tùy duyên, mọi người có cái tâm này thì tôi đến giúp đỡ. Còn nếu như quý vị không có tâm này thì tôi sẽ đến nơi khác, nơi nào có duyên thì tôi sẽ đến nơi đó.

Thế nhưng việc quan trọng nhất là phải bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp, vì “người

có thể hoằng đạo chứ đạo không thể hoằng người”. Ngày nay, kĩ thuật in ấn phát triển, chúng ta đã in ấn được rất nhiều kinh điển, phát đi khắp nơi trên thế giới nhưng tiếc là không có người giảng. Mọi người không những xem không hiểu mà còn hiểu sai đi ý nghĩa, nhất định phải có người giảng. Do đó ngày nay, việc làm lợi ích chúng sanh lớn nhất không gì vượt hơn việc bồi dưỡng nhân tài giảng kinh, công đức này là công đức bậc nhất, không gì có thể sánh bằng. Tôi ở đây hy vọng các đồng tu Học hội Tịnh tông bên đây hướng đến mục tiêu này mà làm. Tâm lượng phải lớn, không phải vì đạo tràng của mình, không phải vì một địa phương, một quốc gia nào, chúng ta phải vì toàn thế giới.

Một quốc gia được tốt nhưng các nơi khác không tốt thì những ngày tháng sinh sống của chúng ta vẫn là rất khó trải qua. Mọi người đều tốt rồi thì đời sống của chúng ta mới trải qua được tốt. Lời xưa của Trung

Quốc thường nói: “*Một nhà no ấm ngàn nhà oán*”. Bạn là người giàu có, còn người khác thì nghèo khổ, những người nghèo đó sẽ đổ kị bạn, oán hận bạn, giờ phút nào cũng muốn hại bạn, cuộc sống của bạn làm sao có thể bình yên được. Khi mọi người đều giàu có rồi thì cuộc sống của chúng ta mới tốt được. Cho nên, tầm nhìn phải rộng, phải nhìn cho xa, hy vọng toàn thế giới đều tốt thì chúng ta sẽ tốt. Vậy thì chúng ta phải làm từ đâu? Bắt đầu làm từ việc bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp, đây là việc hiếm có khó được. Người hoằng pháp nhiều rồi, người giảng kinh nhiều rồi, mọi người hiểu được đạo lý của Phật pháp dần dần sẽ giác ngộ, như vậy mới có thể phá mê khai ngộ, mới có thể lìa khổ được vui, đây gọi là phát Bồ-đề tâm.

“Tin sâu nhân quả”, đây là nói về Bồ-tát, Bồ-tát vẫn chưa tin nhân quả hay sao? Thiện có thiện báo, ác có ác báo, chúng ta đều tin tưởng. Nhân quả mà Bồ-tát tin tưởng

không phải là nhân quả mà chúng ta nói đến, là nhân quả gì vậy? Chính là “*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”. Đích thực là loại nhân quả này, chúng ta xem thấy trong kinh luận có rất nhiều vị Bồ-tát đều không biết nhân quả này. Cho nên phải tin tưởng niệm Phật là nhân, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc nhất định thành Phật, đây là quả.

“Độc tụng Đại thừa”, đối với người tu Tịnh độ như chúng ta, Đại thừa chỉ đọc bộ kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, nhất môn thâm nhập. Nếu như bạn cảm thấy không đủ thì Tịnh độ có năm kinh một luận là đủ rồi, đã rất phong phú rồi, không cần phải thêm nhiều nữa. Ở ngay đây cắm rễ, ra hoa kết trái, đem nó phát dương quang đại, một kinh thông thì hết thấy kinh đều sẽ thông.

Sau cùng là “khuyến tấn hành giả”. Từ đây có thể biết, những điều được nói ở phía trước hoàn toàn thuộc về tự lợi, câu sau cùng

là bảo chúng ta đem những lợi ích, điều tốt của chính bản thân chúng ta đặt được nói lại cho người khác để làm lợi ích hết thảy chúng sanh, giúp họ nhận biết Phật pháp, hiểu rõ Phật pháp, tu học Phật pháp, thành tựu Phật pháp. Thành tựu Phật pháp chính là thành tựu vô lượng vô biên pháp môn trí tuệ, là ý nghĩa này.

Đây là Tam phước, là khoa mục thứ nhất trong năm khoa mục của chúng ta.

Khoa mục này được nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, ba điều này vô cùng quan trọng. Bất luận là tu học theo một tông phái nào, một pháp môn nào cũng không thể thiếu được. Đúng như những gì Phật đã nói trong kinh: “Chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật”, câu này đã nói được rất rõ ràng. Ba đời là chỉ quá khứ, hiện tại, vị lai, pháp môn tu hành thành Phật rất nhiều nhưng đều phải xây dựng trên nền tảng này.

Có được cái nền tảng này rồi, nhưng nhất định phải biết hiện nay chúng ta vẫn chưa thành Phật, vẫn chưa rời khỏi thế giới này. Thật ra mà nói, dẫu cho thành Phật rồi vẫn không thể tách rời chúng sanh, Phật phải phổ độ chúng sanh, làm sao có thể xa rời chúng sanh cho được! Nếu như muốn chung sống với chúng sanh, vậy làm sao mới có thể ở được tốt, chung sống hòa thuận? Phật đã chế định cho chúng ta sáu điều giới. Thật ra mà nói thì sáu điều giới này không chỉ dùng trong đoàn thể Phật giáo, mà nó còn dùng phổ biến rộng rãi trong tất cả đoàn thể. Trong nhà Phật nói về “chúng”, bạn xem khi chúng ta quy y Tam bảo có câu “quy y Tăng chúng trung tôn”. Ý nghĩa của “chúng” này chính là ngày nay chúng ta gọi là xã đoàn, đoàn thể, khi mọi người cùng nhau tụ hội lại thì đây gọi là chúng.

Tất cả đoàn thể lớn nhỏ của thế gian hay xuất thế gian, ở trong xã hội này của chúng ta

mà nói thì đoàn thể nhỏ nhất là gia đình, gia đình là một đoàn thể; đoàn thể lớn là quốc gia, quốc gia cũng là một đoàn thể. Còn tổ chức lớn hơn nữa thì ngày nay chúng ta có Liên Hiệp Quốc, đây chính là nói rõ thế giới này là một đoàn thể, là một đoàn thể mà chúng ta cùng nhau sinh sống trên địa cầu này.

Tại sao lại nói trong tất cả các đoàn thể thì đoàn thể Phật giáo là đoàn thể tôn quý nhất? Bởi vì đức Thế Tôn đã chế định sáu điều giới luật cho đoàn thể Phật giáo, mỗi một phần tử trong đoàn thể nhất định phải tuân thủ. Vì vậy, trong tất cả đoàn thể thì đoàn thể Phật giáo đích thực là đoàn thể tôn quý nhất, đáng được đại chúng tôn kính, là mô phạm cho đại chúng.

2. Lục hòa kính

Trong sáu điều giới luật này, điều thứ nhất chính là *“kiến hòa đồng giải”*, cũng chính

là điều mà người thời nay gọi là xây dựng nhận thức chung. Hay nói cách khác, bất kỳ một thành viên nào trong đoàn thể này nhất định phải có tư tưởng, kiến giải, cũng chính là cách nghĩ, cách nhìn giống nhau, đây mới là nền tảng của sự hòa mục. Nếu như cách nghĩ, cách nhìn của mỗi người đều khác nhau, khi mọi người ở chung sẽ khó tránh khỏi có ý kiến riêng, khó tránh khỏi có xung đột. Đoàn thể như vậy sẽ không thể hòa mục, cho nên đem nó xếp ở vị trí thứ nhất.

Đương nhiên chữ “kiến” trong “kiến hòa đồng giải” cũng có rất nhiều tiêu chuẩn khác nhau. Thí dụ nói trong một gia đình thì lấy việc hưng vượng gia đình làm mục tiêu, nếu như có cái nhận thức chung này thì gia đình ấy sẽ rất hạnh phúc. Còn nếu như là một công ty thương nghiệp thì mục đích của họ là kiếm tiền, chỉ cần mọi người có thể đoàn kết thì sẽ kiếm được nhiều tiền hơn, đây chính là nhận thức chung của họ. Từ đây có thể biết,

đoàn thể không giống nhau thì mục tiêu sẽ không giống nhau.

Trong nhà Phật có một tiêu chuẩn tuyệt đối, tiêu chuẩn này khiến chúng ta cảm thấy đức Phật Thích-ca Mâu-ni quả thật là vô cùng thông minh, vô cùng có trí tuệ. Vì vậy, người học Phật khi bước vào cửa Phật rồi thì những thứ như danh văn lợi dưỡng⁸, ngũ dục⁹ lục trần¹⁰ của thế gian hết thảy đều buông xuống, chúng ta phải từ chỗ nào để xây dựng quan điểm chung? Nếu như đức Phật nói với chúng ta: “Các bạn đều mê hoặc điên đảo,

8 Danh văn lợi dưỡng (名聞利養): Danh tiếng và lợi dưỡng.

9 Ngũ dục (五欲): Năm thứ ham muốn (tài, sắc, danh, thực, thù).
 1. Tài dục: Ham muốn của cải.
 2. Sắc dục: Ham muốn sắc đẹp thế gian.
 3. Danh dục: Ham thích tiếng tăm.
 4. Ẩm thực dục: Ham muốn sự ăn uống.
 5. Thù miên dục: Ham muốn sự ngủ nghỉ.

10 Lục trần (六塵): Còn gọi là Ngoại trần hay Lục tặc.
 Là sáu trần cảnh: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu trần này như bụi (trần) làm mê mờ chân tính, vì nó là cảnh bên ngoài nên gọi là Ngoại trần; nó giống như bọn trộm cướp (tặc), cướp đoạt tất cả pháp lành nên gọi là Lục tặc.

kiến giải sai lầm, tôi đây là bậc đại trí đại giác, mọi người phải y theo kiến giải của tôi để làm kiến giải [cho mình]”. Cách nói như vậy có làm cho chúng ta phục hay không? Đương nhiên sẽ có một số người thừa nhận Phật là đại thánh nhân, người có trí tuệ viên mãn, nhưng sẽ có một số người cảm thấy chưa hẳn. Chúng ta tán thán trí tuệ, đức năng của đức Phật Thích-ca Mâu-ni là vạn đức vạn năng. Có không ít người nghe đến câu nói này cho rằng đây chỉ là lời khen ngợi đức Phật mà thôi, không phải là sự thật! Vậy thì kiến giải này sẽ có khoảng cách rất lớn, làm sao có thể xây dựng được nhận thức chung.

Cho nên Thế Tôn rất cao minh, ngài cao minh ở chỗ nào? Chúng ta chỉ cần đem tất cả cách nghĩ, cách nhìn của chính mình hết thảy đều buông xuống, vậy chẳng phải là bình đẳng rồi sao! Phương pháp này đích thực là cao minh. Phật không có nói: “Tri kiến của ta chính xác, tri kiến của các ông không chính

xác". Chúng ta đem tất cả tri kiến thấy đều buông xuống thì sẽ quy về một mối, ngài là xây dựng trên cái nền tảng này. Đúng như cái gọi là "bát-nhã vô tri", khi nó khởi tác dụng chính là "vô sở bất tri", khi không khởi tác dụng cũng chính là vì không có người thỉnh giáo họ, không có người hỏi họ, tâm họ thanh tịnh, một niệm không sanh. Tâm của mỗi người đều thanh tịnh, đều không có vọng tưởng, không có tạp niệm, đây đích thật là cùng chung kiến giải. Nhận thức chung của đoàn thể Phật giáo được xây dựng trên cơ sở này, đây là điều mà sau khi chúng ta nghe rồi, chân thật là cảm thấy bội phục, không ai đi theo ai, cũng không ai dẫn ai đi. Trong tất cả đoàn thể ở thế gian chúng ta tìm không ra, thật sự không có cái thứ hai. Lấy tôn giáo ra mà nói, thì tôn giáo vẫn còn phải đi theo Thượng đế, bạn không thể bình đẳng với Thượng đế. Phật không bảo bạn đi theo ngài, đây là điểm mà chúng ta bội phục ngài nhất.

Điều thứ hai là “giới hòa đồng tu”. Giới mà những gì ở đây nói có nghĩa rộng, có nghĩa hẹp. Nghĩa hẹp chính là những lời Phật-đà răn dạy chúng ta, những lời giáo huấn ở trong tất cả kinh điển chúng ta phải hiểu rõ, phải tuân thủ, đây là nói theo nghĩa hẹp. Nói theo nghĩa rộng là tuân theo phép tắc, giới chính là pháp luật, chính là quy củ, chế độ; thậm chí bao gồm tất cả phong tục tập quán trong thế gian này của chúng ta, chúng ta đều phải tuân thủ. Đặc biệt là hiện nay chúng ta sống trong thời đại này, bởi vì giao thông thuận tiện, thông tin phát triển, không gian đi lại của chúng ta không giới hạn chỉ ở quốc gia mình, chúng ta thường đi đến những quốc gia khác du lịch, khi đến một nơi nào đó thì nhất định phải tuân thủ pháp luật ở nơi đó, tuân theo phong tục tập quán ở nơi đó, như vậy thì chúng ta mới có thể chung sống hòa thuận với người ở địa phương ấy, mới nhận được sự hoan nghênh, tôn kính của người nơi

ấy. Nhất là giới luật này của đức Phật, chúng ta xem thấy rất thực dụng, chúng ta xem thấy chân thật có thể sanh tâm hoan hỷ. Cho nên, giới luật của nhà Phật không phải chết cứng. Nếu chỉ nói năm giới, mười giới, tỳ-kheo giới, Bồ-tát giới thì phạm vi thấy được đó quá nhỏ hẹp rồi. Cho nên việc trì giới này, nếu dùng lời hiện nay để nói thì trì giới chính là tuân theo phép tắc, tuân theo phép tắc chính là trì giới. Người mà tuân theo phép tắc thì không có nơi nào không chào đón, mọi người đều hoan nghênh, mỗi một chính phủ, quốc gia đều hoan nghênh. Cho nên, ý nghĩa thật sự của trì giới chính là tuân theo phép tắc.

Lấy điều này làm cơ sở, tiếp đến nói *“thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt”*, đây là sinh hoạt ở trong một đoàn thể, hai bên qua lại không có tranh luận. Khi không có ý kiến thì đương nhiên sẽ không có tranh luận, cùng nhau tu học, có cùng phương hướng, có cùng mục tiêu, mỗi

ngày đều có tiến bộ đương nhiên sẽ sanh tâm hoan hỷ, đó gọi là “pháp hỷ sung mãn”.

Điều sau cùng là “lợi hòa đồng quân”. Lợi chính là ngày nay chúng ta gọi là đời sống vật chất. Quý vị phải biết, tăng đoàn cũng là nghĩa rộng, không phải hoàn toàn chỉ người xuất gia. Nếu chỉ người xuất gia thì đó đương nhiên là tăng đoàn, nhưng ý nghĩa của nó không chỉ giới hạn ở người xuất gia. Đồng tu tại gia, nếu như gia đình của bạn đều học Phật, người cả nhà đều quy y, vậy thì nhà của bạn chính là một tăng đoàn. Có thể thấy được danh từ tăng đoàn này được dùng rất rộng rãi. Nếu như là một công ty, từ ông chủ đến nhân viên đều tu học Phật pháp thì công ty này của bạn chính là tăng đoàn. Cho nên, định nghĩa của đoàn thể này nghĩa rộng vô cùng, nghĩa rất rộng, không phải là nghĩa hẹp, chỉ cần tuân thủ sáu điều giới luật này thì đây chính là một tăng đoàn.

Trong tăng đoàn chú trọng lợi ích phải đồng đều, cách nói đồng đều này không phải là nói mọi người đều nhất mực bình đẳng. Đời sống của người xuất gia có thể nói là bình đẳng như nhau, trong chùa chiến từ trụ trì cho đến đại chúng thì đãi ngộ trong đời sống vật chất nhất định là bình đẳng, không có đặc quyền giai cấp. Còn như là một công ty, cửa hàng thì từ ông chủ cho đến công nhân viên, mức lương nhân viên đương nhiên sẽ không như nhau, vậy thì bình đẳng phải nói thế nào đây? Những đãi ngộ nào mà bạn đáng được nhận thì bạn nhận được bấy nhiêu đãi ngộ, nhất định công bằng, đây chính là bình đẳng. Từ đây có thể biết, mỗi câu mỗi chữ trong Phật pháp là linh động, nó không phải chết cứng! Nói tóm lại, nếu thật sự là phù hợp, hợp tình, hợp lý, hợp pháp thì được gọi là bình đẳng, đây là Lục hòa kính.

Phật dạy cho chúng ta cách chung sống với đại chúng, chúng ta nhất định phải tuân

thủ. Cho dù không cùng chủng tộc, không cùng đoàn thể, họ không có tu học Lục hòa kính thì khi chúng ta đối nhân xử thế vẫn phải y theo tinh thần của Lục hòa kính để hành xử, như vậy mới là đệ tử Phật, không có trái nghịch với lời dạy của Phật-đà. Không thể nói người khác không làm thì chúng ta cũng không làm, không thể nói như vậy được. Phật, Bồ-tát làm tấm gương tốt nhất, mô phạm tốt nhất cho chúng ta; còn chúng ta là đệ tử Phật, học Phật rồi thì bất luận là xuất gia hay tại gia nhất định phải làm một hình mẫu tốt cho người không học Phật. Đây là tinh thần của Phật pháp, cũng chính là tự hành hóa tha, hoằng pháp lợi sanh. Tuy rằng chúng ta không dùng lời nói để giáo hóa chúng sanh, nhưng trong đời sống, hành trì của chúng ta, từng hành vi cử chỉ của chúng ta khiến cho người khác khi nhìn thấy tự nhiên trong tâm sinh ra hiệu quả chuyển hóa một cách âm thầm. Đây chính là chư Phật,

Bồ-tát ứng hóa ở thế gian để độ hóa chúng sanh, việc này chúng ta cần phải học tập, nhất định phải học tập theo.

3. Tam học Giới - Định - Tuệ

Khoa mục thứ ba là “Tam học”. Mọi người đều biết đến Tam học, đây chân thật là bước vào khóa trình của Phật pháp. Hai điều phía trước là nền tảng, thứ nhất là Tam phước. Bạn xem, trước tiên là chưa có học Phật, ban đầu phải tu phước báo, không có phước thì không thể học Phật. Sau đó dạy bạn một số nguyên tắc đối nhân xử thế, bạn phải tuân thủ, như vậy mới có thể học Phật.

Phật pháp không chỉ là những lời dạy của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, những gì mà mười phương ba đời hết thảy chư Phật nói chúng ta đem nó quy nạp lại sẽ không ngoài ba loại lớn. Kinh điển Phật giáo của chúng ta

ngày nay là do Trung Quốc biên soạn thành, gọi là Đại tạng kinh. Trong Đại tạng kinh phân ra làm ba phần, đó là Kinh, Luật, Luận: Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng. Tạng giống như cái kho vậy, cất giữ ở nơi đó.

Kinh Phật truyền đến Trung Quốc sớm nhất là vào thời Hậu Hán, đến thời Đường, Tống thì công tác phiên dịch đại khái đã hoàn thành khoảng 90%. Thế nên, vào thời nhà Tống đã có người nghĩ ra cách, đem kinh điển của Phật phân lại một lần nữa, đem nó chỉnh lý lại. Vì vậy, đã biên soạn thành Đại tạng kinh, phân làm ba loại lớn, y theo Kinh, Luật, Luận này mà phân thành ba loại lớn. Việc này đối với văn học Trung Quốc đã sinh ra ảnh hưởng rất lớn. Thời nhà Minh có Vĩnh Lạc đại điển, trong thời Khang Hy triều nhà Thanh biên soạn Đồ Thư Thành Tập, thời Càn Long thì biên tập Tứ Khố Toàn Thư, ý tưởng phân loại đó đều là học được từ trong Phật giáo, cho nên phân loại sớm nhất là bắt

đầu từ Phật giáo. Vì thế Tứ Khố Toàn Thư của Trung Quốc được biên soạn vào thời Càn Long cũng chính là dựa trên cấu trúc này để làm.

Kinh tạng chủ yếu là nói về thiên định, nói về định học; Luật tạng là nói về giới học; Luận tạng là nói về tuệ học, đây chính là Tam học giới - định - tuệ. Bạn muốn hỏi Phật đã giảng nhiều kinh như vậy, rốt cuộc nội dung giảng là gì? Dùng ba chữ này để trả lời thì nhất định không sai, Phật giảng giới, giảng định và giảng tuệ. Trong giới học thì quan trọng nhất là giảng về quy luật, giảng về trật tự, Trái đất có bốn mùa thay đổi là xuân, hạ, thu, đông; việc làm cũng phải có trật tự, phải có quy luật thì con người mới có thể trải qua đời sống hạnh phúc mỹ mãn. Nếu như mất đi quy luật thì thế giới sẽ đại loạn! Dẫu cho ngày nay bạn có phước báo, có tiền của, người xưa thường nói “giàu mà không vui”, bạn sống trong cảnh hoảng sợ, không có cảm

giác an toàn. Nguyên nhân là gì? Chúng ta đã đánh mất đi trật tự. Trong giới học đã giảng giải đạo lý này cho chúng ta, vì sao phải có trật tự? Vì sao phải tuân thủ trật tự? Đạo lý, phương pháp, cảnh giới trong đây giảng được rất thấu triệt. Sau khi đọc xong rồi chúng ta không thể không phục, thấy được những điều Phật nói rất có đạo lý. Thật ra mà nói Tam học giới - định - tuệ đã đem sự việc này hiển thị được rất rõ ràng.

Chúng ta học Phật là cầu cái gì? Cầu trí tuệ! Phía trước đã nói trí tuệ cứu cánh viên mãn, chúng ta cầu là cầu cái này. Trí tuệ này nếu như hiện tiền rồi, thì vũ trụ nhân sinh đích thực là không gì không biết, không gì không thể, chúng ta gọi là “toàn tri toàn năng”, đây là lời khen ngợi Thượng đế. Phật nói cho chúng ta biết: “Hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai”, mỗi người đều là toàn tri toàn năng. Toàn tri toàn năng là thật, không phải giả. Không chỉ

biết được hiện tại, biết được quá khứ, biết được tương lai, hiện nay chúng ta gọi đây là thần thông không thể nghĩ bàn. Phật nói với chúng ta đây là bản năng, cái biết ấy là lẽ tất nhiên. Thế nhưng ngày nay chúng ta, cái biết tất nhiên lại không biết, trí tuệ đức năng của chúng ta bị mất rồi. Nói thật ra thì những điều mà Phật dạy cho chúng ta không có gì khác chỉ là khôi phục trí tuệ đức năng vốn có của chính chúng ta mà thôi.

Vì sao bị mất đi? Bởi vì mê, Phật nói với chúng ta là do mê mất. Hiện tượng của mê là gì? Mê là tâm của bạn động. Quý vị phải biết, Phật pháp nói về mê và giác, tâm giác là không động, tâm mê là động. Mất chúng ta thấy sắc, tai nghe âm thanh, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài liền khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm chính là mê. Cho nên, Phật dạy cho chúng ta làm sao trong hết thấy cảnh giới có thể làm được không khởi tâm, không động niệm, không

phân biệt, không chấp trước thì bản năng của chúng ta sẽ khôi phục trở lại, cảnh giới này gọi là định.

Thế nên, Phật pháp đã nói rất nhiều pháp môn, có rất nhiều pháp môn tu hành. “Tu hành”, định nghĩa của hai chữ này cũng phải đem nó làm cho rõ ràng. Hành là hành vi, chúng ta thường nói tư tưởng, kiến giải, lời nói, việc làm, đây đều là hành vi. Hành vi sai thì đem nó sửa lại cho đúng, đây gọi là tu hành. Cho nên, tu hành chính là tu sửa cách nghĩ, cách nhìn, cách nói, cách làm sai lầm của chúng ta, bạn đem tất cả những sai lầm này sửa lại cho đúng thì gọi là tu hành.

Tiêu chuẩn của chánh là gì? Tiêu chuẩn là giới và định. Giới là tiêu chuẩn trên hình thức, định là tiêu chuẩn của tâm lý, tiêu chuẩn đó là thật. Định là tâm thanh tịnh, cho nên tiêu chuẩn bên ngoài dĩ nhiên là quan trọng, nhưng tiêu chuẩn bên trong lại càng

quan trọng hơn. Vì sao vậy? Bởi vì tiêu chuẩn bên trong mới có thể đạt đến mục đích tu học của chúng ta, đó là khai trí tuệ. Trí tuệ là thứ mà chúng ta mong cầu, *“nhờ giới được định, nhờ định khai tuệ”*, đây là đem cái tiêu chuẩn này nói rất rõ ràng cho chúng ta.

Trí tuệ là bên trong, chính là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề mà buổi đầu tiên đã báo cáo cùng với quý vị, dịch sang tiếng Trung Quốc nghĩa là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong Tam học nó thuộc về tuệ học. Phải làm sao mới đạt được Chánh giác, Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Phải có định công, nói thật ra công phu định lực này chính là tâm thanh tịnh. Mức độ đạt được của tâm thanh tịnh là không tương đồng, cạn thì được Chánh giác, cứu cánh viên mãn thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong kinh Đại thừa, Phật nói với chúng ta, Bồ-tát từ lúc sơ phát tâm, Bồ-tát từ quả vị

sơ tín một mạch cho đến thành Phật có 52 giai vị, 52 giai vị này từ đâu mà có? Chính là từ công phu định lực, từ mức độ tâm thanh tịnh không như nhau, từ nơi đây mà phân chia ra. Cho nên, hết thấy đều là tu tâm thanh tịnh, điều này rất quan trọng, đây là tổng cương lĩnh của Phật pháp. Tóm lại mà nói, chúng ta học Phật phải biết được chính mình đang tu cái gì? Nếu rời khỏi quy luật, rời khỏi tâm thanh tịnh thì không phải là học Phật. Bất luận là bạn tu học pháp môn nào, bạn niệm Phật cũng tốt, trì giới cũng tốt, đọc kinh cũng tốt, trì chú cũng tốt, tham thiền cũng tốt, nếu như bạn không tuân thủ theo quy củ thì sẽ không đạt được tâm thanh tịnh; đó đều là hình thức bên ngoài, đều là giả, không phải thật, tuy là học nhưng không có hiệu quả.

Cũng giống như học sinh đi học ở trường vậy, rất chăm chỉ, mỗi ngày đều đi học, nhưng mỗi lần đi thi đều không đạt yêu cầu, vậy thì có tác dụng gì? Không có tác

dụng gì cả! Cho nên, sự tu học của bạn, cho dù tu pháp môn nào chỉ cần hiểu được quy củ, có thể tuân theo quy củ thì sẽ đạt được tâm thanh tịnh, tâm mỗi năm sẽ thanh tịnh hơn, mỗi tháng sẽ thanh tịnh hơn; một phần thanh tịnh thì được một phần trí tuệ, hai phần thanh tịnh thì được hai phần trí tuệ, trí tuệ chân thật là khởi tác dụng từ tâm thanh tịnh. Thế nên, tâm không thể có phiền não, không thể có lo âu, không thể có vướng bận, Phật gọi những điều này đều là vọng tưởng, sẽ làm hỏng việc, đã hỏng việc thì không thể thành tựu được gì.

Có không ít người trong thế gian cho rằng: Nếu hằng ngày tôi không nghĩ ngợi, tính toán thì làm sao có thể giàu được? Họ cho rằng những tiền của đó đều là từ vọng tưởng của họ mà có được, đây không phải sự thật. Giàu có của họ là do đời trước tu, đời trước tu nhân thì đời này có được quả báo. Họ không khởi vọng tưởng thì phú quý

cũng đến, chẳng phải do khởi vọng tưởng mà có. Nếu như trong mạng của họ không có phú quý thì khởi vọng tưởng như thế nào đi chẳng nữa cũng chẳng có được. Bạn xem, người khởi vọng tưởng rất nhiều nhưng có mấy người được giàu có. Điều này đã chứng minh, có thể thấy được phú quý không phải do khởi vọng tưởng mà được; không phải nói bạn cố gắng như thế nào thì bạn có thể kiếm được tiền, không có đạo lý này. Liên quan đến vấn đề này, quý vị phải tỉ mỉ mà đọc Liễu Phàm Tứ Huấn thì sẽ hiểu rõ. Liễu Phàm Tứ Huấn đọc một lần thì không được, ngày trước tôi dạy người ta phải đọc một mạch 300 lần thì ấn tượng mới sâu, tỉ mỉ mà nghĩ sẽ thấy có đạo lý, bạn phải tu nhân thì mới được quả báo.

4. Lục độ

Phần sau của khoa mục này là Lục độ,

Lục độ chính là giảng tu nhân cho bạn, bạn sẽ được quả báo gì.

4.1 Bố thí

Thứ nhất nói với bạn về “bố thí”. Ý nghĩa của bố thí cũng là nghĩa rộng, không phải nghĩa hẹp. Đến nơi nào đó quyên góp một ít tiền thì đó chính là bố thí, nhưng không phải là vô lượng bố thí, đây chỉ là một loại. Trên thực tế thì Lục độ chính là sáu cương lĩnh lớn của đời sống Bồ-tát, phạm vi mỗi một điều trong đó đều bao hàm toàn bộ đời sống, toàn bộ hoạt động của cả đời chúng ta, chúng ta phải hiểu được ý nghĩa thật sự của nó.

Thí dụ nói về bố thí, bố thí là nói hy sinh phụng hiến; ngoài việc chúng ta dùng tiền tài để bố thí còn có bố thí thể lực của chúng ta. Bạn là người nội trợ trong gia đình, mỗi ngày bạn ở nhà sắp xếp các công việc trong gia

đình, để cho người cả nhà sống được thoải mái, đó là bạn đang hành bố thí. Nếu không phải là người học Phật thì sẽ cảm thấy mỗi ngày đều làm những công việc giống nhau, như giặt quần áo, nấu cơm mệt chết đi được, hằng ngày cảm thấy công việc này thật vô vị, buồn chán không chịu nổi! Nếu như là người học Phật thì mỗi ngày đều đang hành Bồ-tát đạo, mỗi ngày đang tu sáu ba-la-mật, an vui vô cùng! Cũng là làm những công việc này, bạn xem ý niệm đó một khi chuyển trở lại thì sẽ không giống nhau. Bạn đang tu bố thí ba-la-mật, bạn đang cúng dường cho người cả nhà bạn. Không chỉ cúng dường cho người cả nhà bạn, nhà của bạn dọn dẹp được gọn gàng ngăn nắp, để cho hàng xóm láng giềng, bạn bè thân thích thấy được gia đình bạn là một gia đình mẫu mực, có thể ảnh hưởng được họ, giáo hóa được họ. Có thể thấy được việc làm này của bạn không chỉ lợi ích cho một chúng sanh mà là lợi ích cho hết thảy

chúng sanh. Một người làm gương cho tất cả mọi người, gia đình này của tôi là gương mẫu cho tất cả gia đình trên toàn thế giới. Bạn làm kinh doanh, cửa hàng của bạn là gương mẫu cho tất cả những người mở cửa hàng, công ty của bạn là gương mẫu cho tất cả công ty trong thiên hạ, đây gọi là “hành Bồ-tát đạo, phổ độ chúng sanh”. Bạn liền hiểu được cảnh giới của sáu ba-la-mật rộng lớn biết dường nào! Cho nên, mở rộng đến tận hư không khắp pháp giới, không chỉ ở địa cầu này, địa cầu này quá nhỏ. Bạn có tâm lượng lớn như vậy, có tầm nhìn xa như vậy, đây chính là Bồ-tát Đại thừa.

Thông thường thì Phật đem những ý nghĩa này quy nạp lại, tất cả bố thí đều không ngoài ba loại lớn, ba loại lớn đã bao hàm hết thấy.

Bố thí tài

Thứ nhất là bố thí tài, trong bố thí tài bao gồm nội tài và ngoại tài; ngoại tài là những vật ngoài thân, nội tài là thân thể. Mỗi ngày thân thể chúng ta lao động, làm những công việc này thì gọi là bố thí nội tài, làm lợi ích cho người khác, không phải vì bản thân. Quả báo của bố thí tài là được tiền của, cho nên bạn có nhiều tiền của như vậy, tiền của là từ đâu đến? Do đời trước bạn tu, trong mạng bạn có sẵn. Nếu trong mạng không có, bạn nghĩ cách gì đi chăng nữa cũng không nghĩ được.

Bố thí pháp

Thông minh trí tuệ là quả báo của bố thí pháp, bố thí pháp là chịu dạy người khác, không hẹp hòi, không keo pháp, bản thân là tự nguyện. Người khác muốn học với tôi, tôi

sẽ tận tâm tận lực dạy bảo họ. Cho nên, quả báo của bố thí pháp là được thông minh trí tuệ, quả báo của bố thí vô úy là được khỏe mạnh sống lâu.

Bố thí vô úy

Cái gì gọi là vô úy? Chúng sanh có lo sợ bất an, bạn có thể an ủi họ, bạn có thể bảo vệ họ, giúp cho thân tâm của họ có cảm giác an toàn, loại giúp đỡ này gọi là bố thí vô úy, quả báo có được là khỏe mạnh sống lâu.

Chúng sanh họ muốn tiền của, thông minh họ cũng muốn, khỏe mạnh sống lâu họ cũng muốn, đây là quả báo. Có quả ắt có nhân, nếu họ không tu nhân thì sẽ không thể có được những quả báo này; ba loại nhân đều tu thì ba loại quả đều viên mãn, người được như vậy sẽ khiến cho người thế gian chúng ta ngưỡng mộ. Chúng ta tỉ mỉ

quan sát thế gian này, người có đầy đủ ba loại phước báo này quả thật không nhiều, có rất nhiều người giàu có nhưng bản thân lại không thông minh trí tuệ, thế nhưng lại có rất nhiều người thông minh giúp họ làm việc, nghe theo sự điều hành của họ. Những người thông minh trí tuệ đó là do đời trước tu tuệ không tu phước, còn người điều hành này là đời trước tu phước không tu tuệ. Tỉ mỉ dùng những đạo lý, cảnh giới được nói trong Phật pháp để quan sát nhân quả của người trong thế gian này, tuy rằng rất phức tạp nhưng không khó để nhìn ra, sau đó mới biết được chính mình phải làm như thế nào để trải qua những ngày tháng sau này.

Thật ra mà nói thì trí tuệ so với phước đức còn quan trọng hơn. Tiền của là phước báo, nhưng sử dụng tiền của như thế nào, làm sao để vận dụng tiền của là trí tuệ cao độ. Nếu như không có trí tuệ, khi cho bạn những tiền của này thì bạn sẽ tạo vô lượng vô biên

tội nghiệp, nhưng chính mình lại cho rằng đã làm được rất nhiều, rất nhiều việc tốt. Kỳ thật không phải, không có trí tuệ thì không thể phân biệt chân vọng, không thể phân biệt tà chánh, không thể phân biệt đúng sai, thậm chí ngay cả thiện ác, lợi hại cũng không thể phân biệt, thường thì chính mình đã làm sai việc mà bản thân cũng không hề biết! Những việc này trong Liễu Phàm Tứ Huấn nói được rất rõ ràng, trong đó nói về thiện và ác: Có thật - có giả, có voi - có đầy, có đúng - có sai, nói được rất tường tận. Biểu hiện bên ngoài thấy nó là việc thiện, nếu như trải qua vài năm mà nó biến chất, chuyển thành xấu, thì việc thiện đó không phải là thật, không phải viên mãn; hiện tại xem thấy không phải là việc thiện nhưng trải qua vài năm lại chân thật là việc thiện, đây là chân thiện. Cho nên, việc thiện ác này phải nhìn kết quả của nó, không thể nhìn trước mắt. Hiện tại là thiện, tương lai vẫn là thiện, về sau lại càng thiện hơn, đó là

đại thiện; hiện tại là thiện mà tương lai là bất thiện, việc này không phải là chân thiện. Cho nên, tầm nhìn phải sâu phải rộng! Người xưa thường nói: “Phòng họa lúc chưa phát sinh”, đây là trí tuệ cao độ, không phải là người có tri kiến thiện cận có thể làm được.

Thí dụ hiện nay rất nhiều quốc gia có những chính sách phúc lợi xã hội. Ngay sau khi đại chiến [thế giới lần] thứ hai, một số quốc gia tiên tiến đã khởi xướng chính sách phúc lợi xã hội, người thời đó đều khen ngợi là việc tốt. Gần đây tôi ở Singapore, ông Lý Quang Diệu có một bài phát biểu được đăng trên báo chí, nói rằng chế độ phúc lợi xã hội không tốt. Ông nói: “Ban đầu khi ông xem thấy chính sách này cũng rất thích, bây giờ nghĩ lại thì Singapore nhất định không thể thực hiện chính sách phúc lợi xã hội”. Ông đã nhìn thấy điều gì? Nhìn thấy nước Mỹ bị chính sách phúc lợi làm cho suy sụp, nước Pháp cũng bị suy sụp, rất nhiều quốc gia thực

hiện chính sách phúc lợi; bởi vì có phúc lợi để sinh hoạt nên mọi người có thể không cần làm việc, khiến cho người dân trở nên lười biếng, thu nhập của quốc gia không đủ cho chi tiêu, thế nên đến sau cùng tài chính của quốc gia nhất định sẽ bị chính sách này làm cho sụp đổ, hiện tượng này thật đáng buồn. Người nào có thể nhìn xa được như vậy? Cho nên, đây không phải là một việc tốt, cần phải trải qua mấy chục năm sau thì mới xảy ra vấn đề, mọi người nhìn thấy liền lo sợ, lo sợ thì phải làm sao? Có thể phế bỏ [chính sách] được không? Không có cách gì phế bỏ. Người dân đã được lợi ích rồi thì chính phủ muốn phế bỏ là điều không thể, chỉ còn cách kéo dài từ đời này sang đời khác, kéo đến sau cùng khi quốc gia này bị sụp đổ mới thôi, không còn cách gì để cứu vãn.

Chúng tôi đã sống ở Mỹ không ít năm, khoản nợ hiện nay của nước Mỹ đến đời thứ ba vẫn trả không hết, bạn nói xem thật đáng

sợ! Đầu đại chiến lần thứ hai, nước Mỹ là nước giàu nhất trên thế giới, là nước chủ nợ, ngày nay lại biến thành nước mang nợ. Vì sao phải gánh nợ? Chính sách phúc lợi đã kéo nó suy sụp. Đây là đưa ra một thí dụ, thiện ác không phải từ trên bề ngoài mà có thể nhìn ra được, bạn phải nhìn cho sâu, phải nhìn cho xa thì mới phát hiện được trước mắt là tốt còn hậu họa về sau là vô cùng. Cho nên, người không có đại trí tuệ thì họ làm sao có thể nhìn ra được.

4.2 Trì giới

Sáu ba-la-mật chính là đời sống của Bồ-tát, trong sáu phép tắc này thì điều thứ hai là trì giới. Trì giới là nghĩa rộng, ở đây không phải là nghĩa hẹp, chính là tuân thủ phép tắc, phải dưỡng thành quan niệm tuân thủ phép tắc. Phải tuân thủ theo giáo huấn của Phật, pháp luật, quy chế của quốc gia, cho

đến phong tục tập quán, quan niệm đạo đức đều phải tuân thủ. Cho dù những điều đó có trong pháp luật hay không có trong pháp luật, những điều không được viết ra đều phải tuân thủ.

4.3 Nhẫn nhục

Thứ ba là nhẫn nhục, nhẫn nhục chính là nói với chúng ta, bất luận là đối người, đối sự, đối vật đều phải có tâm nhẫn nại, phải có tâm bền bỉ. Trong kinh Kim Cang, Phật nói được rất hay, “hết thảy pháp thành tựu do nhẫn”. Thành tựu hết thảy pháp thế gian hay xuất thế gian nhất định phải có năng lực nhẫn nại. Việc lớn phải có tâm nhẫn nại lớn, việc nhỏ thì có tâm nhẫn nại nhỏ, không có tâm nhẫn nại sẽ không thể thành tựu.

Vì sao “nhẫn” phải đi đôi với “nhục”? Danh từ này là do thời xưa khi dịch kinh,

những vị pháp sư này đặc biệt vì người Trung Quốc mà phiên dịch, trong kinh điển Phạn văn không có nghĩa này. Ngày xưa người Trung Quốc chúng ta, người có học rất xem trọng chữ “nhục”. Quý vị đọc sách xưa có lẽ đã nghe qua, người đọc sách thuở trước ở Trung Quốc thường cho rằng “kẻ sĩ thà chết chứ không chịu nhục”, sĩ là người đọc sách, ngày nay gọi là phần tử tri thức. Phần tử tri thức bị chém đầu cũng không sao, nhưng không thể bị sỉ nhục, họ rất xem trọng vấn đề này. Cho nên khi dịch kinh, pháp sư dịch thành nhẫn nhục, nhục cũng có thể nhẫn được thì còn cái gì không thể nhẫn được? Điều có thể nhẫn được, đặc biệt là vì phần tử tri thức của Trung Quốc mà dùng chữ này, chính là nói với chúng ta nhất định phải nhẫn, nhẫn được điều mà người khác không thể nhẫn thì bạn mới có thể thành tựu được điều mà người khác không thể thành tựu, mới có thể “thành đại công, lập đại nghiệp”.

4.4 Tinh tấn

Thứ tư là tinh tấn. Tấn là tiến bộ, tinh là tinh thuần, thuần mà không tạp, không phải là tạp tấn, không phải là loạn tấn, luôn luôn tinh tấn, ngày ngày cầu tiến bộ, có thể thấy được giáo dục của Phật pháp không thể lạc hậu. Nói Phật pháp xưa lắm rồi, Phật pháp là thứ của mấy ngàn năm trước, nếu bạn có cái quan niệm này thì là sai lầm. Phật pháp là muôn đời luôn mới, ngày ngày cầu tiến bộ, vĩnh viễn là đi trước thời đại, vĩnh viễn dẫn dắt thời đại. Không thể nói rằng Phật pháp đi theo thời đại, vậy thì sai rồi. Tinh thần này chúng ta nhất định phải nhận thức cho rõ ràng, nếu như nhận thức không rõ ràng thì bạn không thể xem là một người đệ tử học Phật, căn bản là bạn không thể đạt được lợi ích chân thật trong Phật pháp; Phật pháp vĩnh viễn là mới, vĩnh viễn là nguyên lý nguyên tắc chỉ đạo trong cuộc sống của chúng ta. Bất luận là thời đại nào, bất luận

là khu vực nào, những nguyên lý nguyên tắc ấy xác thực là siêu việt không gian và thời gian, chúng ta gọi đó là kinh điển, là chân lý vĩnh hằng không thay đổi.

4.5 Thiên định và Bát-nhã

Thứ năm là thiên định. Có tiến bộ rồi sau đó mới có thể đạt được thiên định, nhưng thiên định này cùng với thiên định thông thường mà chúng ta tu học ý nghĩa hoàn toàn khác nhau. Thiên định này là chính mình, chính là ngày nay chúng ta nói trong tâm có chủ thể, sẽ không bị cảnh giới bên ngoài làm dao động, đây gọi là định, là thiên định. Thiên định này là cách nói như vậy, chứ không phải bảo bạn mỗi ngày ngồi xếp bằng quay mặt vào vách để tu định, không phải ý nghĩa này. Cũng giống như hai câu phía sau của kinh Kim Cang nói: “Bất thủ ư tướng, như như bất động”. “Bất thủ ư

tương” chính là không bị những cảnh giới bên ngoài dụ hoặc. Khoa học kĩ thuật ngày nay phát triển, thay đổi từng ngày, làm cho người ta nhìn thấy hoa hết cả mắt, sau khi bạn nhìn thấy mà vẫn “như như bất động”, tuyệt đối không bị nó làm dao động, đây là bạn có công phu, có chủ tể, đây gọi là định. Nếu thấy những thứ này một cách rõ ràng sáng tỏ, không phải tôi không biết, mọi thứ tôi đều biết thì đây gọi là trí tuệ, cái này chính là bát-nhã ba-la-mật trong sáu ba-la-mật. Bạn có trí tuệ rồi thì đời sống của bạn sẽ trải qua một cách dễ dàng.

Chúng ta nêu ra một thí dụ đơn giản để nói, chúng ta mua một cái tủ lạnh, cái tủ lạnh này nếu dùng cẩn thận, bảo dưỡng tốt thì chỉ ít có thể dùng được 10 năm. Trong 10 năm này, tủ lạnh được cải tiến thay đổi rất nhiều, mỗi ngày bạn nhìn thấy, bạn có cần đi đổi một cái mới hay không? Không cần thiết, cái ở nhà vẫn còn dùng được, vẫn còn

rất tốt, đây chính là bạn có công phu định lực, không bị hoàn cảnh bên ngoài làm dao động. Không đến mức khi nhìn thấy rồi than rằng: “Ai da! Tủ lạnh của mình cũ rồi, người ta xem thấy sẽ đánh giá mình là người lạc hậu, ngại quá đi!” Thế là vội vàng đi mua ngay một cái mới, đó là do bạn bị ngoại cảnh mê hoặc. Bạn không có trí tuệ, cũng không có công phu định lực, bạn bị mê rồi, những ngày tháng của bạn đương nhiên sẽ không dễ trải qua. Vì sao vậy? Những số tiền mà bạn kiếm được đều bị những thứ ngày ngày đổi mới, ngày ngày thay đổi này lừa mất.

Cho nên Phật pháp giảng về ma, những gì là ma? Những thứ này đều là ma, đủ loại mẫu mã này đều là ma đến giày vò bạn, đến dụ dỗ bạn, làm cho bạn động tâm, khiến bạn phải mua đồ của họ, khiến bạn đem tất cả tiền kiếm được thảy đều cúng dường, dâng tặng cho họ, đó gọi là cảnh ma. Người có trí tuệ sẽ như như bất động, ta mặc được ấm,

ăn được no, nhà ở không cần lớn. Đây là tôi thường nói, ở nhà cho lớn rồi làm nô lệ cho cái nhà ấy, vậy thì khổ lắm! Thế nên, nhà càng nhỏ càng tốt, đời sống mới tự tại. Người có trí tuệ thì đời sống sẽ an vui, hạnh phúc, mỹ mãn, trong tâm không có âu lo, không có dính mắc, không có phiền não, không có phân biệt, không có chấp trước, người này trải qua đời sống của thần tiên. Chứ không giống như người thế gian sống khổ đến như vậy! Phật dạy chúng ta như vậy, quý vị nghĩ thử xem có đạo lý hay không?

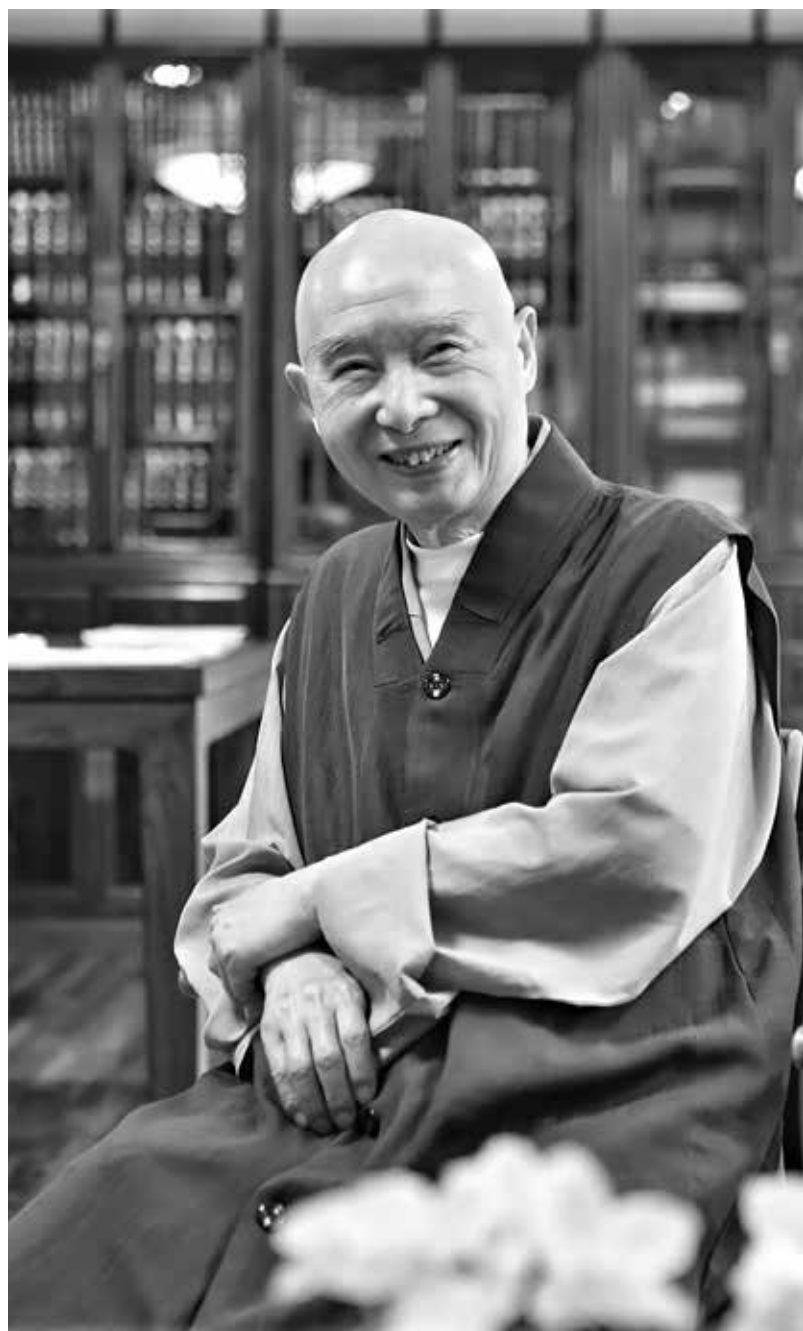
5. Thập nguyện

Khoa mục sau cùng là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát, đây là đã đạt đến cứu cánh viên mãn. Chỗ không giống nhau giữa Phổ Hiền Bồ-tát với những vị Bồ-tát khác chính là những người này có tâm lượng rộng lớn, họ khởi tâm động niệm

đều vì hết thấy chúng sanh mà lo nghĩ, họ không có nghĩ cho bản thân, cũng không nghĩ cho gia đình, cũng không nghĩ cho một quốc gia, một thế giới của họ, họ là vì tận hư không khắp pháp giới, tâm lượng này lớn, lớn đến chân chánh viên mãn. Tâm lượng lớn như vậy nên hết thấy hạnh mà họ tu đều là đại hạnh.

Quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ, đã đọc được rất nhiều, người của thế giới Tây Phương Cực Lạc ai ai cũng là tu hạnh Phổ Hiền, mỗi một người đều có tâm lượng và tầm nhìn xa rộng giống như A-di-đà Phật, noi theo A-di-đà Phật, hành trì như vậy thì gọi là hạnh Phổ Hiền.





VII. THỨ LỚP TU HỌC PHẬT PHÁP

1. Tín - Giải - Hành - Chứng

Chúng ta lại bàn đến thứ lớp, trình tự tu học Phật pháp đó là *tín - giải - hành - chứng* mà trên kinh Phật thường nói đến. Thứ nhất bạn phải có lòng tin, nếu như không có lòng tin đối với Phật pháp thì bạn sẽ không thể tiếp nhận. Thế nhưng muốn sanh khởi lòng tin đối với Phật pháp, thật ra mà nói cũng

không phải là việc dễ dàng. Trong pháp thế xuất thế gian thường gọi là duyên phần, trong Phật pháp gọi là thiện căn, phước đức, nhân duyên, nếu như không có thiện căn, phước đức, nhân duyên thì việc này sẽ khó khăn. Chúng ta thử nghĩ kĩ xem, lời nói này đích thật rất có đạo lý.

Lúc tôi còn trẻ, thời còn đi học ở trường, xã hội khi đó đang phá trừ mê tín, mọi người đều xem Phật pháp là mê tín, thế nên chúng tôi ngay từ nhỏ đã có cái quan niệm này, đều xem Phật pháp là mê tín, không có cách nào tiếp nhận. Thế nhưng biểu hiện bên ngoài của Phật giáo cũng thật sự là mê tín. Bởi vì Đài Loan diện tích nhỏ, có mấy vị pháp sư ở Đại Lục thường đến Đài Loan giảng kinh thuyết pháp, còn ở Đại Lục thì không có. Đến sau này chúng tôi mới hiểu được, Đại Lục lúc đó pháp sư có thể giảng kinh thuyết pháp đại khái không đến mười mấy người, quốc gia lớn như vậy, diện tích lớn như vậy

mà chỉ trong mấy thành phố lớn mới có pháp sư giảng kinh.

Như chúng tôi sống ở nông thôn, trong thị trấn nhỏ, căn bản là xưa nay chưa từng nghe nói có người giảng kinh, chỉ nghe nói hòa thượng tụng kinh, chưa từng nghe qua có người giảng kinh; cho nên những gì biểu hiện ra đều là độ người chết, những người trong chùa ấy là qua lại với người chết, cùng với họ phát sinh mối quan hệ, dường như không có quan hệ gì với người sống cả, hoàn toàn không thể tiếp nhận. Thế nên, lúc tôi còn trẻ là đi nhà thờ, đến nhà thờ của Ki-tô giáo còn được nghe mục sư giảng đạo, nhiều khi nghe thấy cũng rất có đạo lý, trái lại Phật pháp lại không bằng họ. Vì thế, khi tôi còn trẻ, tôi rất ngưỡng mộ Ki-tô giáo và Hồi giáo, tôi ở trong Hồi giáo một năm, ở trong Ki-tô giáo hai năm, thế nhưng đối với Phật pháp nhất định không thể tiếp nhận.

Sau khi đến Đài Loan tôi muốn học triết học, và đã theo tiên sinh Phương Đông Mỹ học triết học. Phương tiên sinh dạy cho tôi mục sau cùng là triết học kinh Phật, ông nói với tôi triết học trong kinh Phật là triết học đỉnh cao nhất trên toàn thế giới, đây là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Tôi mới bỗng nhiên hiểu ra trong Phật giáo lại có thứ tốt như vậy, đáng tiếc là không có người biết, nói thật ra ngay cả pháp sư xuất gia cũng chưa từng nói. Bạn đến học Phật, bạn đến niệm Phật, nhưng vì sao học Phật, vì sao niệm Phật thì pháp sư xuất gia lại không nói ra được. Vậy thì làm sao có thể dạy được một số phần tử tri thức. Phần tử tri thức rất ngoan cố, rất cố chấp! Làm sao có thể tiếp nhận? Cho nên, sau khi tôi tiếp nhận sự dạy bảo của Phương tiên sinh mới biết được trong Phật môn có bảo vật, có thứ quý giá! Thế nhưng thứ quý giá này người xuất gia không nói ra được, chúng tôi chỉ có cách là

đến chùa tìm kinh điển để đọc, thật vô cùng đáng tiếc! Về sau mới được nghe các pháp sư giảng kinh, có thể gặp được nhân duyên này thật quá khó, quá khó. Phát hiện được có thứ tốt đến như vậy, nếu không phát hiện ra thì cũng chẳng nói làm gì, đã phát hiện ra thì chúng ta đạt được thọ dụng, nếu như không thể đem Phật pháp phát dương quang đại, không thể làm tốt việc hoằng dương Phật pháp, chúng ta sẽ cảm thấy rất có lỗi với đức Phật Thích-ca Mâu-ni, rất có lỗi với những điển tịch được lưu truyền lại nhiều như vậy. Có như vậy mới thôi thúc tâm mình, phải chân thật phát tâm hoằng dương Phật pháp.

Vì thế, bản thân tôi là sau khi học giảng kinh xong mới xuất gia, tôi vừa xuất gia liền giảng kinh, trên giảng đài đến năm nay đã được 38 năm rồi, dường như chưa từng gián đoạn. Một tuần ít nhất giảng 7 buổi, có khi nhiều thì đến 20, 30 buổi, một ngày giảng 3 buổi, đã giảng được một thời gian rồi. Đây

là cảm nhận được chúng ta có sứ mạng, Phật pháp là gì? Phải đem điều này nói ra cho mọi người biết, phải bảo mọi người để mọi người biết.

Cho nên, việc đầu tiên là chúng ta phải tin tưởng đối với thầy, tin tưởng đức Phật Thích-ca Mâu-ni không gạt chúng ta, tin tưởng tổ sư đại đức các đời trước, đời đời truyền thừa là chân thật; nhưng chỉ tin thôi vẫn chưa đủ, nhất định phải cầu giải. Phật pháp không như Ki-tô giáo, tin rồi liền có thể được cứu. Phật pháp chỉ tin thôi thì không được! Tin thôi là bạn mới vào cửa, chưa được cứu, mà phải giải, phải lý giải, lý giải chính xác, lý giải viên mãn. Sau khi giải rồi thì phải hành, hành là phải làm cho được, đem lý luận, phương pháp, cảnh giới của Phật pháp biến thành hành vi đời sống, việc làm thực tế của chính chúng ta, đây gọi là hành. Vậy cái gì gọi là chứng? Ở ngay trong đời sống chúng thực những đạo lý, giáo huấn mà Phật

đã giảng không sai; chứng minh những gì tôi tin lúc trước, chứng minh những gì tôi lý giải trước đây, là ý nghĩa như vậy. *Tín - giải - hành* - *chúng* cùng với nghĩa thứ đã giảng ở phía trước là như nhau, có thứ lớp, có viên dung như vậy nó mới viên mãn.

2. Giới - Định - Tuệ cùng tu

Thứ hai là quy củ tu học của thời xưa tốt hơn so với hiện nay của chúng ta, đây là “sư thừa” mà ngày đầu tiên đã nói với quý vị, điểm này vô cùng quan trọng. Ngày xưa, sư thừa của Trung Quốc ứng dụng trong văn hóa truyền thống, ứng dụng trong sự tu học của Phật pháp là quyết định chính xác, nhất định có thể đạt đến mục tiêu giáo học. Nhà Phật chúng ta gọi là tu hành chứng quả, việc này đích thật là có thể đạt được. Thế nhưng ngày nay sư thừa đã không còn nữa rồi. Kể ra tôi cũng rất may mắn, vẫn còn tiếp xúc được

một chút rìa, có lẽ từ tôi trở về sau sẽ bị đoạn mất, sẽ không còn nữa. Tôi vẫn còn tiếp xúc được một chút rìa quả thật là rất may mắn!

Thế nào gọi là sư thừa vậy? Học theo một vị thầy. Khi tôi còn trẻ thích học triết học, gặp được tiên sinh Phương Đông Mỹ, tôi rất tôn kính thầy, tôi muốn học với thầy. Lúc đó tôi còn đi làm, chỉ mong ngoài thời gian làm việc ra được đi dự thính lớp học của thầy. Thầy dạy triết học ở Đại học Đài Loan, tôi muốn đến trường nghe thầy giảng nên đã viết một bức thư xin phép thầy, tôi còn viết một bài văn gửi cho thầy xem. Thầy đã trả lời thư của tôi và muốn tôi đến nhà thầy để gặp mặt nói chuyện, sau buổi nói chuyện thầy không để tôi đến trường học. Thầy nói với tôi, trường học của 40 năm trước so với hiện nay là không giống nhau, trường học hiện nay không sánh bằng 40 năm trước, sự thay đổi quá lớn, thầy giáo không giống thầy giáo, học trò không giống học trò. Thầy nói:

Nếu cậu đến trường để nghe giảng thì nhất định sẽ thất vọng lớn. Thầy nói câu này như dội gáo nước lạnh lên đầu tôi, không còn hy vọng. Khi tôi nghe xong trong lòng thấy rất buồn. Đến sau cùng thầy rất từ bi, thầy nói: Thế này đi, chủ nhật hàng tuần cậu đến nhà tôi, tôi sẽ dạy cậu học 2 giờ đồng hồ. Cho nên, tôi học triết học là học ở trên chiếc bàn tròn nhỏ trong phòng khách nhà thầy, cứ như vậy một thầy một trò mà truyền dạy. Lúc đó tôi không hiểu, sau khi học Phật rồi mới biết đây gọi là sư thừa.

Vì sao thầy không cho tôi đến trường học để dự thính? Thầy muốn ngăn ngừa ô nhiễm, ngày nay gọi là bảo vệ môi trường. Tôi đến trường nhất định sẽ quen biết rất nhiều thầy, nhất định quen biết rất nhiều bạn học, một khi tiếp xúc thì sẽ thường xuyên nói chuyện, trong tâm liền bị ô nhiễm. Thế nên, thầy muốn dạy một mình tôi, chỉ nghe lời của thầy. Hay nói cách khác, ngoài một

mình thầy ra thì bất cứ người nào tôi cũng không có cơ hội tiếp xúc. Xem sách thì chỉ có một mình thầy chỉ dạy, đây là sự thương yêu của thầy đối với học trò, thật sự được lợi ích. Nghe theo hai vị thầy thì bạn sẽ khởi vọng tưởng, hai người giảng sẽ không giống nhau, rốt cuộc người nào đúng, người nào không đúng, phiền phức liền đến. Nghe ba vị thầy là ngã ba đường, bốn vị thầy là ngã tư đường, không biết theo ai! Đến sau cùng chắc chắn không thể thành tựu. Một vị thầy là đi một con đường, đây thật sự là từ bi. Cho nên, tôi vô cùng cảm kích thầy, học trò đối với thầy phải 100% nghe lời.

Thế nên, tôi từ nơi Phương tiên sinh mới biết được chỗ tốt của Phật pháp, nhận thức Phật pháp, tin tưởng Phật pháp. Khi tôi nghiên cứu kinh Phật kể ra cũng rất may mắn, mới xem kinh Phật được một tháng thì có một người bạn giới thiệu cho tôi quen biết Đại sư Chương Gia, đại sư là một đại đức

bên Mật tông, chân thật có học vấn, có đạo đức. Nhìn dáng vóc của đại sư khi đó có lẽ khoảng 61, 62 tuổi, lúc đó tôi 26 tuổi. Cũng như Phương tiên sinh vậy, mỗi tuần đại sư cho tôi 2 giờ đồng hồ. Ngài biết tôi đọc kinh, khi có câu hỏi thì mỗi tuần gặp mặt một lần, tôi đưa ra câu hỏi và ngài giải đáp cho tôi. Đại sư dạy cho tôi một số cương lĩnh quan trọng trong tu học, nền tảng Phật học của tôi là do Đại sư Chương Gia kiến lập. Tôi theo ngài học ba năm, là một vị thầy.

Ba năm sau Đại sư Chương Gia viên tịch. Tôi không còn cách nào nên lại đi tìm một vị thầy khác, Lão cư sĩ Chu Kính Trụ giới thiệu tôi đến Đài Trung tìm Lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi theo thầy Lý 10 năm. Lần đầu tiên gặp thầy Lý, thầy hỏi tôi: “Lúc trước cậu theo học với những người nào, đã học được những gì?” Tôi rất đơn thuần chỉ theo một người, thầy Lý cũng rất bội phục Đại sư Chương Gia. Tuy là theo một mình đại

sư nhưng vẫn không được! Thầy Lý đưa ra điều kiện: Nếu cậu muốn theo tôi học thì từ nay trở đi chỉ được nghe một mình tôi giảng kinh thuyết pháp; ngoài tôi giảng ra thì bất kì pháp sư, cư sĩ đại đức nào giảng kinh nhất loạt đều không được nghe. Điều kiện thứ hai: Sách cậu đọc, bất luận là xem sách gì, nếu không được sự đồng ý của tôi thì không được xem. Điều kiện thứ ba thì càng khắt khe hơn: Trước đây những gì cậu học với Đại sư Chương Gia tôi đều không thừa nhận, phủ nhận hết, nếu ở đây thì phải học lại từ đầu.

Tôi nghĩ, hình như vị thầy này quá nghiêm khắc, quá khắt khe, nhưng suy nghĩ đến sau cùng thì vẫn là tiếp nhận điều kiện của thầy, làm học trò của thầy. [Đồng ý] như vậy rồi thầy liền bảo tôi, thầy nói: “Ba điều kiện này của tôi có kì hạn là 5 năm”, tôi phải tuân thủ 5 năm, hơn nữa lại rất khiêm tốn mà nói với tôi, thầy nói: “Năng lực của tôi có thể dạy cậu 5 năm”. Đây là sư thừa, ngày

nay đi đâu tìm được vị thầy như vậy? Học sinh nào chịu tiếp nhận những điều kiện này? Tôi được tiếp xúc một chút rìa của sự thừa, tôi đã tiếp nhận, thầy đưa ra điều kiện tôi liền tiếp nhận. Sau khi tiếp nhận khoảng nửa năm thì chân thật được lợi ích, được điều hay, cho nên tôi mới biết được trước đây thầy Phương, Đại sư Chương Gia đối với tôi đều rất chân thành, từ bi, thương yêu, bảo vệ hết mực, phòng ngừa tà tri tà kiến, giúp tôi đi trên con đường chánh. Cho nên, ở nơi thầy Lý tôi đạt được kết quả.

Ở dưới hội của thầy Lý tôi cảm nhận sâu sắc được điều tốt, điều lợi ích của cách dạy học này. Lão nhân gia ngài yêu cầu tôi tuân thủ 5 năm, tôi xin ngài kéo dài thêm 5 năm nữa, tôi giữ 10 năm, 10 năm tuyệt đối không trái phạm quy củ của ngài. Sau 10 năm quả thực đã khá thuần thực, đặc biệt là trên giảng đài có thể thấy ra được, thuận buồm xuôi gió, mọi việc như ý. Trước kia

giảng kinh phải chuẩn bị, chuẩn bị rất kỹ. Sau 10 năm không cần phải chuẩn bị, không cần viết bản thảo. Cho nên bây giờ nếu có người mời tôi đi diễn giảng, bảo tôi viết bản thảo thì tôi tuyệt đối không đi, vì không có thói quen này, tôi không có bản thảo, với lại tôi còn có thói quen gì? Đến khi ra đề tài thì lúc đó mới hạn định thời gian. Đưa ra đề tài bảo tôi giảng 2 giờ, 3 giờ đồng hồ thì tôi nhất định sẽ giảng không lệch một giây một phút nào, đến khi hết thời gian thì những gì tôi muốn giảng đều đầy đủ. Giảng kinh cũng là như vậy, xưa nay chưa từng chuẩn bị, sau 10 năm thì không cần nữa, đây là đạt được lợi ích từ nơi sư thừa. Cách dạy học thời xưa này so với cách dạy học của khoa học hiện đại thật sự cao minh hơn nhiều!

Vì thế, tôi khuyên mọi người “nhất môn thâm nhập”, trước tiên đem kinh Vô Lượng Thọ đọc 3000 lần, dụng ý là ở đâu? Đọc 3000 lần xong thì tâm của bạn đã định lại. Đọc

kinh chính là trì giới, đọc đến tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì tự nhiên sanh trí tuệ, đến lúc đó bạn nghe kinh, vừa nghe liền khai ngộ, liền hiểu được! Nếu như tâm bạn không thanh tịnh, vọng tưởng tạp niệm rất nhiều, dù chư Phật, Bồ-tát có đến giảng kinh thì bạn cũng không thể khai ngộ, đạo lý là ở chỗ này.





VIII. NGHỆ THUẬT GIÁO HỌC TRONG PHẬT PHÁP

Vẫn còn một vấn đề thường thức mà đồng tu học Phật nhất định phải biết, đó chính là nghệ thuật giáo học trong Phật pháp. Cách dạy học truyền thống này chính là nghệ thuật, thầy giáo tuyệt đối chịu trách nhiệm đối với học trò, đặc biệt chú ý tới học trò, hướng dẫn học trò được định, hướng dẫn học trò khai ngộ. Vị thầy như vậy đích thật là

cao minh, có trí tuệ, có phương pháp, họ chỉ ra cho bạn một con đường phá mê khai ngộ. Nhưng nếu như bạn không nghe lời, không tiếp nhận, vậy thì không còn cách gì. Nhất định phải hợp tác, thầy giáo dạy như thế nào thì bạn học theo như thế ấy, như vậy mới có thể thành công, đây là nghệ thuật dạy học.

Ngoài điều này ra, có thể nói Phật giáo ở hai ngàn năm trước, tất cả giáo học đã đạt đến nghệ thuật hóa cao độ, giống như âm nhạc Phạn âm của nhà Phật, đáng tiếc Phạn âm của nhà Phật cũng đã bị thất truyền, không phải những xướng niệm mà ngày nay chúng ta đang nghe; bạn tỉ mỉ nghe những xướng niệm ngày nay sẽ thấy lộn xộn, rối rắm! Chúng ta xem thấy ghi chép trong sách xưa, người xưa khi nghe được Phạn âm thì tâm thanh tịnh. Cho nên, Phạn âm có thể tịnh hóa thân tâm, đây là âm nhạc, dùng cái này để đạt được Tam học giới - định - tuệ. Dùng mỹ thuật, dùng điêu khắc, bạn xem tạo

tượng của Phật pháp, tượng Phật, tượng Bồ-tát, tượng A-la-hán, tượng thiên thần, tượng đó là biểu pháp, là dạy học. Nhưng ngày nay chúng ta xem thành thần minh để cúng bái, bạn nói xem có đáng lo hay không! Đã sai đến mức độ nào?

Chúng ta đưa ra một thí dụ phổ biến nhất, thí dụ bạn bước vào một ngôi chùa, chùa ngày trước chính là trường học, trường học của nhà Phật. Tại sao phải xây dựng theo hình thức cung điện? Bởi vì người dân thuở xưa của Trung Quốc, trong suy nghĩ của họ người tôn kính nhất chính là Hoàng đế, chỗ ở của Hoàng đế là cung điện, chỗ Phật, Bồ-tát giáo hóa chúng sanh cũng xây dựng theo hình thức cung điện, đạo lý là như vậy, gọi nơi ấy là “tự”. Vào thời nhà Hán, tự là danh xưng cơ quan làm việc của chính phủ, hiện nay đem nó biến thành miếu rồi, ý nghĩa này sai rồi! Nó là cơ quan làm việc của chính phủ, tự này của Phật giáo là giáo dục Phật-đà, công việc

chủ yếu trong đó là truyền bá giáo dục Phật-đà, Phật tự cũng giống như bộ giáo dục của Phật giáo vậy. Sau thời hậu Hán, Trung Quốc có hai nền giáo dục quan trọng. Giáo dục của nhà Nho, quốc gia đã chọn lấy Khổng Mạnh làm chính. Dưới Tể tướng có sáu bộ, trong đó có một bộ gọi là Lễ bộ, Lễ bộ là bộ giáo dục của quốc gia. Tự là do Hoàng đế trực tiếp quản lý, dưới Hoàng đế có chín tự; vị quan đứng đầu của tự gọi là khanh, cửu khanh.

Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, lúc đó do Hồng Lô tự tiếp đón, Hồng Lô tự là tương đương với bộ ngoại giao ngày nay, tiếp đón những khách đến từ nước ngoài. Về sau, Trung Quốc chúng ta muốn giữ họ ở lại Trung Quốc, không muốn để họ đi, phải làm thế nào? Hồng Lô tự không thể tiếp đón lâu dài được cho nên liền lập ra một cái tự khác, thế nên dưới Hoàng đế liền có mười tự. Tự mới này gọi là gì? Khi đó dùng ngựa trắng chở kinh, đem kinh Phật, tượng

Phật từ Tây vực chở về Trung Quốc, từ chỗ này bạn có thể thấy được lòng hậu đạo của người Trung Quốc. Công lao của ngựa trắng, chúng ta không thể quên ơn nó, thế nên tự này gọi là *Bạch Mã tự*, đây là ngôi Phật tự đầu tiên ở Trung Quốc. Cho nên, tự (chùa) là cơ cấu giáo dục của Phật giáo, không phải là miếu thờ thần, nhất định phải làm cho rõ ràng, sáng tỏ.

Đại diện của tự chính là lễ đường, ở giữa là thờ tượng Phật. Bạn xem chúng ta thờ là một vị Phật và hai vị Bồ-tát. Vì sao không thờ hai tượng Phật? Không thờ thêm mấy tượng Bồ-tát? Nhất định phải là một tượng Phật, hai tượng Bồ-tát. Phật đại biểu cho bản thể của tự tánh, biểu thị cho ý nghĩa này. Phật đại biểu cho chân tâm bản tánh của chúng ta, hai vị Bồ-tát đại biểu cho đức năng có trong tự tánh của chúng ta, phân ra làm hai loại lớn, một cái là trí tuệ, một cái là từ bi. Bạn xem, thông thường chúng ta thờ đức Phật Thích-ca Mâu-

ni, hai bên là Văn-thù và Phổ Hiền, Văn-thù đại biểu cho trí tuệ, Phổ Hiền đại biểu cho thực tiễn, một vị là giải, một vị là hành, “tri hành hợp nhất”, biểu thị ý nghĩa này. Trong Tây phương Tam thánh thì đức Phật A-di-đà đại biểu cho bản thể của tự tánh, Quán Âm đại biểu cho từ bi, Đại Thế Chí Bồ-tát đại biểu cho trí tuệ, vô lượng vô biên trí tuệ đức năng, lấy hai vị Bồ-tát này làm đại biểu là đủ rồi, không cần đến vị thứ ba. Nó là ý nghĩa biểu pháp, điều này phải biết, không phải là thần minh, các ngài là giáo học, để bạn nhìn thấy tượng Phật liền biết được ngài dạy cho bạn những điều gì.

Danh hiệu Thích-ca Mâu-ni chính là giáo học của Phật giáo, chính là phương châm dạy học trong giai đoạn hiện nay. Bởi vì người thế gian chúng ta thiếu lòng từ bi, tự tư tự lợi, cho nên phương châm dạy học của Phật giáo là nhân từ, Thích-ca nghĩa là nhân từ. Thứ hai là tâm của hết thảy chúng

sanh không thanh tịnh, từ sáng đến tối nghĩ tưởng lung tung, tham sân si mạn, cho nên trong danh hiệu có Mâu-ni, ý nghĩa của Mâu-ni chính là tâm thanh tịnh. Có thể thấy được danh hiệu của Phật, Bồ-tát từ đâu mà có? Danh hiệu chính là phương châm dạy học của giai đoạn hiện tại. Bất cứ người nào thành Phật ở nơi đây thì danh hiệu của họ đều phải gọi là Thích-ca Mâu-ni, đây là dựa vào tâm bệnh của chúng sanh mà tùy bệnh cho thuốc, chính là ý nghĩa này. Mỗi một vị Phật, mỗi một vị Bồ-tát đều biểu thị nghĩa thú thâm sâu của giáo học, nếu sau khi bạn hiểu rồi thì vừa nhìn thấy liền biết được, không cần nói lời nào, giáo học này của Phật pháp bạn sẽ đạt được rất viên mãn.

Chúng ta đưa một ví dụ rõ ràng hơn, thông thường khi chúng ta bước vào chùa chiền, kiến trúc đầu tiên của chùa chính là điện Thiên Vương, Tứ đại Thiên vương. Tứ đại Thiên vương gọi là thần hộ pháp, hộ cho

ai vậy? Hộ cho chính mình. Làm thế nào để bảo hộ chính mình? Các ngài dạy chúng ta những điều này, bạn nhìn vào tên gọi thì sẽ biết được. Đông phương Trì Quốc Thiên vương, ngài đại biểu cho việc tận hết trách nhiệm. Mỗi người chúng ta sống ở trong xã hội này, bất luận là bạn làm việc ở cương vị nào, bạn đều phải làm tròn bốn phận, chức trách của mình, như vậy mới đúng. Người người đều có thể làm tròn bốn phận chức trách thì xã hội làm sao không phồn vinh cho được? Làm sao không thịnh vượng cho được? Cho nên, chúng ta phải hiểu được đạo lý này, ngài đại biểu cho gánh vác trách nhiệm. Nam phương Tăng Trưởng Thiên vương đại biểu cho tiến bộ, mỗi ngày mới hơn, không ngừng đang cầu tiến bộ. Không thể nói việc này tôi làm tốt rồi thì không còn việc gì nữa, không thể được, vẫn phải cầu phát triển, vẫn phải cầu tiến bộ. Vị thứ ba là Quảng Mục Thiên vương, vị thứ tư là Đa Văn Thiên vương. Bạn

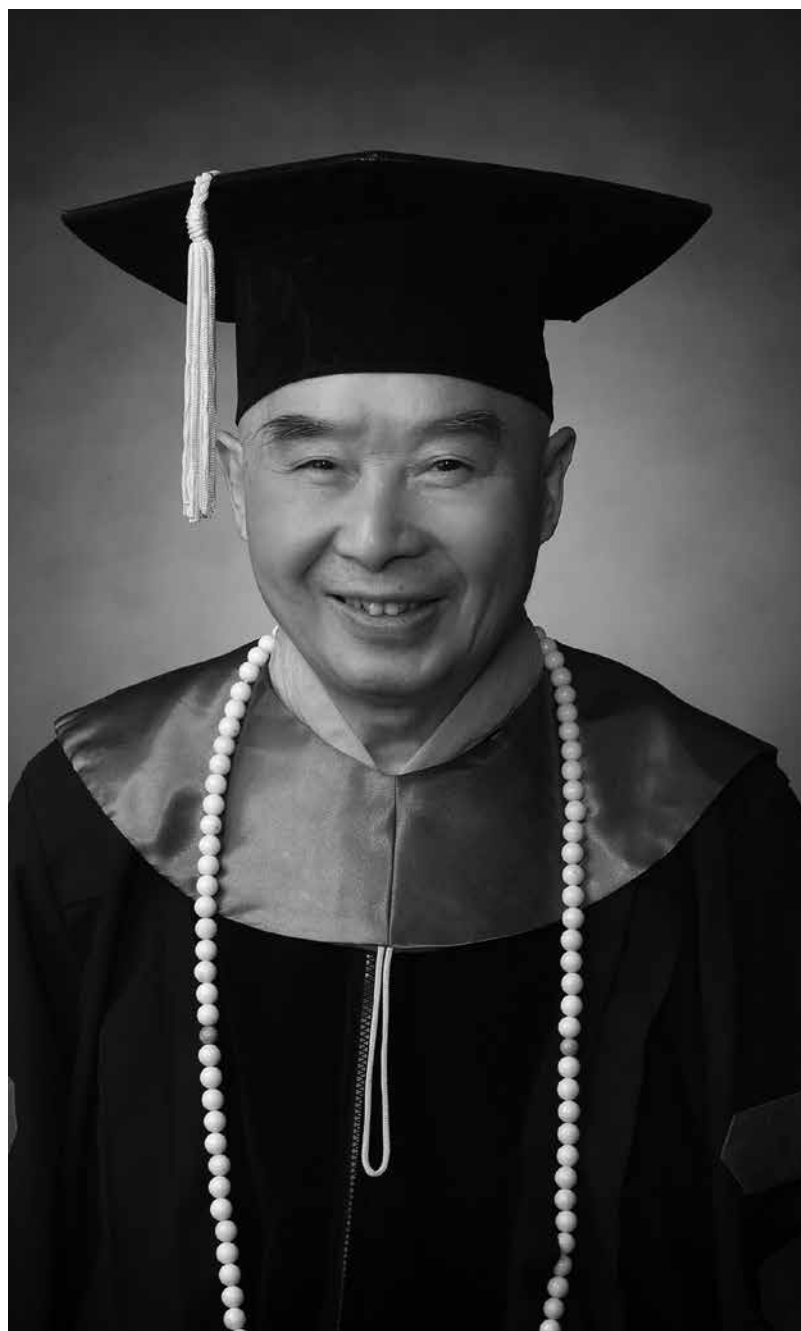
nghe qua tên liền biết được, Quảng Mục là nhìn nhiều, Đa Văn là nghe nhiều, “đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường”; bạn muốn làm tốt công việc của mình, muốn bản thân mình ngày ngày tiến bộ thì phải nhìn nhiều, nghe nhiều, các ngài đại biểu cho ý nghĩa này. Vì vậy, nếu bạn hiểu được thì sẽ cảm thấy rất thú vị!

Trên tay các ngài đều cầm đạo cụ, đạo cụ là có ý nghĩa. Bạn xem Trì Quốc Thiên vương bảo bạn tận hết trách nhiệm, trên tay ngài cầm là đàn tỳ bà, tỳ bà đại biểu cho cái gì? Điều chỉnh nhạc cụ, đại biểu tất cả cần vừa phải. Bạn xem, dây đàn không thể quá căng, căng quá thì sẽ đứt, chùng quá thì sẽ không vang, phải điều chỉnh cho vừa phải; chính là dạy bạn xử sự, đối người, tiếp vật phải chú trọng trung đạo, không thể quá mức cũng không thể bất cập, ngài biểu thị ý nghĩa này. Nam phương Tăng Trưởng Thiên vương đại biểu cho tiến bộ, trên tay ngài cầm

kiếm, bảo kiếm, kiếm trí tuệ, bạn không có trí tuệ bạn sẽ không thể tiến bộ, nếu bạn muốn tiến bộ thì trước tiên phải có trí tuệ, cho nên kiếm đại biểu cho trí tuệ. Tây phương Quảng Mục Thiên vương bảo bạn nhìn nhiều, trên tay ngài cầm một con rồng hoặc con rắn, đây là đại biểu cái gì? Rồng và rắn là biến hóa, đại biểu cho biến hóa khôn lường, trong xã hội này tất cả người, tất cả sự, tất cả vật đều biến hóa rất phức tạp, bạn phải tỉ mỉ quan sát, nó đại biểu cho biến hóa. Tay còn lại là cầm hạt châu, biết được trong sự biến hóa có bất biến, bạn nắm được nguyên lý nguyên tắc đó thì mới có thể khống chế được rồng hoặc rắn này, nó có đạo vị ở trong đây. Tay Bắc phương Đa Văn Thiên vương cầm cái ô, mọi người đều biết được ô là để ngăn ngừa ô nhiễm, ở trong xã hội phức tạp phải giữ gìn thân tâm của mình thanh tịnh, đừng để bị ô nhiễm. Hiện nay đều xem các ngài như thần minh để cúng bái, bạn nói có oan uổng hay

không. Mấy ai hiểu được đạo lý này!

Giữa điện là thờ Di-lặc Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát mặt cười hoan hỷ, cái bụng rất to, đại biểu cho cái gì? Đại biểu cho tâm hoan hỷ, gặp bất kì người nào cũng phải thường nở nụ cười, đối với người phải nét mặt tươi cười, bụng to là có thể bao dung, biểu thị ý nghĩa này. *“Sanh tâm bình đẳng, hiện tướng vui vẻ”*. Là một người đệ tử Phật khi xử sự, đối người, tiếp vật phải có lòng bao dung, phải sanh tâm hoan hỷ đối với hết thảy chúng sanh. Bạn xem kiến trúc đầu tiên này chính là một bài học cho chúng ta. Cho nên, nghệ thuật đó của nhà Phật thật sự quá tuyệt vời, quá hoàn hảo, một khi bạn hiểu rõ rồi thì không thể không bội phục sát đất. Đâu có giống như các chùa chiền hiện nay, khói hương bay nghi ngút đến ngọt ngào, khiến người nhìn thấy cảm khái muôn vàn!



IX. TỔNG KẾT

T
hời gian trôi qua thật nhanh, lần tọa đàm này của chúng ta đến hôm nay là viên mãn. “Nhận Thức Phật Giáo”, chủ đề này cũng là đơn giản giới thiệu cho quý vị. Những điều nói ở phía trước có một số ý nghĩa quan trọng vẫn chưa nói hết, chúng ta tận dụng một tiếng rưỡi đồng hồ sau cùng này làm một bổ sung rõ ràng hơn.

Tối nay còn có một số vị đồng tu phát

tâm thọ Tam quy ngũ giới, cũng ở nơi đây sẽ cử hành nghi thức đơn giản nhưng long trọng. Ý nghĩa của Tam quy ngũ giới chúng tôi có một băng thu âm, cũng có một quyển sách nhỏ cung cấp cho quý vị làm tham khảo. Ngày mai chúng tôi sẽ có một buổi diễn giảng ở Gold Coast (Úc), thế nên các đồng tu hy vọng tôi nhân cơ hội này đem Tam quy y giải thích một cách tường tận.

Chúng ta làm một tổng kết về Phật pháp: “Phật pháp là giáo dục thù thắng nhất, cứu cánh nhất, viên mãn nhất của Phật-đà đối với hết thảy chúng sanh. Mục đích dạy học của Phật pháp là khai mở trí tuệ đức năng vốn đầy đủ trong tự tánh của chúng ta”. Trên kinh Đại thừa, Phật nói với chúng ta: “Hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai”, hay nói cách khác, trong tự tánh của chúng ta vốn có đầy đủ trí tuệ, đức hạnh, tài nghệ, năng lực, cho đến phước báo cùng với hết thảy chư Phật là giống nhau, không

hai không khác.

Nếu như chúng ta muốn biết hoàn cảnh đời sống vật chất của Phật, thì trong kinh Vô Lượng Thọ, trong kinh Quán Vô Lượng Thọ chúng ta xem thấy thế giới Tây Phương Cực Lạc, trong kinh Hoa Nghiêm thấy được hoàn cảnh sống của đức Phật Tỳ-lô-giá-na. Thân của các ngài là thân ánh sáng màu vàng, thân kim cang bất hoại, vĩnh viễn không già, không bệnh, không có sinh tử. Trên kinh nói với chúng ta rất rõ ràng về hoàn cảnh cư trú [của các ngài], cung điện lầu các là do bảy báu tạo thành, đất đai của thế giới Tây Phương Cực Lạc là làm bằng lưu ly. Ngày nay, chúng ta gọi lưu ly là ngọc phỉ thúy, ngọc có màu xanh, trong suốt. Đường đi đắp bằng vàng ròng, chúng ta xem thấy đường đi được làm bằng vàng ròng là chỉ cho sự giàu sang, người thế gian chúng ta không thể sánh bằng. Trong kinh nói, thiên vương trên trời, phước báu của Đại Phạm Thiên vương

cũng không thể sánh bằng với người dân bình thường ở thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Vậy thì ở trong kinh, Phật nói những lời này có phải là để dụ hoặc chúng ta hay không? Hoàn cảnh sinh hoạt của Phật tốt đẹp như vậy. Những gì Phật nói là lời chân thật, tuyệt đối không có dụ hoặc, lừa gạt, không có những lời này. Bạn xem trong năm giới có “không nói dối”, đức Phật làm sao có thể nói dối cho được? Sự thật của nó như thế nào thì nói như vậy. Cho nên trong kinh Kim Cang nói: “*Như lai thị chân ngữ giả*”, “chân” chính là không giả dối, không hư ngụy. “*Thật ngữ giả*”, “thật” là thật thà, trung thực. “*Như ngữ giả*”, “như” chính là sự thật như thế nào thì y chiếu theo sự thật ấy mà nói, không cần phải thêm một chút, cũng không cần phải bớt một chút, hoàn toàn căn cứ vào chân tướng sự thật để nói, đây gọi là “*như ngữ*”. “*Bất cuống ngữ*” cũng chính là không nói dối. “*Bất dị ngữ*” là những lời của ngài cùng với hết thầy chư Phật

đều không khác nhau, Phật Phật đạo đồng, cái thấy của các ngài đều như nhau, cách nói cũng như nhau. Năm loại ngữ mà Phật nói trên kinh Kim Cang thì lấy “như ngữ” làm chính, sự thật đó như thế nào thì y theo sự thật ấy mà nói. Cho nên hết thảy pháp mà chư Phật, Bồ-tát giảng cho chúng ta có thể nói đều là chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Hoàn cảnh sinh hoạt ngày nay của chúng ta vốn là hoàn cảnh sinh hoạt mỹ mãn thù thắng, nay không còn nữa, bị mất rồi. Phật nói cho chúng ta biết, cái mất này không phải là thật sự mất, mà là mê mất. Bạn đã mê mất tự tánh, trí tuệ đức năng của tự tánh không thể hiện tiền. Giáo học của Phật pháp không có gì khác [chính là] dạy cho chúng ta giác ngộ, dạy chúng ta phá mê, phá mê khai ngộ, vô lượng vô biên đức năng có trong tự tánh của chúng ta tự nhiên sẽ hiện tiền; những cảnh giới hiện ra chính là Hoa Nghiêm và thế giới Tây Phương Cực

Lạc, hình dáng [hiện ra] đó gần giống nhau, không có khác biệt. Đây là mục đích dạy học của Phật pháp, có thể nói thù thắng không gì sánh bằng.

Những danh từ như Phật, Bồ-tát, La-hán phía trước đã báo cáo với quý vị rồi, đó là tên gọi của học vị trong giáo dục Phật-đà. Khi chúng ta chân chánh giác ngộ rồi thì lấy được học vị thứ nhất, Chánh giác gọi là A-la-hán; lại tiến thêm một bậc có thể đạt được Chánh đẳng Chánh giác thì gọi là Bồ-tát, học vị của Bồ-tát cao hơn học vị của A-la-hán; đến khi đạt được giác ngộ cứu cánh viên mãn rồi thì chúng ta gọi họ là Phật, cho nên Phật là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Có thể thấy được Phật, Bồ-tát, La-hán là tên gọi học vị trong nhà Phật, cũng giống như hiện nay đi học ở trường có những danh xưng như tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân.

Vì vậy, Phật pháp là pháp bình đẳng,

hết thầy chúng sanh vốn dĩ thành Phật, đây là những gì đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Viên Giác: “Hết thầy chúng sanh vốn dĩ thành Phật”. Vốn dĩ là Phật, hiện nay lại muốn làm Phật thì có lý nào không thành công cho được! Đây đích thật là đã kiến lập đầy đủ lòng tin cho chúng ta trên con đường tu hành chúng quả, chúng ta tu học có căn cứ của lý luận. Lý luận này rất khẳng định, quyết định không phải hư vọng, không phải hư cấu.

Vậy phải làm thế nào để khôi phục tự tánh của chúng ta? Điều này nhất định phải nói đến tu hành. Chúng ta mê, mê chính là sai lầm, đối với cả vũ trụ nhân sinh chúng ta đã nghĩ sai, thấy sai. Tuy thời nay có không ít nhà khoa học, ngày nay gọi họ là nhà lý luận, vật lý học, họ đối với vũ trụ lớn, vũ trụ nhỏ, vũ trụ lớn là thái không, vũ trụ nhỏ là hạt tử, ngày nay còn nói đến lượng tử, đây là vật chất nhỏ nhất. Họ đã làm rất nhiều

bài báo cáo cho chúng ta, chúng ta nghe rồi cảm thấy hết sức ngạc nhiên, có phải là chân tướng hay không? Có thể nói là chân tướng, một phần của chân tướng, nhưng không phải là toàn bộ chân tướng. [Đối với] chân tướng cứu cánh viên mãn thì những nhà khoa học, nhà triết học này có cách gì để hiểu rõ hay không? Trên kinh, Phật bảo với chúng ta là không thể được. Nếu như người thế gian có năng lực nhận biết rõ ràng chân tướng của vũ trụ nhân sinh thì Phật sẽ không cần phải xuất thế, Phật xuất hiện ở thế gian không còn ý nghĩa nữa, những vấn đề này các bạn đều có thể tự giải quyết. Phật xuất hiện ở thế gian là do các bạn muốn giải quyết vấn đề nhưng không có cách gì giải quyết, ngài không thể không giúp bạn giải quyết.

Vì sao lại nói tất cả học thuyết trên thế gian không thể giải quyết được vấn đề này? Trên cơ bản mà nói là do phương pháp có sai lầm. Những gì mà người thế gian đang

dùng, trong Phật pháp chúng ta gọi là “thế trí biện thông”, thông minh trí tuệ của thế gian, bắt nguồn của thông minh trí tuệ này là đến từ trong tâm ý thức. Bản chất của ý thức là phân biệt và nghiên cứu, chúng ta dùng suy nghĩ, tư duy để nghiên cứu, là dùng cách này để đạt được. Ngày nay, lại dùng thêm rất nhiều thiết bị khoa học tiến bộ để quan sát, dùng những cách này. Nhưng Phật nói cho chúng ta biết, phương pháp này không thể giải quyết được vấn đề.

Trong nhà Phật nếu như nói đến triết học thuần túy, thuần là học thuật thì Phật pháp có, không phải không có, những gì Pháp Tướng tông nói chính là nói về điều này. Pháp Tướng tông có thể giải thích được viên mãn hay không? Không thể. Vì sao vậy? Vì dùng suy nghĩ. Suy nghĩ là phân biệt, là ý thức, những gì ý thức có thể giải thích được là có phạm vi nhất định. Trên thực tế thì chân tướng của vũ trụ nhân sinh không thể dùng

tâm phân biệt, nghĩa là dùng phương thức tư duy để lý giải, để nghiên cứu thảo luận, đức Phật bảo chúng ta phải dùng phương pháp gì vậy? Dùng tâm thanh tịnh, dùng công phu thiền định. Thiền định đạt đến độ sâu nhất định thì giống như những gì trên kinh Lăng Nghiêm nói: “Tịnh cực quang thông đạt”, thanh tịnh đến mức độ nhất định thì tâm địa sẽ phóng quang, mới có thể thấy rõ vũ trụ nhân sinh, đạt đến chiếu kiến, lúc đó những gì bạn thấy được chính là chân tướng sự thật.

Cho nên, phương pháp của nhà khoa học ngày nay cùng với phương pháp của người học Pháp Tướng trong Pháp Tướng tông của chúng ta là giống nhau. Thế nên, cùng lắm những gì trong Pháp Tướng tông của chúng ta giảng, họ chỉ có thể giải thích trong phạm vi của a-lại-da thức, phạm vi này thì được. “*Duy thức sở biến*”, họ có thể giải thích được cái này. Nhưng vào sâu hơn một tầng là “*duy tâm sở hiện*” thì họ không có cách gì, họ chưa

đạt đến. Tâm ý thức này, chúng ta ngày ngày nghĩ, sức mạnh của ý nghĩ rất lớn, bên trong có thể nghĩ tới a-lại-da thức, bên ngoài có thể nghĩ tới hư không pháp giới, có thể thấy được tác dụng của ý thức thứ sáu đích thực là vô cùng rộng lớn, nhưng vẫn không tới được “chân như bốn tánh”. Nói đến chân như bốn tánh thì một chút biện pháp nó cũng không có. Nếu như không minh tâm kiến tánh thì bạn sẽ không thể giải quyết được vấn đề.

Cho nên, có những điều mà nhà khoa học phát hiện được, hiện nay cảm thấy rất kỳ lạ, nhưng qua mấy mươi năm sau lại có phát hiện mới thì định luật cũ liền bị lật đổ. Hiện nay rất nhiều nhà khoa học biết được, tuy là khoa học kỹ thuật không ngừng tiến bộ nhưng không dám nói định luật đó của họ là chân lý, định luật đó của họ là vĩnh hằng, không ai dám nói những lời này. Người học Phật chúng ta biết được, họ đã dùng sai phương pháp. Nếu như những nhà khoa học

này họ chịu tu thiền định vậy thì không còn gì bằng, định mới có thể sanh trí tuệ, trí tuệ mới có thể thấy rõ chân tướng của hết thảy pháp thế xuất thế gian.

Vì thế tu hành rất quan trọng, tu sửa lại những cách nghĩ, cách nhìn, cách nói và cách làm sai lầm của chúng ta, đây gọi là tu hành. Phía trước đã nói qua nguyên lý tu hành là giới - định - tuệ, giới là tuân thủ phép tắc, giữ quy củ; định là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh khởi tác dụng thì sanh trí tuệ, đó là trí tuệ chân thật, không phải là thông minh của thế gian. Người thế gian thông minh, phiền não của họ vẫn chưa có đoạn, thị phi nhân ngã, tham sân si mạn chưa có đoạn, nếu so với người thông thường thì có thể thấy nhạt hơn, nhẹ hơn, nhưng họ vẫn chưa có đoạn dứt. Cho nên, điều này ở trong Phật pháp không thừa nhận họ là chánh giác, tuy họ giác nhưng không tính là chánh giác, chánh

giác nhất định phải đoạn kiến tư phiền não.

Thế nên từ đây có thể biết, cương lĩnh tu hành của chúng ta là giác - chánh - tịnh. Người mới học Phật thì ban đầu là tiếp nhận Tam quy giới. Tam quy giới là tự mình phát tâm: *“Tôi muốn học Phật, tôi muốn tiếp nhận giáo dục của Phật-đà”*. Bạn phát tâm này, bạn tìm đến tăng đoàn, tìm đến người xuất gia, vị thầy xuất gia này sẽ đem tổng cương lĩnh, mục tiêu, phương hướng tu học của Phật pháp truyền dạy cho bạn, đây gọi là “truyền thọ tam quy”. Truyền dạy cho bạn những điều này, bạn biết được sắp tới con đường này phải đi như thế nào, đi về hướng nào.

Quy y Tam bảo, Tam bảo là Phật - Pháp - Tăng, thế nhưng danh từ này rất dễ sanh ra hiểu lầm, vừa nghe nói đến Phật thì nghĩ ngay tới tượng Phật, nghe đến pháp thì nghĩ ngay tới kinh điển, nghe đến tăng liền nghĩ ngay tới người xuất gia. Xin nói cho quý vị

biết, ba thứ này không đáng tin cậy. Một đám lửa thì tượng Phật bị cháy rụi, bản thân người xuất gia còn không tu hành, tự mình còn khó giữ, bạn làm sao có thể dựa vào họ? Sao có thể đáng tin cậy được? Cho nên phải hiểu được Tam bảo chân thật là gì? Tượng Phật, kinh sách, người xuất gia chỉ là hình thức của Tam bảo, hình dáng của Tam bảo. Tam bảo có thực chất, thực chất của Tam bảo chính là trong tâm của chính mình, cho nên Phật dạy cho chúng ta quy y Tam bảo chính là quy y “tự tánh Tam bảo”. Tự tánh chúng ta có giác, quy y tự tánh giác. Vậy thì bạn sẽ nói, hiện tại tôi không giác, tôi đang mê, tuy là tự tánh có giác nhưng tự tánh giác đang ở đâu? Bạn phải hiểu được đạo lý này, tại sao bạn lại mê? Mắt tôi thấy sắc, vì sao lại bị mê? Bởi vì bạn có phân biệt, chấp trước nên bạn bị mê. Nếu như bạn rời khỏi phân biệt, chấp trước, tôi hỏi bạn, thứ này để ngay trước mắt bạn, bạn có nhìn thấy hay không? Bạn không

thể nói không thấy, [nhìn thấy] rất rõ ràng, rất sáng tỏ nhưng trong tâm không có phân biệt, không có chấp trước, đây chính là giác. Một khi có phân biệt, một khi có chấp trước thì liền bị mê ngay. Bạn phải tỉ mỉ mà suy nghĩ việc này.

Trước mắt chúng ta đây là gì? Hoa. Nó có màu gì? Màu đỏ, màu vàng, màu xanh, [vậy là] mê rồi. Bạn nói mê ở chỗ nào? Nó vốn dĩ không có tên, vốn dĩ không có màu sắc. Màu sắc từ đâu mà có? Nhà khoa học hiện nay biết được, là do mức độ phản xạ ánh sáng trở lại không giống nhau. Vốn dĩ làm gì có màu sắc, vốn là không có tên gọi. Tượng là tượng giả, tên là do con người đặt cho nó, tên giả. Chúng ta biết được, “tên mà có thể gọi được không phải là tên thường hằng”, tên là giả, tượng cũng là giả. Cho nên, rời khỏi tất cả danh và tướng thì bạn sẽ thấy được chân tướng. Chúng ta là đang mê trong cái tượng giả và tên giả này, mê trong những hình tướng, sắc

tướng và danh tướng này, phải đem những thứ này trừ bỏ đi, đích thực là không chấp trước, bạn phải rèn luyện bản thân như vậy, đây gọi là quy y Phật, quy y Giác.

Người ta hỏi bạn đây là gì? Đây là hoa. Vì sao gọi là hoa? Bởi vì quý vị gọi nó là hoa thì tôi cũng gọi nó là hoa, quý vị gọi nó là lá thì tôi cũng gọi nó là lá, tôi là tùy thuận theo chấp trước của mọi người mà gọi, bản thân không chấp trước, đây chính là chư Phật, Bồ-tát. Cho nên, tâm các ngài thanh tịnh, mây trần không nhiễm. Cùng ở với chúng sanh, bạn gọi tên gì thì tôi cũng gọi tên như thế, bạn chấp trước như thế nào thì tôi cũng làm như thế đó, “hằng thuận chúng sanh, hòa quang đồng trần”, nhưng chính mình hoàn toàn sạch sẽ, một chút không tham nhiễm, đây gọi là quy y Giác.

Cho nên sau khi bạn quy y rồi, sau này trong đời sống thường ngày, khi xử sự đối

người tiếp vật bạn phải biết dùng tâm như vậy, vậy là bạn giác ngộ rồi, bạn không còn mê hoặc nữa. Tâm của bạn vĩnh viễn là thanh tịnh, vĩnh viễn là bình đẳng, với lại còn có thể giúp đỡ hết thảy chúng sanh, đây gọi là quy y Phật.

Quy y Pháp, pháp là chánh tri chánh kiến, tư tưởng chính xác, kiến giải chính xác, điều này thì khó. Sau khi chân chánh giác ngộ thì tư tưởng, kiến giải đó mới là chính xác, hiện giờ chúng ta vẫn chưa đạt được, chưa đạt được thì phải làm sao? Trước tiên phải tiếp nhận những gì đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng trong kinh điển, cách nghĩ, cách nhìn đó của ngài là chính xác. Trước tiên chúng ta phải nương dựa vào ngài, nhưng nương dựa vào ngài chỉ là một thời gian ngắn, là một giai đoạn mà thôi, Phật không bảo chúng ta cứ nương dựa vào ngài mãi, không có đạo lý này.

Bạn là người mới học, giống như học sinh trong trường phải nhờ cậy vào thầy cô, sau khi tốt nghiệp rồi thì bạn phải tự chủ, bạn phải đi ra ngoài. Cũng giống như cha mẹ nuôi dạy con cái, khi nó còn nhỏ thì bạn cần phải chăm sóc nó, nó phải phụ thuộc vào bạn, khi nó dần dần trưởng thành rồi thì nó sẽ không còn phụ thuộc vào bạn nữa. Nếu cả đời ỷ lại vào bạn, vậy thì đứa trẻ đó chẳng có hy vọng gì.

Phật dạy chúng ta cũng là như vậy, trước khi bạn chưa đại triệt đại ngộ thì phải nương tựa vào thầy, vị thầy nương tựa đó là Thích-ca Mâu-ni Phật. Hôm nay tôi ở nơi đây truyền thọ Tam quy, bạn không thể nương tựa vào tôi. Nương tựa vào tôi thì bạn đã sai, sai lầm nghiêm trọng! Nương tựa vào Thích-ca Mâu-ni Phật, nương tựa vào A-di-đà Phật. Phật ở đâu? Kinh điển chính là Phật. Kinh Vô Lượng Thọ là do Thích-ca Mâu-ni Phật giảng cho chúng ta, 48 nguyện là do A-di-đà Phật

giảng cho chúng ta. Chúng ta y theo lời giáo huấn trong kinh điển, chính là nương tựa Phật. Phật đích thân chỉ dạy cho chúng ta thì làm gì có sai lầm! Chúng ta phải thực hành những lời Phật dạy, chúng ta phải nỗ lực đi làm; những gì Phật dạy chúng ta không được làm thì chúng ta nhất định không làm, đây mới là đệ tử Phật, là học trò ngoan của Phật. Tất cả đều lấy đây làm y cứ cho đời sống, công việc, đối nhân xử thế của chúng ta, đó gọi là quy y Pháp.

Quy y Tăng, tăng đại biểu cho ý nghĩa thanh tịnh, đại biểu cho hòa hợp. Phía trước đã giảng qua “Lục hòa kính” cho quý vị, tăng đại biểu cho điều này. Vừa nhìn thấy người xuất gia bạn không nên nghĩ: “Ai da! Người xuất gia này có phải là cao tăng hay không? Người xuất gia này có phá giới hay không?” Họ là cao tăng cũng tốt, phá giới cũng tốt, không liên quan tới bạn. Thế nhưng có một việc liên quan tới chúng ta, chính là nhắc nhở bản thân,

ta có tuân thủ Lục hòa kính hay không? Ta có tu tâm thanh tịnh hay không? “Tăng là đại biểu cho sáu căn thanh tịnh, mảy trần không nhiễm.” Cho nên, khi thấy hình tướng này thì phải nghĩ tới tâm của mình có thanh tịnh hay không. Ý nghĩa của tăng là thanh tịnh, hòa kính, đây mới thật sự gọi là quy y.

Có như vậy thì Tam bảo ở thế gian mới khởi tác dụng. Chúng ta mê đã quá lâu rồi, mê từ vô lượng kiếp đến ngày nay, thường hay phạm phải những tật xấu cũ, thói quen xưa. Ở nơi đây đã thọ Tam quy, đã giảng rõ ràng cho bạn, nhưng vừa ra khỏi cửa liền quên sạch sẽ, vậy thì còn tác dụng gì nữa? Cho nên trong nhà bạn nên có bàn thờ Tam bảo, bạn thờ tượng Phật, nhìn thấy tượng Phật là nhắc nhở chính mình phải giác. Giác cái gì vậy? Sáu căn của ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, ta không phân biệt, không chấp trước. Không khởi tâm, không động niệm là định, không phân biệt, không

chấp trước là giác, cách tu định tuệ là như vậy. Không phải từ sáng đến tối xếp bằng quay mặt vào vách, định đó không có tác dụng! Định chân thật là ngay trong đời sống thường ngày, tu định khi sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần. Không khởi tâm, không động niệm chính là thiền định, không phân biệt, không chấp trước là tuệ, trí tuệ cao độ. Bạn thấy được rất rõ ràng, rất sáng tỏ, bạn thấy màu sắc bằng tánh thấy, nghe âm thanh bằng tánh nghe.

Người minh tâm kiến tánh, họ khác với chúng ta ở chỗ nào? Chính là khác chỗ này. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần là khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Sáu căn của họ tiếp xúc với cảnh giới sáu trần là không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm. Cái họ thấy được là chân tướng, cái chúng ta thấy là vọng tướng. Tâm họ dùng là chân tâm bất sanh bất diệt, còn chúng ta là dùng vọng

tâm sanh diệt, khác nhau là ở chỗ này. Nếu như bạn học được rồi thì bạn cũng có thể làm Phật, cũng có thể làm Bồ-tát. Bạn phải sáng tỏ đạo lý này, phải hiểu được bí quyết này, biết được chính mình phải tu như thế nào. Điều này chính là trong lúc quy y phải đem đạo lý giảng cho rõ ràng, giảng cho tường tận, đây là chân thật truyền thọ cho bạn.

Nhưng cũng có người nói, khi thượng sư của Mật tông truyền thọ phải quán đánh, chúng ta không có quán đánh, vậy là kém hơn họ một bậc rồi. Việc quán đánh đó có thật sự linh nghiệm hay không? Khi ở Mỹ, tôi đã hỏi qua không ít vị đồng tu, họ rất nhiệt tình lái xe mười mấy giờ đồng hồ đến để nhận quán đánh của một vị Rinpoche, rưới vài giọt nước lên đầu. Sau khi trở về, tôi hỏi họ: “Bạn đã khai trí tuệ chưa? Phiền não của bạn đã giảm nhẹ hơn chưa?” Họ lắc đầu nói: “Chưa có!”. Vẫn còn tốt, họ còn nói lời thành thật. Tôi nói: “Nếu như vậy vài giọt

nước lên đầu bạn mà gọi là quán đánh, vậy khi bạn đi tắm dùng vòi hoa sen xối nước lên đầu thì chính là đại quán đánh rồi!” Không hiểu được phương pháp này, không hiểu được ý nghĩa này, hoàn toàn là làm trên hình thức, bạn nói xem đáng tiếc biết bao! Ngày nay chúng ta quy y, thọ giới đều là hình thức, không giảng rõ ràng cho bạn. “Quán” có ý nghĩa giống như từ bi gia trì. “Đánh” là Phật pháp thù thắng nhất, là pháp cao nhất, không gì cao hơn pháp này. Dem chỗ cao nhất của Phật pháp truyền trao cho bạn, dạy cho bạn, đó gọi là quán đánh.

Quý vị xem chú giải kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, trong đó có thọ pháp quán đánh, chú giải của ông nói được rất rõ ràng. Bản thân Hoàng lão cư sĩ là thượng sư của Mật tông, không gạt người, không yêu cầu người khác đưa tiền. Ở Mỹ, mỗi lần quán đánh phải mất 50 đồng, quy y cũng phải thu tiền. Tôi đến Miami giảng

kinh, các đồng tu muốn tôi truyền thọ Tam quy, trước tiên họ hỏi tôi: “Pháp sư, giá quy y của ngài là bao nhiêu?” Bạn nói xem còn có cách gì nữa! Những người trẻ thời nay tiếp nhận qua giáo dục bậc cao, lấy được bằng thạc sĩ, tiến sĩ rồi mà vẫn nghe lời gạt! Tin giả không tin thật, nghe gạt không nghe khuyên, thế giới hiện nay là như vậy, thật khiến người ta cảm thán.

Thế nên, ngày nay chúng ta tu học pháp môn Tịnh độ, biết được ở trong hết thầy kinh điển thì kinh Vô Lượng Thọ là đệ nhất, chân thật là pháp cao nhất! Dem kinh Vô Lượng Thọ, kinh A-di-đà truyền trao cho bạn, đó là đại quán đánh. Bạn đọc kinh văn này một lần thì hết thầy mười phương chư Phật sẽ quán đánh cho bạn một lần. Một ngày bạn đọc hai lần thì quán đánh cho bạn hai lần. Hết thầy mười phương chư Phật Như Lai quán đánh cho bạn mà bạn không biết, vẫn còn muốn đi tìm một người mê hoặc điên đảo nào đó để

vẩy vài giọt nước cho bạn, rồi gọi đó là quán đánh, bạn nói xem bạn có đáng thương hay không! Cho nên, nhất định phải biết được phương pháp tu học, nhất định phải nắm chắc cái nền tảng này. Nền tảng này chính là Tam phước, “hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu mười nghiệp thiện”, đây là căn bản. Bắt đầu tu hành từ đâu? Bắt đầu tu từ đây. Nếu như bạn cảm thấy những điều này tôi không thể làm được thì đó chính là không có thiện căn, không có phước đức. Phật pháp ngay trong một đời này, bạn sẽ không có hy vọng. Bất luận bạn ở trong cửa Phật tu học pháp môn nào, chỉ được một chút bề ngoài thường thức Phật học mà thôi, bạn nhất định không đạt được lợi ích chân thật của Phật pháp, vì bạn không thực sự đi làm. Nhất định phải nỗ lực đi làm, phải làm cho bằng được, vậy thì mới đúng. Cho nên, điều này quan trọng vô cùng.

Bắt tay làm từ Tam phước, đối nhân xử thế phải y theo Lục hòa kính. Đặc biệt là ngày nay chúng ta di dân sang bên đây, địa phương này cũng có rất nhiều người của các quốc gia khu vực khác di dân đến, hình thành một xã hội đa văn hóa. Khi người của mỗi một quốc gia, khu vực đến bên này sinh sống, bối cảnh văn hóa, bối cảnh lịch sử, hình thái ý thức, tín ngưỡng tôn giáo, phương thức sinh hoạt trong quá khứ đều không giống nhau, chúng ta làm sao có thể chung sống hòa thuận, đôi bên tôn trọng lẫn nhau, đôi bên giúp đỡ lẫn nhau, việc này rất quan trọng. Những việc này đều ở trong Lục hòa kính, “kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân”, đều ở trong đây. Cho nên, sau khi chúng ta học rồi liền có tác dụng, liền có hiệu quả. Không những đời sống của chính mình có thể trải qua hạnh phúc mỹ mãn, còn có thể khiến cho xã hội

này, khu vực này, quốc gia này đạt được hòa bình an định, phồn vinh thịnh vượng. Chúng ta học Phật là học những điều này.

Những đạo lý, phương pháp, cảnh giới này căn cứ theo kinh điển của Phật, chúng ta phải thâm nhập, nghiên cứu thảo luận, phải giảng giải. Lý thông hiểu rồi, phương pháp hiểu rõ rồi, biết được áp dụng vào trong đời sống như thế nào, áp dụng vào công việc, áp dụng vào trong xử sự đối người tiếp vật. Phật pháp là đời sống, Phật pháp không phải nói suông, không phải học thuyết huyền bí, không phải là thứ sau khi học rồi mà không thể dùng được. Phật pháp không những mang đến hạnh phúc hiện tiền cho chúng ta, hơn nữa Phật pháp còn có thể giúp cho chúng ta đạt được hạnh phúc vĩnh hằng. Giáo dục thế gian nói về một đời, giáo dục của Phật pháp nói đến ba đời, nói về quá khứ, nói đến tương lai, cho nên đây là giáo dục ba đời, giáo dục viên mãn nhất, chúng ta nhất định

phải nhận biết nó thật rõ ràng.

Sau cùng chúng ta quy tâm Tịnh độ. Vì sao phải quy tâm Tịnh độ? Trong đây có đạo lý rất sâu. Quy tâm Tịnh độ là hết thầy chư Phật khuyên bảo chúng ta, việc này không phải nói người tu Tịnh độ khuyên quý vị, không phải! Hết thầy mười phương chư Phật khuyến khích quý vị đọc kinh A-di-đà. Quý vị đã đọc qua kinh A-di-đà, trong đó có đoạn tán thán của sáu phương Phật, không có vị Phật nào không tán thán Tịnh độ. Trên kinh Vô Lượng Thọ, Thích-ca Mâu-ni Phật tán thán càng rõ ràng hơn, tán thán A-di-đà Phật là “ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật”, đã tán thán đến tột đỉnh. Chúng ta muốn quy y với một vị Phật, thì vua trong các vị Phật là tốt nhất! Cho nên Thích-ca Mâu-ni Phật không nói rằng: “Bạn quy y với tôi”, ngài khuyên chúng ta quy y với A-di-đà Phật, bởi vì A-di-đà Phật là vua trong các vị Phật.

Chúng ta lại xem từ xưa tới nay, từ trong kinh Hoa Nghiêm thấy được Văn-thù Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát đều cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu thế giới Cực Lạc không thù thắng, Văn-thù, Phổ Hiền là Đẳng giác Bồ-tát của thế giới Hoa Tạng cần gì phải cầu vãng sanh! Vì sao mà các ngài cầu vãng sanh? Điều này đáng để chúng ta suy ngẫm. Nếu Tây Phương không phải đặc biệt thù thắng thì đã không vãng sanh thế giới Cực Lạc. Những việc này trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói được rất rõ ràng.

Lúc trước, tôi giảng qua kinh Vô Lượng Thọ rất nhiều lần, hiện nay đồng tu ở Singapore đã đem bộ băng thu âm diễn giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai ở Đồ Thư Quán làm thành đĩa CD, lần ấy giảng được tương đối kỹ càng đầy đủ, tổng cộng giảng 107 buổi, hình như lần này có mang mấy bộ qua đây, đây là có một vị đồng tu đã phát tâm làm 1000 bộ. Thời gian lưu giữ của

đĩa CD được lâu, chất lượng âm thanh không bị thay đổi, họ nói với tôi là có thể lưu giữ 200 năm mà chất lượng âm thanh không bị thay đổi. Thế nên, chúng tôi dùng đĩa CD để sao chép làm thành băng thu âm lưu thông, hiệu quả rất tốt.

Vậy thì vì sao chúng ta tu Tịnh độ? Vì sao phải niệm A-di-đà Phật? Vì sao cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc? Các vị đem bộ [giảng giải] kinh Vô Lượng Thọ này nghe kỹ vài lần thì sẽ hiểu rõ thôi, bạn sẽ biết được phải tu như thế nào, cách học ra sao.

Sau cùng là nói đến quy tâm Tịnh độ. Nếu như chúng ta không muốn lãng phí tinh thần, sức lực và thời gian để nghiên cứu kỹ về chân tướng của vũ trụ nhân sinh thì học đến đây là được rồi, tương đối đầy đủ. Vì sao vậy? Tương lai đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, sau khi đến đó rồi thì trí tuệ, đức năng, hết thảy thọ dụng của chúng ta cùng

với A-di-đà Phật là bình đẳng, thế giới Tây Phương là thế giới bình đẳng. Vậy thì chân tướng của vũ trụ nhân sinh rốt cuộc là như thế nào? Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc không tới một tuần thì bạn thấy đều hiểu rõ, đây là sự thật. Hà tất phải ở nơi này, hằng ngày phải động não, nghĩ thế nào cũng nghĩ không ra. Đây là đường tắt! Đường tắt để thành Phật, người thông thường gọi là đạo thành Phật, con đường thành Phật. Tịnh tông chính là đường tắt để thành Phật. Con đường tu đạo rất dài, rất xa, cách xa vời vọi! Pháp môn này là con đường gần, bảo đảm cho chúng ta ngay trong một đời này chắc chắn thành tựu.

Từ đây có thể biết, pháp môn này đích thực thù thắng không gì bằng. Chư Phật tán thán, Bồ-tát tán thán, các vị tổ sư đại đức nhiều đời không có một vị nào không tán thán. Ngay trong đời này, chúng ta có thể gặp được quả thật là rất may mắn, trong kệ

khai kinh nói: *“Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được”*. Đây là lời chân thật, không phải giả. Cư sĩ Bành Tế Thanh nói rằng: *“Một ngày hiếm có khó gặp trong vô lượng kiếp đến nay”*. Nếu như chúng ta đem một ngày khó gặp được này bỏ luống qua ngay trước mắt, bạn nói đáng tiếc biết dường nào! Hiếm có khó gặp trong vô lượng kiếp, bạn đã gặp được rồi thì phải nắm chặt lấy nó, nhất định không thể để vuột mất, phải nỗ lực học tập, phải nỗ lực tu hành.

Lần diễn giảng này, tôi nghĩ giảng đến đây thôi, chúng tôi báo cáo tới đây, về sau thời gian của chúng ta còn rất dài, sau khi đạo tràng xây dựng xong, chúng tôi hy vọng có thể thu xếp được nhiều thời gian cùng học tập với chư vị đồng tu.

Sau đây còn nửa tiếng đồng hồ, chúng tôi làm một nghi thức quy y cho quý vị. Nghi thức Tam quy ngũ giới này, bởi vì đạo tràng

nhỏ nên chúng ta sẽ [tổ chức] nghi thức đơn giản mà long trọng, không trọng hình thức chỉ trọng thực chất, thực chất chính là chúng ta phát tâm thật sự, không phải hữu khẩu vô tâm. Quy y với một vị pháp sư, mang danh nghĩa là đệ tử Phật, là tín đồ Phật giáo, vậy thì sai rồi. Vừa rồi đã nói quy y Tam bảo không phải là quy y với Pháp sư Tịnh Không tôi. Nếu như quý vị có cái quan niệm như: “Tôi quy y với Pháp sư Tịnh Không, tôi là học trò của Pháp sư Tịnh Không”, thì quý vị tương lai đều sẽ đọa địa ngục. Tôi nói lời thành thật với quý vị, phải biết được cái lợi, cái hại của việc này, tương lai khi quý vị đọa địa ngục thì tôi không chịu trách nhiệm.

Vì sao bị đọa địa ngục vậy? Bạn đã phá hoại tăng đoàn. Trong tội ngũ nghịch có “phá hòa hợp tăng”. Chúng ta gia nhập đoàn thể này, tôi nêu ra một thí dụ thì bạn sẽ hiểu, xã hội hiện nay là xã hội dân chủ, đảng chính trị, bạn muốn gia nhập đảng này, trở thành

đảng viên của đảng này, lúc vào đảng sẽ có thủ tục, có nghi thức, bạn phải tuyên thệ. Lúc tuyên thệ, đảng bộ cấp trên nhất định sẽ cử một đảng viên có thâm niên đến để giám sát việc tuyên thệ, bạn không hiểu sự việc ra làm sao, bạn liền đi theo họ, tham gia đảng của họ, như vậy có được hay không? Đây là hoàn toàn sai lầm, điểm này nhất định phải nhận thức rõ ràng.

Tôi là người đại diện cho cả tăng đoàn, cho nên bạn quy y là quy y Tam bảo Phật - Pháp - Tăng, không phải quy y cá nhân tôi, lời khai thị của tổ sư đại đức xưa nay cũng là như vậy, đều nói được rất rõ ràng. Bạn xem, ngay đến Đại sư Ấn Quang trong pháp hội Hộ Quốc Túc Tai ở Thượng Hải, ngày cuối cùng là truyền thọ Tam quy y, phần sau cũng nói được rất rõ ràng: “Không phải quy y với cá nhân Pháp sư Ấn Quang tôi, bạn là quy y với tăng đoàn”. Nhưng đoạn văn phía sau đó, hiện nay in ấn đã đem nó lược bỏ mất,

không biết là người nào đã làm việc này. Thế nên, hiện nay thông thường người ta đều hiểu lầm là họ quy y với một vị pháp sư nào đó, đây là sai rồi. Một vị pháp sư là một đoàn thể nhỏ, đôi bên đối lập lẫn nhau, cả tăng đoàn sẽ bị phá hoại. Cho nên, bạn không quy y thì sẽ không đọa địa ngục, một khi quy y liền đọa địa ngục ngay. Tương lai vua Diêm-la phán xét bạn đọa địa ngục, bạn nói: “Tôi không có tạo tội”, khi đem chứng thư quy y của bạn ra, thì đây chính là chứng cứ phạm tội. Cho nên, chứng thư quy y này của tôi, chữ ký ở phía sau của tôi là A-xà-lê chứng minh Tam quy, tôi là người làm chứng minh cho bạn, bạn là quy y Tam bảo, không phải quy y tôi, phải làm cho rõ ràng, sai một ly là đi ngàn dặm!

Ngày nay Phật pháp suy bại chính là sai ở chỗ này! Mỗi người đều xây dựng đoàn thể riêng của mình, không biết được tận hư không khắp pháp giới là một nhà. Chúng ta

phải tôn kính người khác, người khác không tôn kính chúng ta thì đó là việc của họ, chúng ta phải tôn kính họ. Chúng ta phải toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ, họ không giúp đỡ chúng ta thì đó là việc của họ. Điều này chúng ta không cần phải bận tâm, cứ tận sức làm tròn bổn phận của chính mình là được rồi. Mục tiêu của chúng ta là ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta nhất định phải gặp Phật, phải đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với Phật, đây là bạn đã thật sự Tam quy.

Nếu như [tâm] người thế gian không có một nơi nương tựa thật sự vững chắc thì việc quy y này của bạn rất trống rỗng, tự tánh giác - chánh - tịnh, bạn làm cách nào để giác cũng giác không được. Cho nên, chúng ta nhất định phải tìm một hình tượng, nếu như trong tâm có nơi nương tựa thì sẽ yên tâm hơn một chút. Nếu quý vị có cách nghĩ như vậy thì tôi sẽ giới thiệu để thỏa mãn nguyện

vọng của mọi người. Chúng ta quy y Phật là quy y A-di-đà Phật, chúng ta làm đệ tử của Di-đà. Về sau có ai hỏi bạn: “Bạn quy y với vị nào vậy?”, “tôi quy y với A-di-đà Phật”, không thể nói: “Tôi quy y với Pháp sư Tịnh Không”, đó là bạn sai rồi. Bạn quy y với A-di-đà Phật, ai làm chứng minh cho bạn? Pháp sư Tịnh Không làm chứng minh cho bạn, vậy thì đúng. Tôi làm chứng minh cho bạn quy y với A-di-đà Phật. Pháp bảo là “tôi quy y kinh Vô Lượng Thọ”. Tăng bảo là “tôi quy y với Quán Thế Âm Bồ-tát, quy y với Đại Thế Chí Bồ-tát”, hai ngài là Tăng bảo. Tam bảo đều đầy đủ, chúng ta thật sự có nơi nương tựa. Tốt rồi, bây giờ chúng ta cử hành nghi thức.





THUẬT NGỮ PHẬT HỌC TRONG SÁCH NÀY

A-di-đà Phật: đức Phật A-di-đà. Phạn ngữ “a” dịch nghĩa là “vô”, “di-đà” dịch nghĩa là “lượng”. Vì đức Phật này hào quang chiếu sáng qua vô lượng thế giới, thọ mạng kéo dài qua vô lượng kiếp, phước đức cũng là vô lượng nên xưng danh là A-di-đà Phật.

ba-la-mật: tên gọi khác là ba-la-mật-đa, ba-la-nhi-đa. Hán dịch là Đáo bỉ ngạn, Độ vô

cực, Sự cứu cánh. Nghĩa là đến bờ kia (Niết-bàn), thành tựu hạnh tự lợi và lợi tha. Thông thường chỉ cho việc tu hành của Bồ-tát, tức là nói đại hạnh của Bồ-tát có khả năng hoàn thành việc tự tu hành và giáo hóa người khác một cách tốt ráo, nên gọi là Sự cứu cánh; Bồ-tát lại nương nhờ vào đại hạnh này mà đi từ bờ sinh tử bên này đến bờ Niết-bàn bên kia, cho nên gọi là Đáo bỉ ngạn. Đại hạnh này có khả năng vượt qua mọi pháp rộng xa, cho nên gọi là Độ vô cực.

Bồ-tát: danh xưng đầy đủ là Bồ-đề Tát-đỏa, dịch nghĩa là “giác hữu tình”. Vì cũng tu chứng như Phật nên gọi là “giác”, nhưng chưa dứt hết vô minh nên gọi là “hữu tình”. Theo một nghĩa khác, “hữu tình” chỉ tất cả chúng sinh, Bồ-tát dùng chánh đạo giáo hóa giác ngộ chúng sinh nên gọi là “giác hữu tình”.

Bồ-đề: dịch nghĩa là “giác”, nghĩa là tỉnh thức, giác ngộ.

Duyên giác: là những chúng sinh nghe Phật thuyết giảng giáo pháp Thập nhị nhân duyên mà được ngộ đạo, nên gọi là Duyên giác.

hành giả: chỉ người tu hành, thường là tu tập hành trì theo một pháp môn cụ thể nào đó.

La-hán: danh xưng đầy đủ là A-la-hán, có ba nghĩa: Một là giết giặc phiền não, hai là không còn thọ thân tái sinh đời tiếp theo, ba là xứng đáng nhận sự cúng dường cung kính của hàng trời, người.

Như Lai: phiên âm theo Phạn ngữ là Đa-đà-a-già-độ (*Tathāgata*), dịch nghĩa là Như Lai, là một trong mười danh hiệu của Phật.

Niết-bàn: dịch nghĩa là diệt độ, nghĩa là đạt được niềm vui của sự tịch diệt, độ thoát nỗi khổ sinh tử. Cũng được giải thích rằng, niết là không sinh, bàn là không diệt, không sinh không diệt nên gọi là Niết-bàn.

tam-muội: dịch nghĩa là chánh định, tức không phải tà định, cũng gọi là chánh thọ, không còn thọ nhận các cảm thọ nên gọi là chánh thọ.

Thanh văn: hàng đệ tử Phật nhờ được nghe âm thanh thuyết pháp Tứ đế mà chứng quả, nên gọi là Thanh văn.

Thích-ca Mâu-ni Phật: tiếng Phạn Thích-ca, dịch nghĩa là “năng nhân”, Mâu-ni, dịch nghĩa là “tịch mặc”, vì đức nhân có thể cứu độ muôn loài, đạo vẫn giữ theo tịch mặc vô vi, nên gọi là “năng nhân tịch mặc”. Phật, nghĩa là tỉnh giác, giác ngộ.

tỳ-kheo: dịch nghĩa là “khất sĩ”, người đi xin, hàm nghĩa là người đi theo Phật xin Chánh pháp để nuôi dưỡng tuệ mạng, vào thế gian xin thức ăn để nuôi dưỡng xác thân. Chữ này còn có nghĩa là phá trừ xấu ác, làm cho ma quân kinh sợ.

NHÂN THỨC PHẬT GIÁO

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

*

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc. Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập
Lý Bá Toàn. Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh. Thiết kế mỹ thuật: Trần Nguyên Hải - 0989100421.
Sửa bản in: Minh Trí

*

Đối tác liên kết: Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông NIB
Liên hệ ấn tống: **0989100421**

*

In 5.000 cuốn, khổ 13,5cm x 20,5cm, tại Xí nghiệp in FAHASA, số 774 Trường Chinh, P.15,
Q.Tân Bình, TP.HCM. Số XNKHXB: 2549-2021/CXBIPH/32-55/HĐ, QĐXB: 446/QĐ-NXBHĐ. Cấp
ngày: 24/07/2021. In xong và nộp lưu chiểu: 2021

ISBN: 978-604-338-311-9

